

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường



Dấu-Ấn

ĐÃ
PHÁT-HÀNH
NĂM 1957

★ Một địa-chỉ tín nhiệm mà quý vị muốn có những
tấm chân-dung nghệ thuật



DÔNG DA

Quán 22-22
NGUYỄN-HUỆ
SAIGON

- ★ Một nơi đáng tin-cậy của
quý bạn nhiếp ảnh tài-tử
muốn tráng phim, in, rọi
hình đủ loại.
- ★ Một địa điểm triền-lãm
thường trực những tác-
phẩm nhiếp ảnh chọn lọc.
- ★ Một nơi đầy đủ chuyên viên
lành nghề để quay phim
và chụp hình tại nhà.



CÓ MẤY LOẠI THUỐC BỔ?

BỔ TRẺ CON

Cam tích, bụng lớn nổi gân xanh đỏ, mồ hôi đầu, ăn uống chậm tiêu, hãy uống NHI KHOA BẮC HOÀN, trẻ em sẽ được mập mạp mau lớn.

Giá 30\$00.

BỔ THANH-NIÊN

Thận suy, đau lưng nhức mỏi, mộng mị đi tỉnh, sức lực suy nhược, hãy uống TAM TINH HẢI CẦU BẮC HOÀN hằng hái yêu đời.

Giá 32\$50.

BỔ TRUNG-NIÊN

Vì quá lao tâm lao lực, đau lưng, ngực rang, đầu vầng, bần thần mệt nhọc, ít ngủ, đái đêm, phòng sự yếu, hãy uống SÂM NHUNG DƯƠNG TÂM BẮC HOÀN sẽ được như ý.

Giá 39\$00

BỔ LÃO

Các cụ lưng mỏi, gối dòn, khí huyết suy kém, tỳ vị hư nhược, ít ăn ít ngủ, uống thuốc DIÊN LINH (CH THỌ HOÀN, sẽ được tỏ tai sáng mắt, sống lâu thêm tuổi.

Giá 39\$00

NHÀ THUỐC VÕ-VĂN-VĂN
201.211, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học
SAIGON



QUỐC-VĂN-TOÀN-BỘ

CỦA BUI-VĂN-BÀO

Một quyển sách bằng bảy quyển sách!

— Để các bạn giáo chức đỡ mắt nhiều-thì giờ tìm-lời, tra-cầu lúc soạn bài.

— Để giúp các em học-sinh đỡ mắt công chép bài khi ngồi trong lớp nghe giảng.

— Để đáp lại sự đòi hỏi, khuyến khích, chỉ-dẫn của các đồng nghiệp xa gần.

Chúng tôi đã cho in năm cuốn:

Cuốn nào cũng có đầy đủ các môn:

- Ngữ vựng
 - Tập đọc, học thuộc lòng
 - Chính tả và văn phạm
 - Tập viết, tập làm văn
- Vừa đủ cho một niên học
Nội dung: Xây dựng, hợp
tích thân mới

Hình thức: Trang nhã, hấp dẫn

Bài nào cũng soạn vừa đủ, không dài, không ngắn, rất tiện cho việc giảng dạy ở lớp.

Thư-từ giao dịch xin do:

VÕ-VĂN-KHOÁI

Nhà Xuất bản

SỐNG MỚI

90/2 Cao-Thắng SAIGON



Bộ Sách thu góp những tinh hoa của nền Văn Học Việt Nam. Sưu tầm và tuyển chọn công phu đã hơn một năm trời. Nay sắp xuất bản:

TINH HOA TUYỂN TẬP

do **TRẦN-QUỐC-BẢO** biên tập

*

TRÍCH TỰA

精
華
選
輯

..... Lịch sử văn học bắt đầu ghi lại sự phát triển tốt đẹp này. Đó là một bước tiến dài, quá dài khiến cho con cháu chúng ta sau này chắc sẽ phải ngạc nhiên khi ngó lại quá trình Văn học của những thế hệ cũ. Cho nên khu vườn văn chương Việt-Nam đến nay đã có thêm nhiều đóa hoa thơm ngát mới lạ bên những đóa hoa cò điển cổ hữu. Mỗi khi bước vào khu vườn đầy hương sắc này những người yêu mến văn chương không thể không cảm thấy lòng mình xôn xao vì bao niềm rung động, bao nỗi xúc cảm.

Chúng tôi cũng là kẻ sung sướng và tự hào mỗi khi vào du ngoạn trong khu vườn đó.

Giữa ngàn hoa tươi thắm mịn-màng, chúng tôi sẽ lần lượt lựa chọn rồi thu góp những đóa hoa kiều diễm, khả ái và thơm tho hơn cả; thành từng bó để gửi đến các bạn bốn phương.

Phải chăng đây là những kỷ niệm của một thời đại văn học chừng 60 năm nay mà chúng ta có thể gọi một cách tự hào là thời đại hoàng kim của tư tưởng.

.....

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

BỘ MỜI SỐ 1 * 1-11-1958

	Số trang
1— Thân chào Bạn đọc	P.T. 11—12
2— Hàn Lâm Viện Việt-Nam	Nguyễn Vỹ 13—14
3— Nhà văn Nguyễn Tuấn với phở Ngẫu-pín	Quốc-Bảo 15
4— Vua Nhật. Minh trị là một nhà thơ	Phạm-Công-Thiện 16—20
5— Luật Lao-động V.N.	Huỳnh khắc Dụng 21—25
6— Nước Cộng Hòa « Con Ong »	Huỳnh Bội Hoàng 26—31
7— Chất chính một nhà viết sử	Trúc-Linh 32—33
8— Thành phố Saigon 100 năm trước	Đặng văn Nhâm 34—41
9— Trăng, dưới mắt các nhà thơ Anh	Cò Lê thị Nguyệt Thu 42—44
10— Mất Vàng	Liên-Nhụy 45—47
11— Ai ăn hạt vịt lộn ?	B.S. Hoàng Mộng Lương 48—50
12— Trường thơ Lettrisme bị phá sản	Hoàng Trúc Ly } cô Diệu Huyền } 51—55
13— Nước mắt	Bà Thu Vân 56—59
14— Phụ nữ thể dục	Cò Tuyết Anh 60—61
15— Món ăn phổ thông	Bà Thượng Lạc 62—63
16— Lương Khất Siêu	Trần Tuấn Khải 64—67
17— Bích Câu kỳ ngộ	Thầm Thệ Hà 68—71
18— Shakespeare	Tạ Ký 72—75
19— V.N. sẽ có một trung tâm Nguyễn-tử lực	Giáo-sư Bửu-Hội 76—77
20— Ngử Học	Lê Ngọc Trụ 78—82

	Số trang
21— Nhà văn ngữ trên hàng kiến	Vương Hồng Sên 83— 86
22— Cái lương đã được 41 tuổi.	Nguyễn Ang Ca 87— 90
23— Tôi làm phim.	Thái Thúc Điển 91— 93
24— Những người đời trước.	Nguyễn Thu Minh 94— 97
25— Văn nghệ sĩ thanh niên hiện đại	Lâm Vị Thủy 98—103
26— Sách mới xuất bản.	Hồ thị Lý 104—105
27— Nhờ các bạn trả lời giùm	106—107
28— Kiên Trinh (Tiểu thuyết).	Cô Văn Nga 108—115
29— Ba Tèo trả lời giùm	116—117
30— Buồn ơi Chào mi! (Tiểu thuyết).	Diệu Huyền 118—124
31— 4.000 năm ca dao.	Ba Tèo 125—128

- ★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, chò màu cô Diệu-Huyền
- ★ Tranh vẽ. cô Xuân-Mai ?
Họa-sĩ Duy-Liêm
— Đăng-Nhâm
- ★ Bản kẽm Nguyễn-Diêu
- ★ Hình Bìa Văn-Mười
- ★ In offset Bìa Đông-Nam-Á

• Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG» và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

- **PHỒ-THÔNG SỐ 2** : Những bài của : NGUYỄN-HIỆN-LÊ, TÔ-THÙY-YẾN, BÀ TĂNG-XUÂN-AN, ĐOÀN-QUAN-TẤN, THÂN-VĂN, TAM-ÍCH, v. v. . . THƠ của THANH-NHUNG
- ★ **ẢNH ĐÈN**, dịch truyện Tàu của VI-HUYỀN-ĐẮC,

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

THÂN GIẢI

BẠN ĐỌC



THƯA bạn, chắc PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ không xa lạ gì với Bạn nhỉ. Như lúc Bạn thoát mới trông thấy, Bạn đã nhận ngay đây là một người bạn cũ trở về với Bạn, sau một thờ gian vắng bóng bốn năm.

Lý do vắng mặt, chúng tôi thiết tưởng không cần nói rõ chắc Bạn cũng dư hiểu rằng do lúc bấy giờ tờ Nhật báo DÂN TA đã cướp mất rất nhiều thì giờ của PHỒ THÔNG giữa lúc nó hãy còn là tạp chí Văn-hóa đầu tiên và duy nhất của Việt nam, được các giới Trí-thức, Thanh niên cũng như Lão-thành nhiệt-liệt hoan-nghênh và ủng hộ Rồi tờ Dân-Ta bị đình bản, buộc lòng tạp chí Văn-hóa PHỒ-THÔNG cũng phải đình bản luôn.

Bốn năm nay, 1954-1953 các bạn bốn phương trung-thành với PHỒ-THÔNG tạp chí, vẫn thường nhắc-nhở đến nó luôn với niềm cảm mến nồng hậu mà các Bạn

đã đề dành vinh-dự đặc-biệt cho nó.

Nay, PHỒ-THÔNG được may mắn trở về trong tay Bạn. May mắn là nhờ một phần ở sự nhắc nhở thường xuyên của Bạn cổ-vô và khuyến-kích chúng tôi rất nhiều.

Hôm nay, trong cuộc trùng-phùng quý báu này, PHỒ-THÔNG xin hoan-hỷ tỏ lời cảm ơn tất cả các Bạn xa gần đã mến nó trước kia.

Tạp chí Văn-hóa PHỒ-THÔNG tục-bản cũng xin giữ đúng tôn chỉ mà nó đã tự vạch ra từ khi mới xuất-hiện. Nó sẽ giữ đúng thể tài và nội-dung PHỒ-THÔNG 1952-1954. Nó sẽ tiếp-tục phục-vụ Lý-tưởng Văn nghệ của nó, là :

- GÓP PHẦN XÂY-DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM.**
- PHỒ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỒ.**

Nhưng từ nay, nó xin hứa góp phần xây dựng mạnh mẽ hơn, và phổ-biến sâu rộng đầy đủ hơn.

PHỒ - THÔNG TẠP-CHÍ chủ trương bồi đắp một nền Văn-hóa tự do, không chịu bó-buộc trong bất cứ một khuôn-khò nào, cũng không nề một chướng-ngại rào. Nó sẽ biểu diễn tư tưởng luân-túy, và sẽ không phân-bội nhiệm vụ sáng tạo và nhân-đạo của Văn hóa loài người.

Nó cũng sẽ cố-gắng trau dồi kỹ thuật ấn-loát cho thích hợp với nghệ - thuật tiến - triển của thời buổi mới

PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ sẽ nhất

quyết không làm chính-trị, mà chỉ chú-trọng chuyên môn về Văn-hóa, về tất cả các bộ môn Văn-ngệ.

Nó mở rộng cánh cửa đón tất cả các tài năng tinh - tủy của Dân-tộc Việt-Nam, các danh nhân già dặn kinh nghiệm, và các tài hoa chớm nở của Thế-hệ hậu chiến.

Sau cùng, PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ xin cảm ơn tất cả các nhà trí thức và các Văn-hữu đã có thiện cảm với nó, và đã sốt sắng giúp đỡ nó về bài vở có giá-trị đặt-biệt, nhờ đó PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ mới được hân hạnh ra Bộ mới số 1 này.

PT

Chức Ban Đọc

* Saigon, 9-9-58.

Tôi nghe tin người ta đồn rằng ông sắp cho ra lại Tạp-chí Phồ-Thông, thưa ông, có phải thế thật không? Có phải Tạp-chí Phồ-Thông trước kia mà chúng tôi rất thích rất mê đó không? Nếu thế thì tôi tin rằng không những chúng tôi, mà còn đa số bạn đọc cũ của Phồ-Thông cũng sẽ vui mừng đón chờ Phồ-Thông...

Trần-Tú-Dung

(Nhà máy đèn Chợ-quán)

* ... Hiện em còn giữ đủ bộ Phồ-Thông cũ, từ số 1 đến số 15. Chủ em đi xa vắng, nhưng vẫn để lại cho em, và em đã đọc « nó » say - mê. Thú - thật với ông rằng em nhận thấy cái thú đọc sách đọc báo từ khi em đã đọc Phồ-Thông. Nay xem quảng-cáo trong các báo có tin Phồ - Thông tái bản... trời ! em mừng không xiết kể. Em mong rằng...

Lê thị-Hồng-Quang

(Ấp Hà-Đông, Dalat)

Việt-Nam 4.000 năm văn hiến
vẫn chưa có một

HÀN-LÂM-VIỆN

THẦU hết những Quốc-gia hãnh-diện có một nền Văn-hóa riêng biệt, biểu-dương Quá-khứ vinh-quang vĩ-đại của mình, đều có mộ Hàn-Lâm-Viện. Nó không phải một xa-xỉ-phảm phù-phiếm của một chế độ hay một thời-đại, cũng không phải một cơ-cấu trường-giả không có lợi-ích thiết-thực cho nhân-dân. Hàn-Lâm-Viện là, trước hết, tượng trưng nền văn-minh cổ-hữu của một Dân-tộc, uy-lực tinh-thần của nó, và thể thống của nó đối với Quốc-tế.

Cho nên, không phải vì sở-hiếu đế-vương mà vua Lê-thánh-Tôn đã sáng lập Tao-đàn với 28 nhà Văn-học triều Lê : Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, và 26 vị Văn thần khác đã soạn ra bộ sách Thiên-nam-dư-hạ tập gồm 100 quyển. Tiếc thay, trải qua lịch-sử Văn-học Việt-Nam, chỉ có mỗi một vị Vua ấy là đã lập ra một Hàn-Lâm-Viện quốc-gia. Và lại Tao-đàn này cũng chỉ tồn-tại đến cuối triều Vua ấy thôi, 1460—97.

Hàn-Lâm-Viện Pháp lập ra từ 1637 và tồn tại cho đến ngày nay, với một quá-trình rất vẻ-vang cho Văn-học Pháp, Đức, Ý, Anh, Mỹ, Nga, Nhật, Y-pha-Nho, Bồ-đào Nho, Tích-Lan, Ai-Cập, Thụy Điển, v. v. ... cũng như Pháp đều có Hàn-Lâm-Viện riêng cho mỗi bộ môn văn-ngệ (khoa học, hội họa, âm nhạc, văn học, chính trị, v. v. ...). Những cơ-cấu quốc-gia ấy là trung-tâm-điểm phản-chiếu Văn hóa và tư-tưởng của mỗi Dân-tộc trên thế giới.

Nước Việt - Nam, với bốn ngàn năm văn - hiến rất tốt đẹp, có thể thua kém các cường quốc tân tiến về khoa học và văn minh cơ khí, chứ chắc rằng không đến nỗi sút kém lắm về văn - minh tinh-thần, nhất là về văn-học. Việt-ngữ là một sinh ngữ đẹp nhất ở Đông-nam-Á, cũng không phải là tự phụ đâu.

Vì vậy, trong lúc nước Việt-nam đang vươn mình lên với Quốc tế, sự thành-lập một Hàn-lâm-viện Việt-nam không phải là quá sớm, và cũng không phải là không cần.

Nó cần thiết gấp rút nữa là khác. Vì một Hàn Lâm-viện Việt Nam dĩ nhiên phải có nhiệm-vụ *bảo-vệ và đề-cao Việt-ngữ*.

Tiếng nói của người Việt nam hiện nay đang biến-hóa mau lẹ, và văn-chương Việt-Nam cũng đang tiến triển rất mạnh. Sự tiến hóa ấy đang theo một đà hỗn độn, thiếu kỷ luật và thiếu liên-hợp chặt chẽ. Sự lạm dụng những từ ngữ mới, sự xâm nhập chữ Pháp và chữ Tàu, đã gây ra cho Việt ngữ một trạng thái hỗn-độn gần giống như Pháp ngữ trước thời-kỳ Malherbe.

Tình trạng ấy sẽ kéo dài mãi nếu không có một quyền *Tự Điền Việt-Ngữ* đầy đủ được ra đời. Tôi nói một quyền Tự - điền Việt-ngữ đầy đủ là một quyền Tự điền chân chính, với tất cả những tên người và tên đất của lịch-sử và Địa-đư Việt - Nam từ xưa đến nay, tất cả những tiếng nói thổ ngữ và quốc ngữ của toàn xứ, cũ và mới, phổ biến sự tổng hợp toàn vẹn của 4000 năm Văn hóa Việt nam. Ít nhất nó cũng phải được: như một quyền Tự điền Pháp ngữ của Larousse, hay Littré.

Một quyền Tự điền như thế, từ trước đến nay ta chưa có. Bởi nó là cả một công trình vĩ đại mà chỉ có một Hàn-lâm viện gồm những nhà văn-sĩ và học giả chân chính của Nam Trung Bắc, họp nhau lại, chung sức nhau, tìm tòi, khảo cứu, trong năm bảy năm, mới thành công.

Ngoài ra một Hàn-lâm viện Việt-nam sẽ phải có nhiệm-vụ:

- * Biên soạn một bộ *Sử-ký Việt Nam* đầy đủ làm căn bản cho các sách sử-ký đề giáo huấn ở các trường.
- * Một bộ *Văn-học sử Việt-Nam* đầy đủ.
- * Hoàn-thành một quyền *Văn phạm Việt Nam* chính đáng.
- * Đặt những giải thưởng các tác phẩm thật là đặc-sắc.
- * Dịch đề phổ-biến các tác phẩm văn-chương của Việt-nam ra Ngoại quốc.

Bảo vệ và đề cao Việt ngữ, như tôi trình bày sơ-lược trong bài này, là một công tác vô cùng lớn lao, cần-thiết gấp rút. Tôi thiết tưởng nhiều bạn Trí thức cũng công nhận rằng ngoài một *Hàn lâm-Viện*, sẽ không có một cá nhân nào, hoặc một nhóm tư-nhân nào, dám tự phụ đảm đương nổi.



Nhà văn NGUYỄN TUÂN với Phở Ngẫu-Pin

TRONG số các nhà văn miền Bắc bị đem ra đấu tố và chỉnh huấn, có Nguyễn Tuân. Ông là một trong số những nhà văn kỳ cựu, ở lại theo kháng chiến. Chính ông đã nhiều lần tuyên bố quyết tâm « thoát xác » nghĩa là đổi hẳn lối viết và tư-tưởng tiểu tư sản. Ông cũng đã công khai tự hủy bỏ những tác phẩm cũ như: *Vang bóng một thời*, *Thiếu Quê hương*, *Một chuyến đi*, *Nhà bác Nguyễn*, vân vân... Mới rồi Nguyễn-Tuân viết một bài tùy bút « *Phở* » đăng trong tuần báo « *Văn* » số 1 và 2. Chính vì bài Tùy bút « *Phở* » đó, Nguyễn-Tuân bị khép vào tội phản động và lập tức bị « *Tống* » vào « *Trại chỉnh Huấn* » để nghiên ngẫm lại tác phẩm của mình. Sau đây là đoạn ông viết về « *Phở* » và « *Phở ngẫu pin* » đã bị kết án:

— « Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài 4 chân, loài ở nước

loài bay trên giới nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công-thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xa xiu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở éch, phở dè, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, cắc kè... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có lẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở mỹ miếc gì đó. Trong năm đói 1945 ở đây nổi nước phở của thời đại, ở Haiphong và Hanoi, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con, nhưng đó lại là một chuyện khác.

« Lại còn phở ngẫu pin. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích lém phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây đọc ác hay đánh cu-li đến thổi thịt tìm xương... »

Có lẽ chính Nguyễn-Tuân cũng không ngờ rằng mình viết về Phở thú vị đến thế mà rồi rút cục bị đảng chỉnh huấn, đấu tố đến .. tóe phở ra thì oan thiệt!

Quốc Bảo



MINH-TRI
(1852-1912)

VUA NHỰT-BỔN

MINH-TRI

THIÊN-HOÀNG

LÀ MỘT

NHÀ THƠ

ÍT AI BIẾT!

HOÀNG-đế thứ nhất của Nhật-bản cổ-kính là Jimmu Tenno ; hoàng đế thứ nhất của Nhật-bản duy-tân là THIÊN-HOÀNG MINH-TRI.

MINH-TRI không còn là một tên xa-lạ với chúng ta nữa.

Ai mà không biết MINH-TRI (Meiji) là hiệu của Mục-Nhân (Mutsu Hito), một hoàng-đế đại-tài, lỗi-lạc nhất của Nhật-bản, người đã canh-tân nước Nhật và đưa Nhật lên địa-vị một cường-quốc.

Ngày xưa và cả ngày nay, nhắc đến MINH-TRI Thiên hoàng, chúng ta — dân Việt-Nam — chỉ

nhớ đến huân-công hiển-hách của ông ghi trong Lịch-Sử Nhật-bản, chứ ít người biết rằng ông còn có một địa-vị xứng đáng trong lâu-đài Văn-học của non nước Phù-Tang. MINH-TRI là một trong những thi-sĩ trứ danh của Nhật ở thời hiện-đại.

★

Trước khi giới-thiệu thi-phẩm của ông, tưởng cũng nên nói đến thi pháp của Nhật để độc-giả có một ý-niệm khái-quát về thi-ca Nhật-bản.

Thơ cổ-diễn Nhật thường rất ngắn; đọc thơ Nhật, ta có cảm-

tưởng như những nét chấm-phá đan-thanh trong một bức tranh của danh-họa Hiroshige. Một bài thơ thường chỉ gồm vài ba câu, nhiều nhất là năm câu.

Đây là bài «haikai» rất truyền-tung của thi-hào BACHO (1634-1694) nhà thơ vĩ-đại nhất của Nhật :

Cành cây khô

Con quạ đậu

Hoàng-hôn mùa thu

Và đây là một bài thơ nổi tiếng của thi-sĩ trứ danh ISSA (1763-1827) :

Lúc tôi chết

Canh gác bên mồ tôi

Con châu-chấu

Những thể thơ lưu-hành nhất là «tanka» và «haikai». Thể «tanka» gồm có 5 câu, câu thứ nhất và thứ ba là những câu có năm vần (pentasyllabiques), câu thứ hai, thứ tư và thứ năm là những câu có bảy vần (heptasyllabiques), nghĩa là một bài thơ theo thể «tanka» gồm có 31 vần:

$$5 + 7 + 5 + 7 + 7 = 31$$

Thể «haikai» (hay hokkai) gồm có 3 câu. Câu thứ nhất và thứ ba là những câu có năm vần, câu thứ hai có 7 vần. Một bài thơ theo thể «haikai» gồm có tất cả là 17 vần :

$$5 + 7 + 5 = 17$$

Hai bài thơ trên của BACHO và ISSA viết theo thể «haikai»

cỦA PHẠM-CÔNG-THIỆN

(BACHO là ông tổ của thể thơ haikai). Hoàng đế MINH-TRI và hoàng hậu TCHOKENN rất nổi danh về thể thơ «tanka».

★

Dưới đây tôi xin trích dẫn vài bài thơ tiêu-biểu nhất của MINH-TRI để độc giả có một đại-ý về thơ của một vị hoàng-đế đa-tài của đất Nhật. Tất nhiên tôi chỉ dịch nghĩa mà thôi, vì vậy cái hay của nguyên-tác cũng mất đi rất nhiều.

Có nhiều bài thơ của MINH-TRI mà người đọc có cảm tưởng như đọc những câu tư-tưởng của một hiền-nhân, chẳng hạn :

國のためあたます仇はくたくとも
いつくしむべき事を忘れえ



MINH TRỊ
(1852-1912)

VUA NHỰT-BỒN
MINH-TRỊ
THIÊN-HOÀNG
LÀ MỘT
NHÀ THƠ
ÍT AI BIẾT!

HOÀNG-đế thứ nhất của Nhật-bản cổ-kinh là Jimmu Tenno ; hoàng đế thứ nhất của Nhật-bản duy-tân là THIÊN-HOÀNG MINH-TRỊ.

MINH-TRỊ không còn là một tên xa-lạ với chúng ta nữa.

Ai mà không biết MINH-TRỊ (Meiji) là hiệu của Mục-Nhân (Mutsu Hito), một hoàng-đế đại-tài, lỗi-lạc nhất của Nhật-bản, người đã canh-tân nước Nhật và đưa Nhật lên địa-vị một cường-quốc.

Ngày xưa và cả ngày nay, nhắc đến MINH-TRỊ Thiên hoàng, chúng ta — dân Việt-Nam — chỉ

nhớ đến huân-công hiển-hách của ông ghi trong Lịch-Sử Nhật-bản, chứ ít người biết rằng ông còn có một địa-vị xứng đáng trong lâu-đài Văn-học của non nước Phù-Tang. MINH-TRỊ là một trong những thi-sĩ trứ danh của Nhật ở thời hiện-đại.

★

Trước khi giới-thiệu thi-phẩm của ông, tưởng cũng nên nói đến thi pháp của Nhật để độc-giả có một ý-niệm khái-quát về thi-ca Nhật-bản.

Thơ cổ-diễn Nhật thường rất ngắn; đọc thơ Nhật, ta có cảm-

tưởng như những nét chấm-phá đan-thanh trong một bức tranh của danh-họa Hiroshige. Một bài thơ thường chỉ gồm vài ba câu, nhiều nhất là năm câu.

Đây là bài «haikai» rất truyền-tụng của thi-hào BACHO (1634-1694) nhà thơ vĩ-đại nhất của Nhật :

*Cành cây khô
Con quạ đậu
Hoàng-hôn mùa thu*

Và đây là một bài thơ nổi tiếng của thi-sĩ trứ danh ISSA (1763-1827) :

*Lúc tôi chết
Canh gác bên mồ tôi
Con châu-chấu*

Những thể thơ lưu-hành nhất là «tanka» và «haikai». Thể «tanka» gồm có 5 câu, câu thứ nhất và thứ ba là những câu có năm vần (pentasyllabiques), câu thứ hai, thứ tư và thứ năm là những câu có bảy vần (heptasyllabiques), nghĩa là một bài thơ theo thể «tanka» gồm có 31 vần:

$$5 + 7 + 5 + 7 + 7 = 31$$

Thể «haikai» (hay hokkai) gồm có 3 câu. Câu thứ nhất và thứ ba là những câu có năm vần, câu thứ hai có 7 vần. Một bài thơ theo thể «haikai» gồm có tất cả là 17 vần :

$$5 + 7 + 5 = 17$$

Hai bài thơ trên của BACHO và ISSA viết theo thể «haikai»

cỦA PHẠM-CÔNG-THIỆN

(BACHO là ông tổ của thể thơ haikai). Hoàng đế MINH-TRỊ và hoàng hậu TCHOKENN rất nổi danh về thể thơ «tanka».

★

Dưới đây tôi xin trích dẫn vài bài thơ tiêu-biểu nhất của MINH-TRỊ để độc giả có một đại-ý về thơ của một vị hoàng-đế đa-tài của đất Nhật. Tất nhiên tôi chỉ dịch nghĩa mà thôi, vì vậy cái hay của nguyên-tác cũng mất đi rất nhiều.

Có nhiều bài thơ của MINH-TRỊ mà người đọc có cảm tưởng như đọc những câu tư-tưởng của một hiền-nhân, chẳng hạn :

國のためあたます仇はくらくとも
いつくしむべき事を忘れえ

Viết theo Romaji: Kuni no tame ata nasu ata wa kudaku to mo itsukushimu beki koto na wasure so.

Dịch Nghĩa: Ngay khi đánh một kẻ thù làm hại đến tổ quốc anh, anh cũng phải nhớ mà yêu thương nó.

Đọc bài thơ trên, người ta có cảm-tưởng như đọc một câu trong THÁNH-KINH. Ai nào ngờ vị hoàng-đế đã gây ra hai trận chiến Trung-Nhật và Nga-Nhật lại có lòng bác-ái như thế. Đọc bài thơ trên, người ta nhớ đến câu sau đây của Jésus: «Bây phải yêu kẻ thù bây và làm phúc kẻ làm khổ bây» (Aimez vos ennemis, faites du bien à ceux qui vous persécutent).

Như tên hiệu của ông, ông là một minh-quân, cho nên ông luôn luôn tự nhủ:

Ta muốn

Luôn-luôn

Lòng ta quang đãng

Như thái dương mọc sáng

Nguyên văn: Sachi noboru asahi no gotoku, sawayaka ni motama hoshiki wa kokoro nari keru. (phiên-âm La-mã-tự)



Tôi nhớ hình như bài thơ này đã được ông Asataro MIYAMORI phỏng-dịch ra thơ Anh-ngữ như vậy:

Like the rising sun, which shines,

*Serene and bright,
Would that my heart might every be*

Filled with light.

Người ta cũng gọi nước Nhật là nước mặt trời mọc (Phù-Tang). Trong bài thơ trên, ông hạ câu «như mặt trời mọc sáng»

(さし見了朝日の如く)

thì cũng đã khéo.

Ông là một hoàng-đế luôn luôn tha thiết với công-cuộc duy-tân đất-nước. Trong thơ ông, thường bàng-bạc những ý-tưởng như bài sau đây:

Chuyện tốt diệt xấu

Ở...ta muốn

Làm sao

Không kém thua nước người

Nguyên-văn: Yoki wo tori ashi hiki wo sutete, totsukuni ni otoranu Kuni to nasu yoshi mo gana.

Có bài thơ của ông như một mệnh-lệnh ban xuống cho toàn-thể nhân dân Phù-tang, chẳng hạn:

Hãy văn-minh-hóa
Tổ quốc non sông!
Nhưng đừng quên lãng
Tinh-thần truyền-thống
Của Nhật-bản.



Nguyên-văn: Hiraku beki michi wa hirakite kamitsu-yo no kuni no sugata wo wasure zaranamu.

Có những bài thơ ông y hệt như lời giáo-huấn:

Hỡi vũ-trương

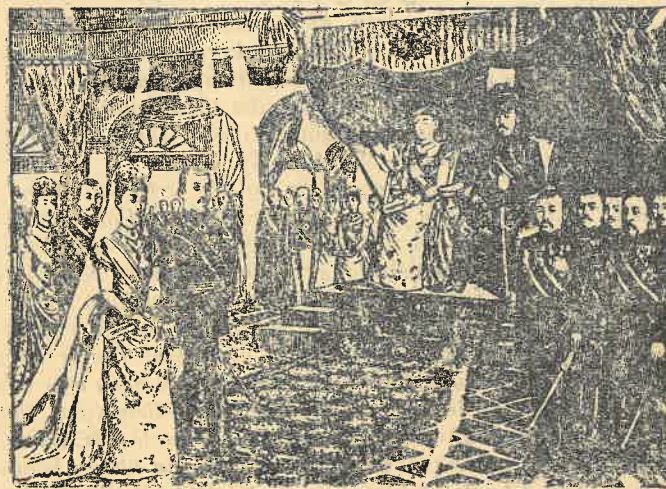
Muốn trở nên gương tốt

Cho hoàn cầu

Phải gởi trau

Tinh-thần

Của cổ Nhật-bản.



Vua Minh-Trị và Hoàng-hậu ngự-triều

N V: Kuni to ita kuni no gami to naru bakari migake masurao yamato damashii.

Sau khi trích-dẫn năm bài thơ trên của MINH-TRỊ THIÊN-HOÀNG, tôi tưởng đến đây độc-giả cũng đã có một đại-ý về thơ ông rồi.

Về hình-thức, những bài thơ ông đều làm theo thể «tanka» (bạn đếm thử những bài thơ trên sẽ thấy mỗi bài đều có đúng 31 vần).

Về nội-dung, ông chỉ phụng-sự đạo lý, chú-trọng đến thực-tế và hô-hào lòng duy-tân của quần-chúng, nên văn thiếu mãnh-lực để cảm động lòng người, hóa ra khô-khan và mất hẳn cái «đẹp». Ông chủ-trương «nghệ thuật vị nhân-sinh»

Ông không ngâm vịnh tạo-vật.
 Người ta nói rằng hoa, gió,
 trăng, núi, thông, ếch nhái, hay
 sâu bọ là những chủ-đề ưa-thích
 (thèmes favoris) của những thi
 gia xứ Anh - đào, nhưng trong
 thơ ông, tôi chưa thấy một bài
 nào có thể gọi là ngâm hoa vịnh
 nguyệt.

Giữa buổi giao-thời mới cũ,
 MINH-TRỊ Thiên-hoàng là một
 nhà đại ái-quốc, tất nhiên ông
 là một nhà văn rất cảm - thông
 với vận-mệnh dân - tộc, vì thế
 thơ của ông không giống những
 khúc thơ duy-mỹ của BACHO,
 ISSA hay BOUÇONN :

Cành cây khô

Con quạ đậu

Hoàng hôn mùa thu

(BACHO)

*Lúc tôi chết
 Canh gác bên mồ tôi
 Con cháu cháu*

(ISSA)

Hay là :

*Trên đầu gậy
 Cửa Sư ông đi hành hương
 Đậu và thiu-thiu ngủ
 Con bướm*

(BOUÇONN)

Ngày nay, tuy địa - vị của
 MINH-TRỊ Thiên - hoàng trong
 văn học không rực-rỡ như BA-
 CHO, ISSA hay B O U Ç O N N ;
 nhưng, theo nhà văn-học Fran-
 çois TOUSSAINT ; ông cùng
 hoàng-hậu TCHOKENN được dân
 Nhật xem như là «những nhà thơ
 tinh vi nhất ở thời hiện-đại»
 (considérés par les Japonais com-
 me les plus fins poètes contem-
 porains). PHẠM-CÔNG THIỆN

* OSCAR ? ? ? ...

Có những chuyện « trên không chẳng dưới không rõ », có
 những danh từ xuất xứ rất vu vơ. Thế mà được cả thế giới công nhận.
 Đó là trường hợp « Pho tượng OSCAR ». Tượng vàng OSCAR, hình
 dung chàng hiệp sĩ thời Trung Cổ, tay cầm thanh gươm chống mũi
 xuống. Là giải thưởng Điện Ảnh, mỗi năm do « Hàn Lâm Viện Nghệ
 thuật khoa học chiếu bóng » của Hoa Kỳ tặng.

Nhưng bởi đâu mà người ta gọi tên « Tượng Vàng » đó
 là OSCAR ? . Thật ra đó chỉ là một việc ngẫu nhiên. Hồi năm 1931, bà
 Margaret Herrich, trong Ban Chấp Hành của Hàn Lâm Viện, một
 hóm nhân vui chuyện đã nhắc lại sự nhận xét của bà về Pho Tượng
 Vàng. Bà nhận thấy rằng cái hàm vương, và tấm thân rắn rỏi oai
 vệ của Pho Tượng giống hệt hình ông OSCAR là cậu của bà. Câu
 « Chuyện vui » đó lọt vào tai một ông... nhà Báo. Thế là hôm sau
 (có lẽ vì báo thiếu tin tức) ông Ký Giả nhà ta phết ngay một mẩu tin
 vọt, với hàng «lít» bự lên báo mình như sau : « Viện Nghệ Thuật và
 Khoa học chiếu bóng đã đặt tên pho Tượng Vàng là OSCAR. » Thoạt
 đầu Viện định cải chính cái tin vọt đó nhưng sau không hiểu vì sao
 lại thôi. Thế là Pho Tượng Vàng mang tên OSCAR từ đó !

Trần-Quốc-Bảo



LUẬT LAO-ĐỘNG VIỆT-NAM

HUỲNH KHẮC DUNG

Chánh án tòa Thượng-thẩm Saigon

SAU cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy
 ngày 10 tháng 2 năm 1930,
 chính-quyền Đông-Dương thẳng
 tay khủng-bố. Nước Pháp gởi
 phái đoàn Paul Reynaud sang
 viếng Đông-Dương vào khoảng
 tháng 10 năm 1931, thì lòng dân
 ta hồng-bộ lạt thường. Trong
 khắp xứ, từ Bắc chí Nam, những
 cuộc mít tinh, biểu tình bắt bớ
 lung-tung xảy ra không ngớt.
 Nhưng càng đàn-áp, chính-quyền
 Đông-Dương càng tăng cao nhiệt
 độ của ý-chí Lao - động đấu
 tranh bên cạnh các đảng chính-
 trị quốc - gia, thoạt ăn thoạt
 hiện.

Nhân bên Pháp, phe Mặt Trận
 Bình-Dân lên cầm quyền, bên
 nước ta, thừa cơ hội ấy, vận
 động ráo - riết tổ - chức Đông-

Dương đại hội, đề đòi cải-cách
 đường lối chính trị và phông-
 thích chính-trị phạm. Các nhà
 tri-thức yêu nước đồng tâm hợp
 lực, nhằm mục tiêu ấy, như
 trong Nam, có nhóm La Lutte
 của Tạ Thu Thâu, Phan văn
 Hùm, v. v. . nhưng chẳng bao
 lâu, nội các Léon Blum lật đổ,
 thì cái mộng của họ cũng theo
 đó mà vỡ luôn. Hầu hết đều
 vương chân nơi sỏ bia đen, có
 kẻ bị lưu đày ra Côn-đảo...

Tuy như ngọn lửa rom, bạo
 phát chóng tàn, phong trào ấy đã
 gieo vào lòng dân ta nhiều ý-niệm
 mới-mẻ đánh thức giới cần-lao,
 làm cho họ suy-nghĩ, tuy rút-ré
 nhưng kiên-nhẫn ; sự kiện đó
 đánh dấu một cuộc tranh đấu
 ngấm-ngấm để đảo ngược một

chế độ bóc lột của kẻ giàu tiền mạnh thế. Phong trào ấy đã gây được một ảnh-hưởng sâu xa trong quần-chúng, khiến họ bắt đầu ý-niệm được quyền lợi của người lao-công đối với chủ, là hạng người trông nhờ nơi lao-lực của dân nghèo mà lập nên sự-nghiệp.

Từ 1934 trở đi, chính-phủ Đông-dương đã phải đắn-đo suy nghiệm lại vấn-đề, tìm một lối thoát, trước các quan-niệm cấp tiến từ mẫu quốc đưa sang, sau hồi chuông cảnh-tỉnh của nhà văn Louis Roubaud và nữ sĩ Andrée Viollis, cuộc thăm viếng của ông Justin Goddard, và đứng trước một tinh-thể nhân-tâm càng thẳng, những vụ đình công liên-tiếp ở các nhà máy, xưởng dệt và đồn điền. Tuy biết thế, nhưng bọn quan cai-trị phản-động vốn lệ-thuộc lũ tài-phiệt hùng cường đã trừ-trừ không thực tâm áp dụng những nguyên tắc khuynh hướng xã-hội mà cuộc chính-biến bắt buộc phải ban-hành nơi những miền thuộc-địa xa-xôi.

Chúng không muốn cho trình-độ hiểu biết của dân ta lan rộng ra, chúng không buồn huấn luyện dạy-dỗ, trái lại chúng chỉ hiểu thuộc-địa là con bò nặn sữa, mỗi năm cung huê-lợi là bao nhiêu thôi; vấn-đề nhân-vị cần-lao, chúng trộn luôn vào vấn-đề chính-trị; hễ ai có bàn tới là bị xem như chủ trương quá-khích, nghi kỵ, bức sách đủ

điều. Tuy nhiên, chẳng đùng được, thét rồi cũng phải ban-hành cho thuận với trào-lưu.

Luật lao động thuở ấy, ta có thể nói mà không sợ làm, là chỉ dành riêng cho người Pháp và một thiểu số công nhân có học, am hiểu tinh thần pháp-lý phần nào. Kỳ dư, đa số thợ thuyền là thất học, khóm róm trước sự áp bức đe dọa của chủ nhân hống hách bạo tàn. Đó là chưa kể các phu mộ ở những đồn điền cao su vĩ đại, đồ sộ mệnh mông như cả một sơn hà, là những nguồn sinh lực dồi dào của bọn thực dân tư bản. Hạng làm mướn trên đây bị đặt hẳn ra ngoài vòng pháp luật xã-hội, vì họ được tuyên-dụng bởi một kẻ ước lãnh trước của chủ một số tiền công cam kết phải làm trong thời hạn là bao nhiêu lâu, nếu nửa chừng bỏ trốn, thì bị truy-tố và bỏ tù về tội hủy ngang khế ước.

Đời sống vô cùng tủ nhục của phu mộ, ít ai thấu đáo. Họ là những con vật lạng lẽ nơi chốn nước độc rừng sâu, làm việc vất vả dưới ngọn roi tiếng quát của những tên cai phu nịnh-hót, họ ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, trăm người như một, nhiễm bệnh rét kinh niên, bụng bang-rang, da vàng cháy, thiếu thuốc men tinh dưỡng, như những xác không hồn. Thoảng như sự uất ức gây cuộc đình công phản đối

hay xin tăng lương, thì kẻ cầm đầu bị luật hình nghiêm-phạt, ai ương ngạnh lại sẵn có Lao-Bảo, Bà-rá, Côn-son... rộng cửa!

Nói là luật lao động, chứ thật ra là vài ba sắc lệnh, một mớ nghị-định của viên toàn quyền Đông-dương ban-hành, chỉ dạy một cách thô-sơ những điều-kiện lao động, thì người ta có quyền nghĩ rằng họ làm luật cho lấy lệ vậy thôi, chứ tinh-cảnh của người làm công ở miền thống trị không hề được nung đốt cải-thiện.

Thuở ấy, cũng có Hội đồng Trọng-tài, cũng có Tòa Tạt-Tụng xử việc lao-động tại Saigon, nhưng không mấy ai kiện tụng làm chi, so sánh với số vụ đình đờng ngày nay như trời với vực.

Chúng tôi lúc bấy giờ đã là một nhân viên từng sự tại các tòa án Hanoi, Saigon và các tỉnh trong Nam, biết rõ câu chuyện đề thuật lại cho các bạn nghe chơi — Rồi, thời cuộc đổi thay, một ngẫu nhiên khiến chúng tôi được đặt ngồi ghế chánh-án Tòa Lao-động Saigon suốt mấy năm trường, từ khi tòa án này mới thành lập, năm 1956, nhờ công vun-quén đắp-bồi của một vị thẩm phán tài-ba ông Nguyễn văn-Sĩ, Bộ-trưởng Bộ Tư pháp, đã tận tâm xây-dựng cho Chánh thể Cộng-Hòa.

Vì luật Lao-động là một thứ luật hộ đặc-biệt chỉ dành riêng

cho hai giới chủ nhân và thợ thuyền, sách vở lại thiếu, nên ban đầu còn bỡ-ngờ, chúng tôi phải hết sức tìm tòi, cố gắng mới làm tròn sứ mạng hót gánh lên vai, đã làm thỏa mãn phần đông không bênh ai bỏ ai, mãi cho đến lúc được chuyển chuyên đi nơi khác, chúng tôi hãy còn vắng vắng bên tai lời cảm mến cả hai nguyên và bị vì đã chẳng đến nỗi làm phật lòng họ cho lắm...

Vậy, chúng tôi, không lượng sức mình mưa riu qua mắt thợ, muốn cùng các bạn, ngược sông thời-gian, ôn lại các chủ-văn khuynh-bướng xã-hội, từ thời Pháp thuộc rồi phân-tách phẩm bình Bộ Luật Lao-động Việt-Nam ngày nay, thử xem Tòa-án đã áp-dụng nó ra làm sao, khi phải giải quyết nhiều bài toán gay-gò mắt-mỏ, mà nhà làm luật không thể thấy trước đề trừ định.

« Ôn cố tri tân » chúng ta sẽ tiến đến một trình-độ cao hơn của hạng người « bán công nuôi miệng » và hạng người « ngồi không chia cửa », và, biết đâu, ta sẽ không dung-hòa được hai giáo-dục khác nhau của hai đứa con đồng cha mẹ nhưng vì hoàn-cảnh xã-hội mà đã phải tẻ ra, người một ngã. Tôi muốn nói đến chủ-nhân và công-nhân vậy.

Chúng tôi sẽ lần-lượt cùng các bạn nghiên-cứu vấn-đề và phân nó ra làm ba đoạn, đoạn đầu sẽ xét đến vài đạo sắc lệnh của

Tổng thống Pháp quốc Cộng-Hòa, chủ văn căn bản mà hiện thời tòa án chúng ta hãy còn trong-dụng, lẽ dĩ nhiên, với một tinh-thần mới cho hợp-thời; đoạn kế, sẽ vừa giải-thích Bộ Luật Lao-động nước nhà, vừa cử ra làm ví-đụ, những án-lệ của nước Pháp và của Tòa án Lao-động Việt-nam, và đoạn cuối, ta sẽ kết luận.

Giúp ích được cho những bạn chưa quen với luật Lao động, cũng như các chủ nhân và công-nhân, nếu loạt bài này được phổ biến rộng-rãi trong đại-đa số đồng-bào, thì chúng tôi mãn nguyện vậy.

Tuần-Lý, Huỳnh-khắc-Dụng
Saigon trong-thu, năm
Mậu-Tuất (1958)

✱

Những chủ-văn xưa

Như đoạn trên đã nói, chính quyền Đông-dương không bao giờ nghĩ tới các công tác xã-hội ở xứ này, nên họ đã đặt cái cây trước con bò, họ thiết-lập các cơ-quan hành - chính gần hai chục năm trước rồi mới làm ra luật lao-động.

Thì đây, ta chỉ đọc lại các chủ văn lễ-tễ ngày xưa thì rõ :

1o) Lập sở Thanh-tra Lao-động tại Nam-kỳ (Nghị - định ngày 28 tháng 11 năm 1918)

Tại Bắc-kỳ. (Nghị-định ngày 30 thán ; 4 năm 1926)

Tại Trung-kỳ. (Nghị-định ngày 10 tháng 6 năm 1927).

Và tại Cao-miên. (Nghị-định ngày 19 tháng 10 năm 1927)

2o) Bảo vệ nhân-công có khả-ước (Nghị-định ngày 25 tháng 10 năm 1927, sau được sửa đổi bởi N.Đ. ngày 21 tháng 9 năm 1935).

3o) Thiết-lập ủy ban hòa-giải để giàn-xếp cá-nhân phân-tranh giữa chủ và thợ (Sắc lệnh ngày 29 tháng tư năm 1930, sau được sửa đổi bởi S. L. ngày 18 tháng tư năm 1931 và S. L. ngày 19 tháng tư năm 1934).

4o) Tổ-chức Ủy-ban hòa-giải để giàn-xếp những công-đồng phân tranh giữa chủ và thợ.

(Sắc lệnh ngày 2 tháng tư năm 1932).

5o) Quy-định chế-độ tự-do làm mướn và bảo-vệ công nhân đàn bà và trẻ con.

(Sắc lệnh ngày 19 tháng giêng năm 1933 sau được sửa đổi bởi S. L. ngày 13-10-36).

Như ta đã thấy, quan-trọng nhất trong tràng chủ-văn vừa kể trên, có sắc lệnh 1933 vì nó có tính cách nhân-đạo phần nào... Tuy nhiên nó không đá động tới vấn-đề lao động cho công nhân. Thợ thuyền ngày càng đông thêm, sự đàn-áp không mang lại kết-quả mỹ mãn cho lắm. Hiều, được tình-thế đó, nên cuối năm

1936, ông Marius Moutet, Tổng trưởng Bộ thuộc địa của Pháp- quốc lúc bấy giờ, mới thấy cần đề trình cho Tổng Thống một dự-luật lao động, thì được phê duyệt ngay vào ngày 30 tháng chạp năm 1936.

Sắc lệnh ngày 30 tháng chạp 1936 được Triều đình Huế ban hành cho Bắc-kỳ (dự ngày 6 tháng 9 năm 1937), cho Trung kỳ (dự ngày 16 tháng 11 năm 1937). Nó là một chủ văn nòng-cốt tập-trung tất cả những luật lệ đã có từ trước, nên ta có thể gọi là Bộ Luật Lao Động cho toàn cõi Đông - Dương. Sắc - lệnh đó ấn-định thời gian làm việc, nghỉ hàng tuần, nghỉ hàng năm có lương, buộc các xưởng có 25 người thợ sắp lên, phải đặt ra một quy-điều nội-lệ. Đó là kết quả của nhiều năm nghiên-cứu và là một công trình khá tỉ mỉ gồm có 10 chương 427 điều-khoản, ta phải công bình thú nhận như vậy.

Theo sau, có sắc lệnh ngày 24 tháng 2 năm 1937 phỏng theo sắc lệnh trên, quy-định cho người và hạng người được đồng hĩa với người Pháp, là người Trung-hĩa chỉ khác nhau vài chỗ, ví dụ như thời gian làm việc mỗi

ngày cho người Pháp thì 8 giờ, cho người Việt thì 9 giờ kể từ đầu 1937, và 8 giờ kể từ đầu 1938. Mỗi năm giúp việc thi công nhân người Pháp và người Tàu được nghỉ 15 ngày có lương lại được lãnh thêm một món tiền 100 đồng gọi là lương phụ trội, làm được mấy năm thì lãnh mấy trăm, còn công nhân người Việt thì không có thứ tiền đó, và chỉ được nghỉ 5 ngày kể từ đầu năm 1937, 10 ngày kể từ đầu năm 1938.

✱

Các chủ văn sửa đổi bổ túc

Sắc lệnh ngày 23 tháng 2 năm 1942 cho phép chủ nhân phạt và công nhân vi phạm kỷ-luật trong xí nghiệp. Truất ra 1/4 lương trong ngày bỏ vào quỹ cứu-trợ lập ra cho toàn-thể nhân-viên mỗi lần phạt như vậy phải biếu vào sổ.

Sắc lệnh ngày 4 tháng 10 năm 1943 sửa đổi điều 46 và bỏ khuyết điều 105 S.L. 1936, bỏ khuyết điều 33, S.L. 1936 và bỏ khuyết điều 27, S. L. 1937.

VỀ CÁC TAI-NẠN
Kỳ sau : **LAO-ĐỘNG**

— Giai cấp nào cũng cần có nhau, vì không thể có Tư bản mà không có Cần Lao, cũng không thể có Cần Lao mà không có Tư bản. Hòa hợp sinh ra trật tự và mỹ lệ, trái lại luôn luôn xung đột chỉ đưa đến những cuộc hỗn loạn tranh đấu dã man.

Rerum Novarum



cỦA HUỠNH - BỘI - HOÀNG



BAN Huỳnh Bội Hoàng nguyên là một nhà chuyên về nuôi ong lâu năm. Do đó ông đã thu lượm được nhiều kinh nghiệm về nghề nuôi ong, và trong một thời gian khá lâu, ông đã mất công khảo sát về các sinh hoạt và lễ lối tổ chức của xã hội loài ong, trong đó có nhiều khám phá rất lạ lùng, lý thú. Bạn đọc sẽ thấy bổ ích và không khỏi ngạc nhiên, sau khi đọc bài sau đây vì được biết rằng cái xã hội loài vật nhỏ bé này đã có một tổ chức thật chu đáo, và những thói tục kỳ lạ đáng cho chúng ta phải khen phục. Đây là cả một gương mẫu CẦN LAO và KỶ LUẬT, tổ chức không khác nào một chế độ dân chủ mà vị Thủ lĩnh là một Nữ Hoàng dịu hiền, duyên dáng, được toàn thể đồng loại tôn thờ mà vẫn luôn luôn ở trong cung điện, hưởng tuần trăng mật giữa 2 vọn thần dân...

N. V.

NƯỚC CỘNG-HÒA « CON ONG »

DÂN SỐ 20 000

DO MỘT NỮ HOÀNG CẠI TRỊ

BÃ hội loài Ong là một xã hội có tổ chức rất trật tự, rất là dân-chủ, nhưng vẫn có Vua chúa, quân thần, mọi công việc làm ăn phân phối điều hòa, nhịp nhàng, khiến chúng ta nếu hiểu biết cũng phải ngạc nhiên mà thán phục. Hình như ông Tạo - hóa cũng muốn cho toàn thể giống ong được phồn thịnh với một luật rất công bằng; đoàn thể lập thành mà tăng lên bao nhiêu, thì cuộc sinh tồn, cá nhân phải giảm đi bấy nhiêu. Ở đây sự phồn thịnh của toàn thể, là do ở sự hy-sinh nhiều hay ít về mọi phương diện của cá nhân mà ra.

Ngắm kỹ một con ong con, ta thấy nó phải hết sức khó nhọc mới từ trong giữa tổ, nào đục chạm, nào xô đẩy, chen chúc khổ sở, mới qua được mấy hàng rào ong khác để ra đến ngoài cửa. Thế mà nó chẳng hề từ bỏ đám

đồng loại đông nghẹt để đi mưu đồ hạnh phúc riêng cho mình.

Ong bay bổng trên không, sa vào những đám hoa thơm ngào ngạt. Trước mắt nó, hiện ra nào nhị, nào mật hoa, thật là một thế giới cực lạc, vậy mà nó chẳng bao giờ hưởng lấy một mình, chốc chốc lại còn bay về tổ rủ thêm đồng loại đến để cùng « chia bùi sẻ ngọt » với nhau. Hơn loài người, loài Ong không bao giờ sống vị kỷ, tham lam, hay tranh dành cướp dật.

Giả sử có một con ong đào ngũ tách riêng đoàn để ra ở một nơi nào chàng nữa, — đó là nói thí dụ chứ không bao giờ có — thì dù chỗ đó không khi tốt, hoa thơm; mật nhiều cũng chỉ trong vài ngày là con ong đó chết cong queo thê thảm. Không chết vì đói rét, mà chết vì không chịu nổi sự cô đơn dầy vò của phần bội!

Thật là một lẽ huyền bí đã khiến cho Ong kia phải quên cả nhân hạnh phúc để đem thân hy-sinh cho cộng đồng tập thể.

CHÍNH THỦ CỦA NỮ HOÀNG ONG

Một đoàn Ong thường có đến 20.000 con (hai vạn) gồm có năm bảy trăm Ong đực và một Ong chúa độc nhất. Còn bao nhiêu là Ong thợ.

Ong chúa luôn luôn là một con Ong cái, được tôn lên làm Hoàng Hậu, và được toàn thể hết lòng kính thờ, phục tòng, triu mến và nuôi dưỡng rất tận tụy. Nguyên nhân chỉ vì trong một đoàn Ong 20.000 con duy có một Nàng Ong chúa là có cơ quan sinh dục để sinh sản và bảo toàn cho nòi giống được lâu dài.

Ngay từ lúc mới sinh trưởng con Ong-cái bay vù ra ngoài trời. Đó là cuộc du lịch đầu-tiên trong đời nàng mà cũng là cuộc du lịch duy nhất. Những người theo-rõi để nghiên-cứu đời sống của loài Ong, gọi đó là cuộc « Bay ái tình », người Pháp gọi là « Vol Nuptial », — Phải, vì Nàng ay theo tiếng gọi của tình yêu... Thế nào Nàng cũng gặp một chàng Ong-đực. Đôi bạn trẻ liền kết - duyên Tần - Tấn ngay trong lúc chàng và nàng vẫn đang say-mê bay lượn dưới trời xanh...

Xong rồi, Nàng vĩnh-biệt chàng ngay, vì, than ôi, duyên Nàng chỉ



ngắn-ngủi có thể thôi! Nàng phải trở về tổ Mẹ, để rồi cùng đoàn Ong-đực mới sinh-nở một lượt với Nàng, từ-giã Hoàng-Thái-Hậu để đi xây-dựng một tổ khác. Thường thường, số Ong mới nở ra đông lắm đến 40.000 hay có khi đến 50.000 con, gồm có một Ong-cái, nhiều Ong-đực, và vô-số Ong thợ, (tức cũng là Ong-cái nhưng không sinh nở được (Femelles stériles). Thế là Nàng Ong-cái mới kia được tôn làm Nữ-Hoàng thứ hai, và một nửa hầy Ong-đực và Ong thợ mới sinh-trưởng tình nguyện bay theo Nàng, để xây dựng Tổ-quốc mới. Còn một nửa ở lại với Cựu-Hoàng Thái-Hậu...

Xã hội loài ong tổ chức thực tài tình, trật tự. Thoạt trông ta tưởng như Ong-chúa có tài quán-xuyến cai-trị muôn dân (như Nữ-Hoàng Elisabeth II của nước Anh chẳng hạn!) Nhưng không phải. Nàng được toàn thể dân-tộc Ong của Nàng suy-tôn rất âu yếm, chính vì Nàng Ong-chúa được

Thiên-nhiên phó-thác cho nhiệm-vụ thiêng-liêng cao-cả nhất, là việc sinh đẻ. Nàng luôn luôn ở trong Cung-điện bằng phải chạy ngược chạy xuôi, bay ra bay vào, cũng chẳng phải ra « chỉ-thị » hay dùng oai quyền gì cả mà mọi công việc đều được cả đoàn ong làm theo kỹ-luật, chăm-chỉ đều hòa, không hề xảy ra một sự rối loạn bao giờ.



Xem thế ta có thể hiểu rằng tổ chức của xã hội Ong là một tổ chức có hệ thống theo lối sinh hoạt tập đoàn mà mỗi con là một phần tử nhỏ hoan hỉ góp công xây dựng cộng đồng tập thể.

XÂY DỰNG MỘT TỔ-QUỐC

Tháng hai, tháng ba, ta bắt một đàn ong về (phép bắt ong xin nói sau) cho vào một cái đồ-lông kính mà nuôi. Ta thấy đàn ong như quên hết cuộc đời dĩ vãng, vội-vàng phân phối công việc làm ăn, và cần phải xây tổ cho Ong Chúa để. Một số đông kéo nhau bò thành hàng đen nghịt từ chân đồ lên đến nóc. Con nào đến trước, thì lấy hai chân trước, bám chặt lấy nóc đồ (đó là cái thùng để nuôi ong) rồi huông mình xuống.

Con lên sau bò qua mình con trước, lấy hai chân bám lấy hai chân sau con kia mà huông mình



lũng lũng trên không để cho con thứ ba bám theo vào... và cứ lần lượt nối vào nhau như thế, đàn ong bám thành hình cái « chóp nón » xuống xuống đến lưng chừng đồ, rồi đậu yên lặng hàng giờ không nhúc nhích, khiến ta đứng xem phải kinh ngạc sự yên lặng đó, tưởng như đàn ong đang làm một bí thuật gì. Mà sự thực thì chúng đang chế tạo sáp vậy. Trong khi đàn ong thợ làm sáp, thì những ong khác cũng thi đua hoạt động. Bọn thì tha từ cái lá khô, hòn đất cho đến cái cỏ, cái rác mạng liện đi rất xa; Đây là Ủy-ban Vệ-sinh. Bọn thì đi kiếm nhựa về lấp hết những chỗ nứt nẻ, đem sơn trùng đồ một thứ nước sáp cho thơm tho: Đây là Ủy-ban bài-trị Bọn khác nữa thì ra canh cửa, phụ trách việc Cảnh-sát Công-an. Ngoài ra lại còn một bọn chuyên việc đi xa kiếm mật hoa đem về tổ làm lương thực cho cả đàn. Tức là Ủy-ban tiếp-tế.

Còn đàn ong làm sáp thì cứ đậu yên lặng như thế mãi. Trong khoảng 18 hay 24 giờ, nhiệt độ trong đồ lên quá 27 độ, sẽ có tám cái mảnh sáp nhỏ li ti hiện ra ở 8 cái hạch ở ngay cuối bụng ong.

Ong làm thế nào cho ra sáp thì ta không sao hiểu được (Bí mật nhà nghề!) Song ta chỉ nhận ra rằng trong khi làm sáp



thì ong phải ăn rất nhiều mật. Muốn làm ki-lô sáp, ong phải tiêu thụ ít nhất là một ki-lô mật. Biết được như thế, vì xét kỹ mỗi khi sẽ đàn ra đi, ong có trữ sẵn trong hi một số mật có thể nuôi sống trong bảy ngày khi đến chỗ ở mới, ong cứ ở lì trong tổ mà chuyên chú về một việc làm sáp.

Chừng bảy hôm, ta đã thấy có một số sáp trong đống với số mật của ong đem đi.

Con ong nào đã làm được sáp, thì vội vàng bỏ chỗ đậu, trèo qua những con kia mà bò lên nóc đờ. Nó lấy đầu đẩy những con ở gần nóc đờ ra cho rộng chỗ, rồi hai chân sau lấy một mảnh sáp nhỏ ở dưới bụng ra, đưa lên miệng, lấy răng ngào cho kỹ với nước dãi, rồi nặn, rồi đắp, xoay đi, xoay lại mãi, bao giờ mảnh sáp đó thật quánh mới đem gắn chặt vào nóc đờ.

Khi đã ngào và đắp hết 3 mảnh sáp lấy ở bụng ra rồi, thì nó lại vội vàng chen vào giữa đám đông tiếp tục làm

thêm sáp, nhường chỗ cho con ong khác mang sáp đến gắn vào đờ. Sáp gắn trên nóc đờ lớn dần, thì mấy chú ong nhỏ, oai vệ như mấy nhà kiến trúc đến chạy ngang chạy dọc lẩn xấn ngấm hướng cho một bọn nữa khởi công làm tầng. Bọn này bám trên hai mặt miếng sáp, lấy tầng đào nhiều lỗ nhỏ. Đào



được một nửa thì cả bọn lại nghỉ nhường chỗ cho bọn thứ ba đến tiếp tay làm nốt. Thật là lạ lùng và khéo léo, đoàn ong không cần học toán hình học (géométrie) cũng không cần dùng đến thước, équerre, compas, mà xây miệng lỗ nào cũng đứng bình lục lăng, và đều cạnh, và đồng nhau như đúc một khuôn.

Một tổ có nhiều tầng, số tầng nhiều hay ít sẽ tùy theo đờ rộng hay hẹp và số ong đông hay thưa. Điều đáng chú ý là đàn ong làm tổ trên cao và trong bóng tối mà tài tình lối kiến trúc vẫn làm theo được một quy củ nhất định. Tầng ong thường làm xông đôi nhau độ 1m/m (gấp đôi bề dài của một con ong) mỗi tầng dày độ 23m/m.

Xem vậy thì khi làm tổ, các nhà kiến-trúc ong cũng có suy nghĩ, tính toán đo lường cần thận lắm! Có khi ong tinh cũng làm, song khi biết rằng làm thì làm lại ngay. Tỉ như khi có tầng nào đắp sát nhau quá thì ong biết liệu xê-xích đắp rộng cho cách xa những tầng kia đủ

11m/m để rộng lối đi lại... Chứ không phải chật hẹp như các ngõ hẻm ở xóm Bàn Cờ!

Ong làm 4 thứ lỗ:

1/— Lỗ nuôi Ong-Chúa, hình giống quả soan, ta gọi là « mũ thầy » Đây là Cung-Điện riêng của vị Nữ-Hoàng, thủ-lãnh của Đoàn Ong.

2/— Lỗ rộng để nuôi ong đực.

3/— Lỗ thường để nuôi ong con (ong thợ).

4/— Lỗ để làm kho chứa vật liệu: mật và nhị hoa.

Mỗi tầng có tới mấy ngàn lỗ. Lỗ nào cũng làm chệnh chệch cho mật khỏi chảy, theo một kiến trúc tuyệt-kỳ tinh-xảo.

Ong làm tầng tốn rất nhiều công phu. Vì vậy muốn cho chúng có nhiều mật, các nhà nuôi ong Tây phương dùng máy làm nhiều tầng giả bằng sáp đem để vào đờ cho ong dùng.

(Kỳ sau tiếp)



AI CẮT ĐẦU PHO TƯỢNG STALINE ?

Trong cuộc cách mạng đẫm máu hồi tháng 10 năm 1956 tại Hung gia Lợi, con người đã có can đảm gần như liều lĩnh, cắt đầu Staline lại chính là một người vô sản, anh Daniel Segó.

Daniel Segó, người công nhân vô sản này đã làm một việc trọng trung nhất trong cuộc cách-mạng. Đêm 25 tháng 10 năm 1956, chính Daniel Segó đã cắt đầu pho tượng Staline, cao 8 thước sừng sững đứng giữa một công viên lớn tại Budapest. Anh đã phải làm việc vất vả trong hai tiếng đồng hồ mới cắt đứt được cái đầu khổng lồ của kẻ độc tài trước sự cổ vũ vui mừng náo nhiệt của hơn 10 vạn dân Hung. Cái đầu Staline, liền sau đó bị lôi kéo khắp đó thị, sau cùng bị đập tan ra từng mảnh vụn.

Ít lâu sau khi cách-mạng bị đàn áp, anh đem vợ con trốn thoát Hung, di cư sang nước Anh. Hiện nay Anh giúp việc cho một nhà máy tại Anh quốc. Daniel Segó có lần nói với bạn bè : « Thật ra nếu có phải đời cái đầu của mình để cắt cái đầu Staline, thì không riêng gì tôi mà tất cả công nhân vô sản Hung-gia-lợi sẽ tranh nhau để được làm công việc đó »

QUỐC BẢO

THÀNH PHẬT-THỆ Ở CHỖ NÀO ?

ĐỌC sử Việt-Nam, có nhiều đoạn làm cho phần khởi lòng người thì cũng có nhiều đoạn làm cho ta buồn rầu uất-ức. Nhưng đó là lẽ dĩ nhiên, vì những cuộc hưng vong của lịch sử thì dân tộc nào lại tránh khỏi được? Tuy nhiên, người ta vẫn buồn, buồn nhất là những đoạn không phải do cái gì đã xảy ra, mà buồn vì người chép lại. Đọc một quyển sử, người ta mất cả tin tưởng ở tác giả nó. Trường hợp đó, ông Phạm-văn-Sơn đã mắc phải khi ông viết quyển Việt-sử tân biên (Q I Nhà xuất bản Trần-hữu-Thoan ấn hành năm 1956).

Nếu nói rằng: viết lại một quyển sử là « phải có một sự tìm tòi gặt gao các sử liệu còn thiếu sót, một sự nghiên cứu rất thận trọng các sử sự để tránh các điều sai lầm hay xuyên tạc nhất là đối với các sử liệu ngoại quốc » (O. C. tr. 17 (Lời tác giả) hàng 21-25-26) như lời tác giả nói đầu sách thì cũng chính tác giả làm cho người ta rất dỗi băn khoăn tức bực.

Nổi bần khoản đó là đoạn nói về triều Lý: vua Lý-Thái-Tông (chứ không phải « Tôn » như ông P.V.S. đã viết) và Lý-Thánh-Tông đi đánh nước Chiêm và

chiếm thành Phật-thệ. Trước khi nói đến sự « nghiên cứu rất thận trọng » của ông P.V. Sơn, chúng tôi xin dẫn địa điểm thành Phật-thệ theo vài quyển sử:

— Ở quyển « Việt-nam sử lược » của ông Trần-trọng-Kim, chúng ta đọc thấy rằng: «... Thái Tôn tiến binh đến quốc đô là Phật

của TRÚC-LINH

thệ (nay ở làng Nguyệt bâu, huyện Hương thủy, tỉnh Thừa thiên), vào thành bắt được Vương phi là Mị-Ê (...) và các cung nữ đem về...» (t. I tr. 82 hàng 7-8-9; Vĩnh Thành 1928 Hà-nội).

— Ông Nguyễn-văn-Tổ, một nhà khảo cổ đứng đắn, trong « Tri tân tạp chí » đã dẫn theo các sách Khâm định việt sử (Q 3 tờ 8A-9B), Toàn thư (Q2 tờ 34 a-b mà chép: «... Đến thánh bầy năm ấy (1044) vua Lý (Thái-Tông) đem quân vào thành Phật-thệ (nay ở xã Nguyệt-biêu, huyện Hương thủy, phủ Thừa thiên...)» bắt sống thê thiếp của Sạ đầu và những cung nữ biết hát múa Tây thiên khúc điệu, (...). Trong bọn thê thiếp, có Mị-Ê...» (Tri tân số 134-16 mars 1944 tr. 8 cột giữa từ h. 15 đến h. 25).

Về chiến tranh thì hai tác giả trên đều chép giống nhau là trong trận này quân Chiêm dàn ở phía nam sông Ngũ hồ. vua Lý hô quân tiến từ phía bắc sang. Quân Chiêm bị giết 30.000 người bắt hơn 5.000 trống sĩ và 30 con voi. Lại nói Quách Gia Gi chém đầu vua Sạ đầu (h. Xạ đầu) đem dâng vua Lý tại trận.

— Ông G. Maspéro « trong Le royaume du Champa », nơi trang 25 lại cho kinh thành Phật-thệ ở Bình định.

— Ông Đào duy Anh trong « Việt-nam văn hóa sử cương » lại dẫn theo Maspéro cho « thành Phật-thệ (Vijaya), tức Bình định bây giờ » (O. C. tr 29 Phần tự luận, Bốn phương tái bản, s. d.)

Vậy thì thành Phật-thệ ở chỗ



nào? Thuyết nào đúng? Ông Phạm-văn-Sơn « viết lại quyển sử mới » có rọi thêm ánh sáng

cho dứt khoát hay không? Đây « Việt sử tân biên » trả lời: «... Thái Tôn tiến đến thành Phật-Thệ bấy giờ là quốc đô của Chiêm-Thành (thuộc làng Nguyệt-Hâu (sic), huyện Hương thủy, tỉnh Thừa thiên) bắt được vương phi Mị-Ê và một số cung nữ Chàm đem về nước... (O. C. ch V trg. 352 h. 22 đến 25). Về chiến-tranh ông P. V. Sơn viết y như các tác giả trên. *Sáu trang sau, ông Phạm viết*: «... Thành Phật-thệ (sau gọi là Chà Bàn mà ta thường chép lầm ra Đồ Bàn) ở vào địa phận tỉnh Bình Định ngày nay, ba phía Tây-Nam-Bắc có núi che chở, phía đông giáp bể » (O. C. ch. III Lý-thánh-Tôn tr. 359 h. 13-14-15). Như thế, ông Phạm, trong khi viết quyển « Việt sử tân biên » đã theo thuyết nào? Việt hay Pháp? Thành Phật-thệ ở đâu? Ông Phạm có « tìm tòi gặt gao các sử liệu... », và có «... nghiên cứu rất thận trọng các sử sự... » không? Cái đó tùy độc giả phẩm bình. Chúng tôi xin nhắc lại một lời nói của Lão Tử: « Làm thầy thuốc mà làm thì giết một người, làm địa lý lầm thì giết một họ, làm chính trị lầm thì giết một nước, làm văn hóa lầm thì giết muôn đời ».

Ông Phạm-văn-Sơn giải quyết thế nào khi ông cho in một quyển sách chứa đựng mâu thuẫn như thế trong có 6 trang giấy? Ngoài ra còn vô số điểm sai khác mà chúng tôi không trích dẫn vì ngoài phạm vi bài này.

THÀNH - PHỐ SAIGON



Những người tiến-bộ thực-sự là những người, ngay từ khởi điếm, đã có lòng tôn-kính sâu-xa quá-khứ.
E. RENAN.

C HỢ SÀI-GÒN đèn xanh đèn đỏ.
Anh coi không tỏ rõ, anh ngỡ đèn lâu...
(Ca-đao)

Câu ca-đao đơn-sơ, mộc-mạc này đã gọi lòng hoài-cổ sâu-xa trong những con người luôn tha-thiết yêu quê-hương, xứ-sở.

— Sài Gòn !

Có thuyết cho rằng, tên này phát-sinh do tiếng « Cây Gòn », là một loại cây mọc rất nhiều ở Nam-Việt, mà dân-chúng thường trồng để làm hàng rào chung-quanh nhà.

Theo AUBARET viết trong quyển « Histoire et description

de la Basse Cochinchine » nơi trang 2, thì chữ Sài-gòn có lẽ là tiếng Cao-Miên Prey Nokor nghĩa là rừng gòn Vua Cao-Miên là Ấng non có đóng dinh thự ở vùng Cây-Mai hiện giờ, chung quanh dinh có trồng một hàng rào cây gòn.

Do đó mà người Việt đặt tên địa phương này là Sài-gòn. Nhưng đó là thuyết của Aubaret hoàn toàn không đúng. Vì nếu đúng thì tại sao người Việt không gọi là cây gòn mà lại gọi là Sài-gòn ? (Sài là tiếng thô, gòn là tiếng Việt). Và lại, có những sách sử ghi chép nguyên thủy của chữ Sài-gòn, xác đáng hơn. Nhà Bác-học MALLERET đã nghiên

cứu tỷ mỉ và căn kê trong « Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises » như sau đây :

Hồi Tây Sơn đánh Gia-long ở tỉnh Gia-định, tức Sài-gòn hiện giờ, quân Tây Sơn có đắp một bờ đê dọc theo rạch Bến-Nghé để cố thủ thành Gia-định. Nhưng sau Gia-long thắng trận, quân Tây-Sơn rút đi hết, thì có một số khách trú kéo đến lập phố buôn bán trên bờ đê ấy, phần nhiều là người Quảng-Đông và người Triều-châu. Họ liền gọi thành phố mới của họ là Đê-ngạn (chữ Tàu, nghĩa là Bờ đê cao), người Quảng đông đọc hai chữ Đê-ngạn là Xay Ngồn, người

cho Tây, người Tàu muốn ngao người Việt chơi, bèn đổi hai chữ Đê Ngạn (họ cũng gọi là Tsi-Kún) ra hai chữ Tây Cống, (cống cho Tây) tựa như hai tiếng Sài-gòn vậy.

Đê cập đến lịch-sử thành-phố Sài-Gòn trong tác-phẩm « À la recherche de Prei Nokor. Notes sur l'emplacement présumé de l'ancien Saigon Khmer » ông L. Malleret đã viết : « Sài-Gòn là một vùng đất đã có dân-cư rất lâu đời ». Mặc khác, ông Jean Buchot lại quả quyết : « từ năm 1.623, Sài-Gòn đã là một trung-tâm-điểm thương-mãi của Cao-Miên ở miền Nam (Đông-Dương) ».

100 NĂM VỀ TRU'Ó'C

Triều châu thi đọc là Tsi kún. Do đó, người Việt đọc trại ra là Thày-gòn, rồi Sài-gòn. Năm 1814 vua Gia-long sai một vị quan tên là Trần-văn-Học về địa đồ tỉnh Địa-định. Địa đồ ấy hiện nay vẫn còn ở Thư viện, trong đó Trần-văn-Học ghi chép nơi địa điểm Chợ-lớn bằng hai chữ nôm là Sài Cồn Xứ, trại theo tiếng Tàu Quảng-Đông là Xay-Gòn. Trong quyển Đại Nam Quốc âm Tự vị của Paulus Của cũng nói : Sài-gòn hồi đời Gia-long gọi là Sài-Cồn. Sau người Pháp qua lập nghiệp, cũng gọi theo tiếng Tàu là Sài-gòn. Nhưng từ khi Sài-gòn bị vua Tự-Đức cống hiến

Rồi về sau, đến năm 1791, chúa Nguyễn-Ánh cho xây-cát tại Sài-Gòn một cái thành hình bát giác, có tám cửa, theo bát-quái-đồ. Đây là một cái thành đầu tiên của người Việt-Nam ở Sài-Gòn.

Công việc này, chúa Nguyễn ủy-nhiệm cho một vị sĩ-quan tây phương, ông Olivier de Pymanel, có khi còn gọi là Victor Olivier hay Đại-tá Olivier, bạn đồng chí của Evêque d'Adran — thực-hiện theo kiểu Vauban. Ông Olivier de Pymanel là người đã xây cái rất nhiều thành trì ở Việt-Nam, dưới thời chúa Nguyễn-Ánh.

Hiện nay, thành này đã bị san bằng và xóa mờ trong lịch-sử. Nhưng, theo các sử-liệu người ta có thể chắc-chắn rằng: vị-tri của nó hiện nằm trong phạm-vi những con đường: Công - Lý (De Gaulle) Lê-thánh-Tôn (d'Espagne), Phan - đình - Phùng (Richaud), và khu nhà thương Đồn Đất.

Đến đời vua Minh-Mạng, vào năm 1.833, giặc Lê - văn - Khởi chiếm thành khởi loạn chống triều-đình. Nhưng vì quân-binh ít mà thành-tri lại rộng lớn bao la, khó chống-cự; nên chỉ trong ít lâu, quan quân triều-đình đã phá được thành, khắc-phục giặc Khởi cách dễ-dàng.

Sau đó, nhà vua ra lệnh xây lại một cái thành khác trên khu đất ấy.

Thành này thực hiện xong vào năm 1.834, hình vuông, nhỏ hơn và nằm về góc phía bắc của thành cũ. Vị-tri của nó hiện nay là chủ-vi những con đường: Phan-đình-Phùng (Richaud), Rousseau, Mạc-đĩnh-Chi (Massiges) và Mossard.

Vị-tri này đã được ghi chú rõ-ràng trên những bản-đồ vẽ trong khoảng những năm 1.863 và 1.867; và đại-lộ Cường-Đề (Luro) bây giờ tức là con đường « Boulevard de la Citadelle » ngày xưa chạy dài từ bờ sông đâm thẳng vào trung-tâm thành. (tên « Boulevard de la Citadelle » do Pháp-quân đặt khi mới đến chiếm nơi này).

Trước khi quân Pháp đến chiếm Sài-Gòn thì, thành - phố nhỏ bé

này chỉ gồm có: một cái thành tên là Bến-thành (có nghĩa gần như là: Cái thành ở bên rạch Bến-Nghé) và một khu thương-mãi gọi là Bến-Nghé. Trên thực-tế, thời ấy khu thương-mãi chỉ hoạt-động trong phạm-vi chiều dài của hai con đường dọc bờ sông, bây giờ gọi là Bến-Chương-Dương và bến Bạch-Đằng. Hai con đường này ngày xưa gồm toàn nhà ngói mà sau lưng mỗi căn lại có một kho hàng cất theo kiểu nhà sàn trên bờ hông.

Tuy những hình ảnh đó hiện nay đã bị xóa mờ, nhưng chúng ta vẫn có thể giao-cảm với người xưa được, qua những khu xóm lá nghèo-nàn bên sông, từ phía Cầu-kho vào Chợ-lớn.

Tả quang-cảnh thành-phố Sài-Gòn khi xưa, một nhà đại-học-giả miền Nam, ông Trương-vĩnh-Kỷ đã viết: « Trong số những làng trong thành Bến Nghé người ta thấy có: làng Hàng-Đình. Chủ-vi làng này hiện thời là góc đường Tự-Do và Gia-Long. Xóm Vườn Mít (hiện là góc đường Taberd và Mac-Mahon) và bên cạnh là chợ Da Cong (lấy tên của một cây da cong). Về phía Nam, hướng vào Chợ-lớn, là xóm Đệm-Buồm. Ngoài ra, còn có một vùng mộ địa nằm gần bên đường Mac Mahon hiện thời. Đường này, ngày xưa là ranh-giới giữa Sài-Gòn và Chợ Lớn (souvenirs historiques 1.885).

Như vậy, cách đây một trăm năm về trước, Sài-Gòn hãy còn

là một thành-phố nhỏ-bé, dân-cư thưa thớt, nhà cửa nghèo-nàn, lụp-xụp.

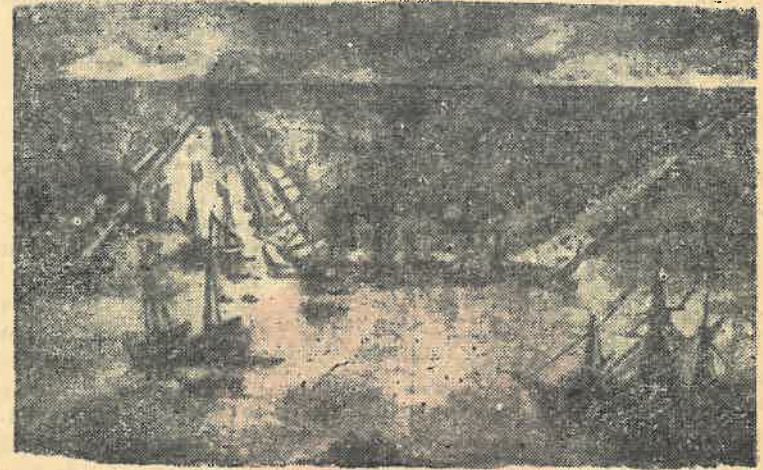
Một trong số những người ngoại-quốc đầu tiên đặt chân lên mảnh đất thân yêu này là ông Pallu de la Barrière, đã viết: « Du-khách đến Sài-Gòn, thấy về phía bên phải sông Bến-Nghé có một con đường nhỏ, có vẻ như đường phố mà những góc đường thỉnh-thoảng lại có vài khoảng đất trống bỏ hoang. Phần nhiều nhà cửa đều làm bằng gỗ, lợp lá dừa. Có một số ít nhà — đa số của người Trung-Hoa! — làm bằng gạch lợp ngói đỏ, khiến du-khách phải ít nhiều chú-ý. Thỉnh-thoảng cũng có vài căn nhà ngói lớn, mái cong, là những chùa thờ Phật. Ở đây chỉ có cái chợ là kiến trúc có vẻ chắc-chắn hơn.

Đọc theo lòng sông, hàng nghìn

chiếc thuyền đậu sát bên bờ, làm thành một khu thủy-cơ, ngày đêm bong bênh trên sóng nước (Histoire de l'expédition de Cochinchine — 1.861).

Tả về quang-cảnh Sài-Gòn, Bác-sĩ CAUDÉ cũng đã viết: « Trước khi người Pháp đến chiếm Sài-Gòn, nơi này chỉ là một vùng toàn những lều làm theo kiểu nhà sàn có nhiều gian nối liền giầy, bằng cách cặp những sáo tre lại với nhau, tạo thành những chòm nhà ở bên bờ những con rạch sinh lầy » (arroyos fangeux. (chữ này cũng như chữ Mirador, gốc Tây-ban-Nha, đã phát-sinh trong khi Pháp quân cùng với quân Tây-ban-Nha đánh chiếm thành Sài-Gòn 1.859—1.861)

Trong khi đó, R. LINDAU thông tin-viên của tạp-chí « Hai thế-giới » (Revue des 2 mondes) đã



Quang cảnh thương-cảng Saigon vào khoảng năm 1.860

nhìn Sài Gòn bằng một con mắt rõ ràng hơn: « Cái làng nghèo-nàn ấy gồm toàn những lều lán bằng lá dừa. Dân chúng thì do-dậy, xấu-xí, rách-rưới, đi lại trên khắp các ngã đường... »

Những nhận-xét của những người ngoại-quốc trên đây có lẽ hơi thiên-lệch và chủ - quan đôi chút. Tuy nhiên, dù sao cũng là những sự-liệu giá-trị giúp ta mở đường quay nhìn về dĩ-vãng, để giao-cảm với người xưa.

II. — SÀI-GÒN THAY ĐỔI

Pháp quân bắt đầu tấn-công thành Sài-Gòn vào sáng sớm ngày 17 tháng 2 năm 1859, với một lực lượng hùng-hậu, gồm có 7 chiến hạm với súng ống tối - tân như : Soai-hạm Phlegéton (luôn luôn thượng kỳ Đô-Đốc) chiến hạm Primauguet, Avalanche, Alarme, Dragonne, El Cano, và Prégent.

Tất cả đặt dưới sự chỉ-huy trực-tiếp của Đô-Đốc Rigault de Genouilly cùng với một số đồng sĩ-quan cao-cấp như : Đại-úy thủy-quân Lafont, Trung-tá Tây-ban-Nha Escario, Đại-úy kỵ-binh Lopez Đại-úy pháo binh Lacour, Thiếu-tá Des Pallières, Đại-úy Galimard, Thiếu-tá Breschin, Trung-tá Reybaud, Đại-tá Lanzarotte và Đại-úy bộ binh Valère...

Theo một tài-liệu cổ bằng chữ Hán, thông-cáo của các vị tri-huyện báo cho dân-chúng biết tin-tức về sự quan quân triều-đình thất thủ thành Sài-Gòn thì lực-lượng Pháp quân tham dự trong trận này gồm có 10 chiến hạm và độ 2.000 binh sĩ.

Theo bản báo-cáo chính-thức về mặt trận của Đô-Đốc Charner, trận đánh chiếm thành Sài-Gòn đã kết thúc vào ngày 25 tháng 2 nghĩa là đúng 9 ngày sau.

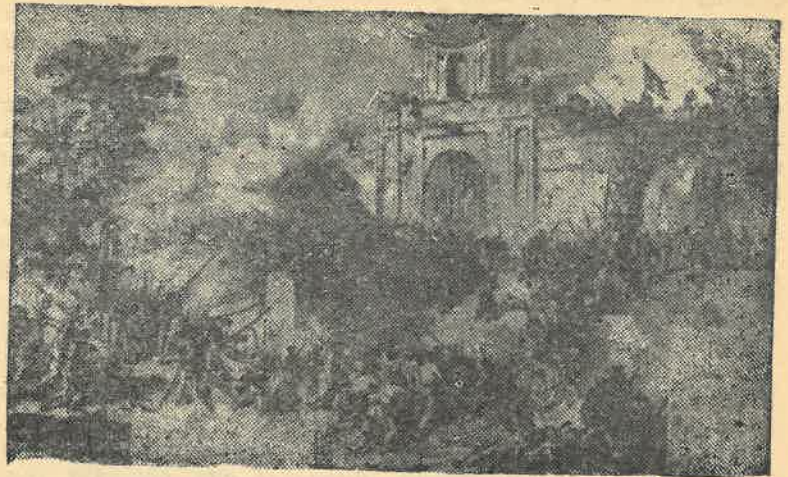
Sau đó chính-phủ Nam-triều đã ký-kết với Pháp và Tây-ban-Nha một hiệp-ước, ngày 5 tháng 6 năm 1.862, nhìn nhận chủ quyền của Pháp trên đất này.

Một giai-đoạn mới mở màn. Người Pháp bắt đầu lo tổ chức cai-trị.

Công việc tổ chức cai-trị hoàn toàn nằm trong tay các sĩ-quan thủy-quân và lục-quân. (Les premières années de la Cochinchine, colonie française — của Paulin Vial).

Ngày 22 tháng 2 năm 1.860 do một nghị-định của Đô-Đốc Page, thương cảng Sài-gòn bắt đầu mở cửa để giao-dịch buôn-bán với ngoại-quốc và dân chúng khắp nơi.

Ngày 11 tháng 4 năm 1.861 do một nghị-định của Phó Đô-Đốc Charner đã chỉ định chu-vi của thành-phố Sài-Gòn, một bên là rạch Tàu-Hủ,



Quân Pháp tấn công thành Sài Gòn ngày 17 tháng 2 năm 1859

và rạch Bà-Nghê người ta còn ranh-giới thiên-nhiên cho thành-phố.

Sự tích do chuyện : có con gái của 1 vị đại-quan nọ đến trú ngụ bên bờ rạch, lấy chõng, và làm nên 1 cái cầu ngang sông để nối liền với thành Sài-Gòn. Do đó, dân chúng bèn đặt tên rạch ấy là rạch Bà Nghê (hay Thị-nghê). Một bên là sông Sài-Gòn (hay Bến-Nghé) và 1 đường ranh giới, chỉ từ chùa Cây-Mai đến thành Kỳ-Hòa cũ.

Đến người kế-vị là Đô-Đốc Bonard, cho rằng chu vi này có vẻ tù hãm và chật-chội quá, bèn định thực hiện theo cái bản-đồ của Đại-Tá Công-Binh Coffyn, phác-họa dự-tưởng về thành-phố Sài-Gòn vào năm 1.862. Hiện bản-đồ lịch sử ấy hãy còn lưu-trữ lại viện bảo-tàng Sài-Gòn.

Bản-đồ đó lấy sông rạch làm

Trông vào bản-đồ, thành-phố Sài-Gòn chẳng khác nào một hòn đảo nhỏ, bốn bề có sông bao-học như: sông Sài-Gòn, thị-Nghê, sông Cầu-Bông, Cầu-Kiểu Cầu Mạc-má-Hồng v.v...

Vào năm 1862, theo một cuộc kiểm-tra dân-số của người Pháp, thì dân-chúng Sài-Gòn gồm có độ từ 8.000 đến 10.000 người cư ngụ. Dân-số đó không kể người Trung-Hoa, vì đã được sống biệt-lập, cách xa hơn 5 cây số ngàn.

Theo đại-úy T. de Grammont, giám-đốc bàn-xử-vụ ở Hốc-môn đã viết: « Từ khi chiếm được Sài-Gòn, người Pháp đã sáng-tạo nhiều kiến-trúc mới gần bên cái thành chấy cũ, do M. Jauréguiberry khởi-xương và đốc-công.

của TỰ QUYỀN
ĐẶNG-VĂN-NHÂM

Chương-trình còn dở-dang thì thiếu-tá D'ariès đến thay thế và tiếp-tục. Những kiến-trúc mới đầu tiên của người Pháp trên đất Sài-Gòn là: dinh quan Thống Đốc, những bệnh-xá, một ngôi nhà thờ nhỏ (Khánh-thành ngày 15 tháng 8 năm 1860) và sau cùng là những nhà in của chính-quyền. Tất cả đều nằm trong chu-vi những con đường: Lucien Mossard, Trưng-Vương, Lê-thánh-Tôn, và Cường-Đề bây giờ.

Riêng về Phó Đô-Đốc Charner khi mới đến Sài-Gòn, cũng có ra lệnh cho xây cất một căn nhà mới khác bằng gỗ rất đồ-sộ. Khung nhà này, Phó Đô-Đốc đã gửi mua tận Singapore, tạm thời dành làm dinh Thống-Đốc theo tác-phần: « Onze mois de sous-préfecture en Base Cochinchine » của Đại-úy De Grammont).

Trong khi đó, Jean Buchot quả quyết rằng: « Dinh Thống-Đốc thứ hai này gồm có 3 gẫy nhà song song và nối liền nhau, bằng gỗ, ngày xưa đã chiếm vị-tri trên khu trường Taberd hiện thời ».

Đứng trước dinh có một cột đồng-hồ, bằng gỗ. Khoảng đường Gia-Long và nhà thờ Đức-Bà hiện thời, ngày xưa người ta gọi là « Place de l'horloge ». Xung quanh công-trường có một nhà kho b c và một nhà Bưu-Điện, toàn là những lều lá nghèo-nàn. (trên vị-tri thư viện quốc-gia hiện thời).

Vào thời này, một số những kiến-trúc quan-trọng, thẩm-mỹ đã mọc lên ở Sài-Gòn: trú khu

của bọn kỵ-binh Thổ-nhĩ-Kỳ theo quân-đội Pháp, những kho chứa vật-dụng của thủy-quân và pháo-binh...

Đồng thời người Pháp cũng tổ chức « trường Thông-Ngôn » (Collège des interprètes) mà một số các học giả Việt-nam ở Nam-Kỳ đã xuất thân tại đó. Cùng với một bệnh-viện mới to-tát đẹp đẽ hơn do bà sơ St-Paul de Chartres điều-khiển. (Những chi-tiết này có ghi rõ trong tấm bản-đồ 1867).

Từ đó về sau, người Pháp lo đốc-xuất việc đắp đất, lấp rạch, đào kinh, xây cầu, mở mang đường xá cho mỗi ngày càng rộng rãi, đẹp đẽ hơn. Đô-Đốc De la Grandière cũng có góp công lớn trong việc tu-sửa đất đai này.

Lúc đó, một thông-tin-viên của tạp-chí « hai thế-giới » cũng đã viết nhiều câu chứng-minh sự thay-đổi quan trọng ấy của thành-phố Sài-Gòn (E. du Hally - 1863).

Các khu phố Bonard, Charner, De la Somme, Pellerin và cả kho Công-xưởng thủy-quân ngày xưa chỉ là một nơi đầm rạch sinh lầy, kề bên sông Bến-Nghé.

Trên bờ sông một con rạch lớn (tức đường Charner chỗ tòa hòa-giải rộng-quyền hiện thời) ngày xưa có một cái nhà thờ nhỏ, tên Sainte Marie Immaculée, khánh-thành vào tháng 5 năm 1863.

Theo tập « Le royaume d'Annam et les Annamites », lúc ấy

phong-trào kiến-trúc ô-ạt khắp nơi. Chánh-phủ thuộc địa cất lên 2 khách-sạn đẹp-đẽ, sang-trọng, một số nhiều nhà hàng và một câu-lạc-bộ Sĩ-quan. Trong số anh em nhà Roques có cất một căn nhà lầu, khiến dân-chúng bản-xứ kinh-ngạc không ít.

Đến năm 1863, dọc bờ sông và trong thành-phố, người ta thấy có nhiều hãng buôn quan-trọng dựng lên như: hãng Frères Denis, Comptoirs Roques và hãng Ségassie; cùng với nhiều nhà khác, như Maison Eymond và Delphin Henri, de Bordeaux (nhà này ở vào góc đường Mac Mahon và bờ sông hiện giờ).

Ngoài ra, hãng Messageries Impériales (sau này đổi lại là Messageries Maritimes), Dutreuil

de Rhins cũng ra đời và được coi là những kiến-trúc hùng-vĩ nhất của tây-phương với kiểu mái cong như chùa người Trung-Hoa.

Từ ngày Pháp-quân đánh chiếm Sài-Gòn đến bấy giờ tinh ra đã bốn năm trời. Trong khoản thời-gian này tuy người Pháp có xây-dựng nhiều cơ-sở nhưng vẫn chưa phải là những công tác đáng kể. Cục-diện Thành-phố Sài-Gòn chỉ mới thay đổi vài phần nhỏ.

Bắt đầu từ ngày 28 tháng 11 năm 1863 quang-cảnh thành-phố Sài-Gòn mới thay đổi hẳn. Vì từ đây, thời-kỳ « cai-trị của các vị Đô-Đốc » mới thực sự mở-màn...

SỐ TỚI: SÀI-GÒN TRONG THỜI KỶ LỊCH-SỬ

* Ngày nay chân lý bị quá lu mờ và giả dối được quá nêu cao đến nơi không có lòng yêu chân lý, người ta không thể nhận biết đâu là chân lý được.

Pascal

* Bí mật của người cương nghị là nghị lực để xác tín. Nơi nào nguyên tắc không chi huy nữa, thì ý chí sẽ quay theo đà tu lợ.

E. Carol

* Công việc tôi theo rồi mặc cho thế giới nghĩ thế nào thì nghĩ. Tôi chỉ biết trong việc khảo sát khoa-học tôi chỉ là một tiểu hồ nô đùa trên bãi cát. Thành thoảng may mắn hơn các bạn, tôi tìm được hòn cuội tròn và cái ốc đẹp hơn; nhưng chân-lý mệnh mông như đạt dương đối với tôi vẫn là bi nhiệm.

Newton

* Không phấn khởi, là dấu chỉ người tầm thường.

Descartes

Trần-Quốc-Bảo sưu-tầm

TRĂNG DƯỚI MẮT CÁC NHÀ VĂN ANH

LÊ - THỊ NGUYỆT - THU



ĐÊM nay, Trăng đẹp và sáng quá chiếu vằng vặc cả giương tôi. Có ngủ hoài song ngủ chẳng được. Nằm mở mắt nhìn trời mà nhớ mấy câu Thơ của TÀO-PHI :

Minh nguyệt hạo hạo chiếu ngả sáng

*Tinh hán táy lưu dạ vị vương
Khiên - ngư, Chức - nữ giao
tương vọng*

Nhĩ độc hà cô hạn hà lương !

Thật đúng tâm trạng của tôi giữa đêm khuya này.

Chao ôi ! Chị Hằng tẻ quá ! Chị làm tôi thức trắng đêm nay, chị đã gây tôi mơ nhớ đến người xa vắng, chị a !

*Khiên - ngư, Chức - nữ giao
tương vọng*

Nhĩ độc hà cô hạn hà lương !

Tôi sẽ thức suốt đêm nay để viết về chị, nhất-định tôi phải nói xấu mới được, vì chị ác quá, chị đã làm tôi nhớ nhớ nhưng nhớ cả đêm nay mà không ngủ-nghe gì được cả...

Đối với nhà thơ Đông-phương chị Hằng là tượng trưng sự nhớ nhưng hay sự đoàn viên, nhất là sự thề-nguyện :

*Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đèn TRĂNG THỀ ?
(HÀN-MẶC-TỬ)*

Đối với thi-sĩ Tây - phương Trăng là chúa-tể, bà Hoàng lộng-lẫy của ban đêm, đôi khi Trăng cũng tượng-trưng sự thề-nguyện như Trăng của thi-nhân Đông-phương. Nhưng đại kịch - gia William SHAKESPEARE cho rằng không nên lấy trăng làm tượng-trưng sự thề-nguyện giữa đôi uyên-ương vì Trăng vốn hay thay đổi (the inconstant moon).

Trong bi-kịch bất-hủ *Romeo and Juliet*, chàng *Romeo* si-tình thề dưới trăng cùng nàng *Juliet*, nhưng *Juliet* bảo :

*O, swear not by the moon, the
inconstant moon,
That monthly changes in her
circled orb
Lest that thy love prove likewise
variable.*

(*Romeo and Juliet*, II - ii. 107)

*Ôi ! Đừng thề dưới trăng, mặt
trăng hay thay đổi
Đôi thay hằng tháng theo tuần
hoàn*

(*E* rằng tình anh đối với em cũng hay thay đổi như vậy).

Trong thi phẩm lừng danh *l'Énéide*, thi hào La-mã VIRGILE cho rằng : « Đàn bà là một con vật hay thay đổi và nhẹ-dạ » (nguyên văn La-tinh : *Varium et mutabile semper Femina* — IV. 569). Người Nhật-bản có câu tục-ngữ sau đây : « *Onna Gógoro to-aki no sóra, yoi ni naná tabi, hi ni san-dô* » (Tinh đàn-bà và trời thu hay thay đổi ; thay đổi bảy lần buổi chiều và ba lần buổi sáng). Câu này giống câu tục-ngữ của người Anh : « *Women are as fickle the autumn sky* » (Đàn-bà hay thay đổi như bầu trời mùa thu). Người ta nói rằng đàn-bà hay thay đổi. Mà chị Hằng thuộc về phái yếu (in her circled orb), vì thế SHAKESPEARE bảo rằng chị hay thay đổi, thì ta cũng chẳng lấy làm lạ lắm vậy.

Thi - nhân thường bảo rằng mặt trăng đỏ, vàng hay trắng, SHAKESPEARE bảo : « Trăng có cái mặt xanh nhạt, xanh mét » *the pale - faced moon* — KING HENRY IV, p. I), nghĩa là chị Hằng đẹp-dẽ của chúng ta có cái mặt xanh như thầy ma ! Thi-sĩ Ó HAUGHNESSY cũng bảo rằng chị Hằng xanh mét (the pale moon — Ode).

Hình như SHAKESPEARE không ưa chị Hằng thi phải. Trong vở *Julius Caesar* ông nói : « *I had rather be a dog, and bay the moon* » (Tôi thích làm chó và sủa mặt trăng). Tưởng làm gì, chó làm chó thì đừng hòng làm gì được chị Hằng, cụ SHAKES-

PEARE của tôi a ! Trong vở kịch « *The Merchant of Venice* », ông nói rằng ánh trăng nằm ngủ trên ghế dài (*How sweet the moonlight sleeps upon this bank !*). SHAKESPEARE nói khéo đấy, chị Hằng ơi ! ông muốn nói chị là a « án sượng » không có nhà đến nỗi phải nằm ngủ trên ghế dài ở công viên !. Rồi trong tác-phẩm *Timon fo Athens*, ông lại nói : « *The moon's an arrant thief* » (Chị Hằng là một tên trộm khét tiếng). Hỏi tại sao ông nói xấu chị Hằng đến mức đó, ông trả



lời : « Có nàng ăn cắp ánh lửa xanh mét của mặt trời » (*And her pale fire she snatches from the sun.* — IV. iii) !

Nhà thơ kiêm chính-trị gia Philip SIDNEY để lại hậu thơ hai câu thơ tuyệt-tác :

*With how sad steps, O Moon,
thou climb'st the skies !
How silently, and with how
wan a face !
(Astrophet and Stella, sonnet xxxi)*

Với những bước thiêu-não làm sao! Ô chị Hằng, chị leo lên trời!
Êm-lặng làm sao, và với cái mặt mét xanh làm sao!

Thi-hào S. T. COLERIDGE, một trong những người tiên-khu của phong-trào lãng-mạng ở Anh Quốc, viết trong tập « *The Ancient Mariner* (part iii) như sau đây: « Chị Hằng có sừng » (*the horned moon*). Viết như thế, ông muốn chỉ trăng lưỡi liềm hay là chị Hằng bị « cảm sừng », ông Coleridge nhỉ?

Thi-sĩ kiêm phê bình gia **Matthew ARNOLD** bảo mặt trăng là « Chị Hằng cô-đơn » *The solitary moon*.—**SOHRAB AND RUSTUM** Tôi tinh-ý lắm, tôi biết M. ARNOLD muốn nói rằng chị Hằng là « gái già », nghĩa là ế chồng, nên mới cô-đơn!

Văn-hào **Walter SCOOT** có viết hai câu thơ tuyệt vời sau đây:

The stag at eve had runk his fill,

Where danced the moon on Monan's rill

(*The Lady of the Lake, i-l*)

(Buổi chiều, con nai uống đã thêm
Nơi suối con Monan mà chị Hằng nhảy múa).

Cụ **Walter SCOOT** có ý kháy chị đấy, chị Hằng ạ! Cụ muốn nói chị là cô gái nhí-nhà, nhí-nhảnh, chỉ biết nhảy múa mà thôi!

Nhà văn **Alfred NOYES** ở thế kỷ XIX viết: « Mặt trăng là chiếc tàu ma lênh đênh trên biển mây » (*The moon was a ghostly galleon tossed upon cloudy seas*.—**THE HIGH WAYMAN**, 1) Chị Hằng là một chiếc tàu ma, kinh quá nhỉ?

WALTER DE LA MARE có viết hai câu thơ rất truyền-tụng:

*Slowly, silently, now the moon
Walks the night in her silver shoon.*

(**SILVER**)

(Chậm-rãi và yên lặng, bây giờ
Chị Hằng

Đi dạo đêm với đôi hài bạc).

Con gái mà đi đêm, không sợ
Đị-nghị sao, chị Nguyệt?

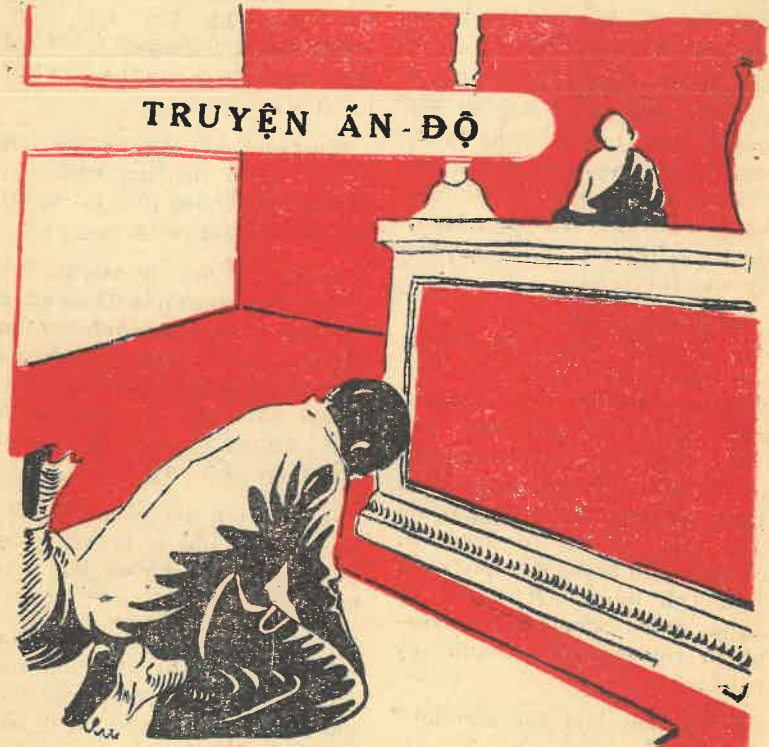
* BỮA ĂN NGON

Một bữa họ Napoléon dự một tiệc lớn khao quân. Từ khi ngồi vào bàn tiệc lời nói về Ngài không nói qua một tiếng. Trước khi mãn tiệc người ta thấy Ngài dùng những bột bánh mì viết lên bàn ăn hàng chữ:

$\frac{p}{g}$ —A a, toàn thể quan khách dự tiệc ai nấy đều lạ lùng ngạc nhiên cố tìm hiểu ý nghĩa hàng chữ đó, nhưng rồi cuộc một vị Quan hầu cận đành phải hỏi Napoléon. Ngài mỉm cười trả lời: « Các ông cứ đọc lên thì sẽ hiểu nghĩa, đó là: *J'ai soupe avec un grand appétit* » (Ta đã dự một bữa tiệc thịnh soạn)! *J'ai: g. soupe: sous P. un grand Appétit: A a)*

QUỐC-BẢO

TRUYỆN ẤN-ĐỘ



MẮT VÀNG

của LIÊN-NHỤY

MỘT thương-gia giàu có đi buôn bán ở một tỉnh xa nhà. Trên đường về, ông mang vàng bạc cả vốn lẫn lời trong một túi to bằng da.

Theo lệ thường, ông ghé vào một ngôi chùa bên đường để cầu nguyện. Quỳ trước tượng Phật, ông cúi đầu khấn vái sau khi cẩn thận đặt túi bạc bên cạnh mình. Đem hết bỏ-đề-tâm về niệm kinh, lúc đứng dậy ra về, ông quên lấy cái túi vàng.

Cách chùa không xa có một anh nông-dân cũng nhiệt thành với Phật-giáo. Ngày nào anh cũng qua Chùa lễ Phật. Hôm ấy, như mọi hôm anh đến quỳ trước Điện, ngay chỗ thương-gia kia đã quỳ lúc nãy. Niệm kinh xong anh toan ra về, bỗng trông thấy một cái túi to bằng da, có khóa cẩn thận, để ngay cạnh anh. Anh đoán biết trong đó đựng nhiều vàng bạc. Ngạc-nhiên rồi bàn-khoản, anh suy nghĩ :

— Ta phải làm thế nào đây ?

Lúc bấy giờ trong nhà chùa chẳng còn người nào. Thầy Trụ-tri và các tiểu đều đi vắng cả, Anh nông dân Phật-tử tự nhủ thầm :

— Nếu ta bảo với người làng rằng ta vừa tìm thấy một túi vàng chắc hẳn sẽ có người tham lam đến nhìn, mặc dầu không phải của họ.

Anh quyết-định giữ túi vàng

cho đến khi nào anh sẽ tìm được chính chủ của nó. Anh trở về nhà, cất kỹ túi vàng trong rương rồi đi mài mực tàu để viết một hàng chữ lớn dán ngay trước cửa: « Nếu người nào đánh mất một vật gì, có thể đến hỏi tại đây ».

Hàng chữ vừa trưng lên, có nhiều người đến hỏi của mất nhưng đều không phải là người đã bị mất túi vàng.

Trong khi ấy, thương-gia kia không nhớ rằng mình đã để quên túi vàng trong chùa. Anh trở lại các nhà quen ở thành phố mà anh đã ghé thăm, để hỏi mọi người hầu tìm lại túi vàng đã mất. Nhưng vô ích. Ông buồn rầu than thở một mình :

— Tiêu tan hết cả sự nghiệp của ta rồi ! Chỉ vì ta vô ý bỏ quên túi vàng không biết chỗ nào !

Ông trở lại Chùa để cầu-nguyện Phật, xin Phật độ cho ông tìm lại được túi vàng. Bây giờ ông mới sực nhớ chính ông đã để quên túi vàng ngay trong Chùa, trước điện Phật.

Nhưng trong Chùa, túi vàng của ông không còn. Ông đến hỏi thầy Trụ-tri nhưng thầy trả lời chẳng hay biết gì đến việc đó cả. Lo lắng và thất vọng, ông ra khỏi Chùa và lại đi lang thang ngoài đường để xem có đánh rớt túi vàng chỗ nào không. Tinh cờ, đi ngang qua cửa nhà người

nông-dân Phật-tử, ông trông thấy hàng chữ lớn trên tấm giấy dán nơi cửa. Ông vừa hỏi :

— Xin lỗi anh, anh là chủ nhà này ?

— Vâng, ông cần hỏi tôi điều gì ?

— Xin anh làm ơn cho tôi biết ai đã viết hàng chữ kia dán trên cửa nhà anh thế ?

Người nông - dân Phật-tử già-vờ bảo vờ thương-gia :

— Ở đây, người ta qua lại nhiều lắm, nhất là các Phật-tử ở chùa làng. Họ gặp vật gì viết lên vật nấy, nghĩ điều gì viết ra điều nấy. Có lẽ ông đánh mất cái gì chăng ?

— Có ! Tôi đã đánh mất hết cả gia-sản của tôi.

— Nhưng đúng thực là cái gì ?

— Một cái túi da đựng vàng bạc, có khóa cẩn thận.

Rồi ông tả rõ cái túi da và cái khóa cho anh nông-dân Phật-tử nghe. Anh này đã tin chắc chắn rồi, bèn dẫn thương gia vào buồng và trao trả cái túi ! Thương gia rất ngạc-nhiên vì lòng liêm chính của anh, bỗng nghĩ thầm : « Lạy Phật, thật tôi không xứng đáng có được cái túi vàng này tí nào. Người xứng đáng được nó phải là người nông-dân Phật-tử này đây. » Nghĩ thế xong, ông bảo anh nông-dân :

— Anh à, của này vào tay anh xứng đáng hơn vào tay tôi. Tôi

xin biểu hết anh và xin cầu nguyện Trời Phật cho anh giữ lấy của này mãi mãi.

— Ô ! Sao thế, thưa ông ? Xin ông giữ lấy túi vàng của ông. Tôi không có quyền.

— Xin tặng hết anh. Tôi không xứng đáng giữ nó nữa vì tôi đã làm mất nó rồi.

Nói xong, thương gia để túi vàng lại, vội chạy ra đường.

Người nông-dân Phật-tử thấy ông bỏ chạy, anh gọi mãi không được, liền chạy theo, la lên :

— Ăn cắp ! Ăn cắp ! Bắt lấy thằng ăn cắp kia !

Nghe tiếng la hoảng, người hàng xóm đổ ùa ra chạy theo chặn bắt được thương-gia. Rồi họ hỏi anh nông-dân Phật-tử :

— Nó đã lấy của anh những gì !

— Đúng vậy, bà-con ơi ! Ông ta muốn lấy cắp danh-dự và lòng liêm-chính của tôi, hai điều mà tôi đã giữ gìn từ khi tôi theo Phật !

Anh kể lại đầu đuôi câu chuyện cho mọi người nghe. Khi đã hiểu rõ sự thật, tất cả mọi người đều buộc thương-gia phải giữ lấy túi vàng của ông.

LIÊN-NHỤY

(Phỏng-dịch trong
« Contes du Moyen-Âge »)

« Ai Ăn Hột Vịt Lộn Không ? »

hay là : **PHƯƠNG THUỐC MỚI CŨ**

C ũ a N I C H A N S

Bác-sĩ HOÀNG-MỘNG LƯƠNG

壽
世
靈
單

NGUỜI xướng minh phương thuốc này là Bác-sĩ Nichans, hiện nay ông hành nghề tại thủ đô nước Thụy sĩ, ông chuyên môn dưỡng-lão. Danh tiếng ông được nhiều người biết. Phương pháp dưỡng-lão của ông đại khái như thế này: rút tinh-chất ở tạng-phủ bào-thai, súc-sanh để tiêm cho người già yếu, hay là người kém sức

khỏe sau một trận đau nặng, sau khi bị giải-phẫu. Ở Thụy-sĩ, dưỡng-đường tư-thực Nichans khi nào cũng đầy khách-hàng. Phần nhiều là những người giàu-có, cao-niên, nam và nữ, ở tứ-phương đến. Khách hàng của ông là người già yếu, chứ không có bệnh gì. Bộ máy nhơn-thể khi đã xài bảy tám mươi năm, tuy không hư hỏng gì nhưng các tế-bào mòn-mỏi: da mồi, tóc rụng, thịt mềm, gỏi mồi, tai nặng, mắt lờ... đấy là thân chủ của ông. Còn ra, cũng có một hạng khách hàng nữa, là các cụ non, tuổi chưa cao mà sức đã kém. Phương-pháp dưỡng-lão của Nichans được y-giới chú ý và được giới Thiên-chúa-Giáo chú-ý nhờ một dấyên có may mắn: số là mấy năm về trước đây Đức Giáo-Hoàng Pie XI ở Vatican đau nặng, nhờ ông chữa trị, thánh thể được bình an; tiếp đó ông Thủ-Tướng Đức-quốc Adenauer cũng yếu sức nhờ ông điều dưỡng một độ thì sức-khỏe được phục hồi! Từ đó, tiếng ông nổi lên khắp «tứ hải ngũ châu».

Bây giờ ta thử cử soát lại các phương-pháp mà y học đã dùng để dưỡng-lão, (dưỡng-lão chứ không phải làm cho trường-sanh bất-tử, cũng không phải cải-lão hoàn-đồng). Các phương-pháp ấy là: 1/ dùng dái (ngoi thận) khi đột chấp ghép cho dái các cụ, cha đẻ của nó là Voronoff; nó cũng như hoa hồng, sớm nở tối tàn, nay ít người nhớ đến; 2o/ tiếp đó là phương-pháp của Bologometz hay là của Bardach, hai nhà bác học này dùng tế-bào của tủy-lý (tissu endothélium — réticulaire) làm ra thứ bột khô, rồi tiêm vào cho người yếu. Bây giờ, thứ thuốc dưỡng-lão này gần như ít ai nghĩ đến, nó phải nhường chỗ cho Phương-pháp Fitzkow: 3o/ một độ ở Việt-nam, thành-thị và bưng-biển nỏ nước dùng Tử-hà-Xi: siro nhau, cấy nhau tiêm nhau. Hiện nay, người ta hồ hững với món thuốc ấy rồi. Kế đến ngày nay là Phương-pháp Nichans. Phương-pháp này rất tỉ-mỷ, rất tế-nhị nó không giản tiện như cấy nhau đâu. Bệnh-nhơn phải được khám xét tại dưỡng-đường rất kỹ-càng; được khám nghiệm qua các phòng khám-nghiệm rất châu-đáo... xong rồi mới được tiêm tinh-chất của bào-thai. Phải một tổ chức đại qui-mô mới xuất-sản ra tinh-chất tạng phủ lấy ở bào-thai.

Độc giả cứ ý-thức một khu vườn rộng 5 mẫu tây, trong ấy có một cây bồ hay là một cây cừu, con nào cũng đã được lựa chọn kỹ lưỡng, xóc vác, mạnh khỏe; chúng

được chăm nom rất châu đáo về cỏ ăn, nước uống; có những chuyên-viên thường xuyên phục vụ cho chúng. Trong cây bồ, có những con cái đậu-thai. Những thai sản-sàng phục-vụ cho y-học. Trong trường hợp cần thêm sức cho buồn phổi, hay là của-quả tim cho 1 người yếu phổi hay yếu tim, thì người ta mổ liền một con vịt cái, lấy thai-sanh của nó, mổ thai-sanh ra, lấy buồn phổi hay là quả tim; rồi rút tinh chất của phổi hay tim ấy mà tiêm vào cho lão non. Làm khi quả tim của thai-sanh còn đập phập-phồng trên bàn giải-phẫu.

Tinh-chất của phủ-tạng thai-sanh chứa đựng những kích-thích-tố; tiêm món này vào cơ thể lão-nhơn, thì các tế bào già được xúc động làm cho con người được tráng kiện lên.

★ LẤY CŨ LÀM MỚI.

Phương-thang của Nichans được đặc dụng bên Âu-Châu trong xã-hội những người phú quí, người ta cho là mới mẻ. Còn ở bên đông-phương, ở các nước thuộc văn minh chữ Hán, như là ở Việt-Nam, từ người giàu sang đến kẻ kinh-tế yếu (les économiquement faibles) ai cũng biết ăn trứng lộn hay là thấy ăn trứng gà-lộn, trứng vịt lộn, tiết canh lòng vịt, tiết canh lòng ngỗng, tiết canh một-tồn... Nếu chưa dùng đến, thì nhiều người cũng biết được-tánh của lộc-hàng-năm, khuyên hàng năm, dương hàng năm. Nhiều nhà giàu có vẫn dùng nhung-lộc; vẫn dùng bò-câu ra ràng, dùng yến sào. Như vậy, phương pháp dưỡng-lão cổ-hữu, ta đã có sẵn; tây

phương nay khai thác nó, khai thác với đường-lối phân-chất tinh-vi, với sự tác dụng tỉ-mỉ; phương pháp của NICHANS ngày nay đặc dụng ở Tây-âu; ngày mai nó sẽ ra sao? Cái đó thời gian sẽ trả lời cho ta. Tây-y thiên về phân-chất, Hán-y, thiên về hợp chất: trong những phương thuốc dưỡng-lão của Hán-y như Đại-Tạo-hoàn, như Đại-bồ-hoàn, người ta dùng những kích-thích-tố của dược-thảo và của sanh vật, các vị phối hợp lại cung cấp cho thân thể nhiều sinh phẩm hơn, tôi chưa nói tới công năng « quân, thần, tá, sứ » của phương thang Hán-y.

Giữ sức-khỏe bình thường khi cao tuổi, còn phải biết những đề phòng khi còn trai tráng, những đề phòng ấy thuộc về trí dục, đức dục, thể dục; nó còn lệ thuộc đến trình-trạng kinh-tế mọi người nữa: còn ăn không no, bận không ấm, ở không

đủ tối thiểu tiện nghi... khó bề dưỡng lão.

Tại sao có chữ « Mới Cũ » trong nhan đề bài này? Số là bạn Nguyễn-Vỹ có yêu cầu tôi viết cho độc giả của Phê-Thông một bài về đông-tây-y. Vị tình tri-kỷ, tôi không thể từ nan, nhưng tôi rất lúng túng về sự lựa chọn đầu-đề. Trong khi lúng túng, trong lúc củ soát tư tưởng, bới đào trong A-lợi-gia-thức để tìm kiếm một đề-tài vui và có ích thì thoát nhiên tôi nghe ra ngoài lộ « Ai ăn trứng vịt lộn? Trứng vịt lộn mới ra lò, ai ăn? » Tức thì tôi nghĩ đến các kích thích-tố của bào thai, rồi từ đó nghĩ đến phương pháp trị-liệu của NICHANS. Phương pháp này là một tương-trung của sự gặp gỡ tây-y và đông-y. Còn nhiều gặp gỡ nữa, ước ao rằng các bạn độc-giả sẽ sưu tầm và sẽ chỉ giáo cho.

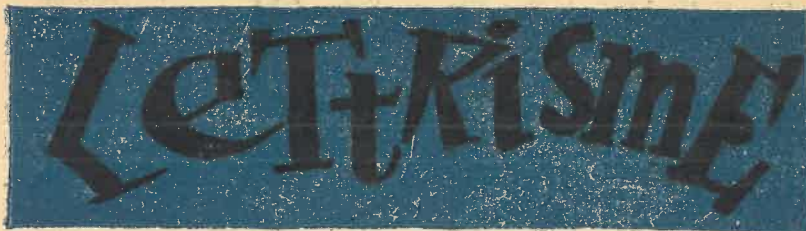
★ ROCK - N' - ROLL

— Điệu nhảy « Rock and Roll » dầm dật cuồng loạn lan tràn từ Mỹ qua Anh, Hòa-Lan rồi tới Pháp. Nửa đêm giữa tuyết lạnh từng đoàn thanh niên nam nữ theo Badio quay cuồng nhảy múa la hét giữa đường phố Ba-Lê khiến người quanh phố mắt ngù bực tức, có nhiều bà mẹ đổ nước lạnh lên đầu họ hoặc liệng bơ, pho mát vào họ. Sau cùng Cảnh-Bình phải can thiệp giải tán. Badio bị ra tòa vì tội làm náo động thành phố giữa đêm.

Trước mặt ông chánh án Badio tỏ vẻ hối hận y nói: « Tôi thành thật hối hận vì hành động gây rối nhưng xin Tòa hiều cho rằng đó là tôi bị âm nhạc lôi cuốn. Tôi xin cam đoan chắc với Tòa rằng nếu bây giờ bản nhạc đó trỗi lên, thì quý ngài cũng sẽ phải rời ghế ngay mà cùng tôi quay múa ! »

Q. B.

TRU'ÔNG THO'



NHỚ khi thơ lục bát vừa được nâng lên hàng quốc phong, có một số nho sĩ không mấy bằng lòng. Là vì họ suy nghĩ: cái mà mọi người gọi là quốc hồn quốc túy kia, ít ra, vẫn phải do một ngọn gió nào đưa đến. Và ngọn gió tinh hoa ấy, dù muốn dù không, vẫn phải từ Trung quốc thổi sang. Sau nhiều công phu họ tìm được hai câu lục bát duy nhất, viết bằng chữ Hán:

*Lục tam: hạm - chương khả
trình.*

*Hoặc tưng vương đạo; vô thánh
hữu chung.*

(Kinh Dịch)

Và:

« Để vị: Thái Xác hữu công

*Sử chi tưng tự - Triết tông
miếu đường »*

(Tổng sử)

Với hai câu trên, người xưa đã vũ đoán: thể lục bát sở dĩ phong phú vì được manh nha từ văn điệu thơ Tàu. Câu chuyện ấy ngày nay hầu thành .. cổ tích, nhưng mỗi khi nhắc đến, lòng ai không khỏi ngậm ngùi...

Đ **Ã** **B** **I**

PH **Ả** **S** **Ả**

Từ Tây học sang mùa, lớp thanh-niên lại một lần si mê hoa lạ, đua nhau cảm nghĩ như những thiên tài phương xa. Ảnh hưởng rộng rãi nhất có lẽ là Charles Baudelaire, con người hào hoa mà vào năm 1857, đã bị Tòa tuyên phạt 300 francs về tội làm .. thi sĩ! Và họa hoàn ngâm lại câu thơ Huy Cận:

*« Thâu trong cái ngập dài vô hạn
Hình ảnh lung linh vũ trụ
tàn... »*

Ta khó lòng không nhớ đến một Pierre Reverdy:

« Le monde rentre dans un sac »
hoặc:

*« Le jour s'est déplié comme
une nappe blanche »*

Dù mãi đến bây giờ, Huy Cận đã đọc hay chưa đọc Reverdy, sự liên tưởng trên vẫn mang lại cho tâm hồn giây phút sáng khoái... Ôi! biết làm sao khi hiển nhiên đây là một bệnh hoạn của con người?

★

Vừa qua, văn học Pháp lại xuất hiện một thi phái mới mẻ, gọi là « Lettrisme », do Henri Pichette đề xướng. Nhà thơ trẻ tuổi này bao lần gào thét: *thơ là một loại súng chống lại thói quen. (La poésie est une salve contre l'habitude)*. Sự thực, Henri Pichette nhiều khi quá khắc khổ trước những đòi đoạn tâm tình. Nhưng ông vẫn không cắt nghĩa nổi, « vì sao bài thơ là một cuộc xung đột của huyết hệ mà người thơ chính là nạn nhân đặc thắng? » (*Comment expliquer que tout poème est un conflit sanguin dont tout poète est la victime victorieuse ?*) Dù sao, môn phái « lettrisme » cũng đã nói, và đã làm... thơ :

Les oiseaux

E-popopoi popoi, popopopoi popoi.

Trioto, trioto, totoobrix...

Kikkabaii kikkabaii

Torotoro — torolililix!

Một đoạn khác :

Danse de lutins

(Accelerando, crescendo)

I

Dolce ; dolce.

*Yadse folce
Dolce ; dolce.
Yoli, deline*

II

*Yulce, Yulce
Youdouli, dulce,
Yulce, yulce
Kzill odaline*

III

*Jalce, jalce
Yahanti galce,
Jalce, jalce
Blouzi psiline*

(Trích Tạp-chí «Fontaine»)

Đọc một bài thơ « lettrisme » trên kia không một ai dám quả quyết rằng, trong lúc hứng thú, thi nhân đã dùng tiếng Anh tiếng Pháp hay tiếng Ấn độ? Và dưới bài không cần ký Henri Pichette mà có thể ký một tên gì cũng được! *Vì mấy ai ép một thi sĩ dùng điển, nhưng cũng khó lòng phân biệt được, khi một người điển lạm xưng là thi sĩ.*

Điều đáng ngại là nhiều báo hiệu một ngày kia, trên mảnh đất nghìn năm văn vật này, sẽ có những tài hoa làm thơ trên căn-bản... « lettrisme »! Nghệ thuật tới đây sẽ còn gì? Không còn gì hết! Trên đường phiêu lưu, bạn trẻ chúng ta chỉ là kẻ hành nhân trong đêm tối vô cùng nguy hiểm.

Thi sĩ ôi! người đang đứng trước một nguy-cơ, coi chừng kéo vấp!

HOÀNG-TRÚC-LY

TÌM HIỆU THÊM VỀ LOẠI THƠ LETTRISME

CỬA CỎ DIỆU-HUYỀN

Bạn Hoàng-Trúc-Ly, nhận xét về loại thơ « Lettrisme », cho rằng đó là một nguy-cơ, nhận-xét ấy rất đúng. Nhân tiện đây, tôi muốn được góp thêm vài ý-kiến về loại « thơ » ấy, để bạn đọc PHỒ - THÔNG có một ý-niệm rõ-rệt hơn nữa về phái « thơ » này, và tại sao nó có.

Xét đúng ra, loại « thơ » lettrisme khởi thủy từ năm 1945, ngay sau khi nước Pháp được giải-phóng. Dân-chúng Pháp lúc bấy giờ đang như hoan-lạc say-sưa vì Chiến-thắng, nên tâm-hồn người ta bị bóp chặt trong uất-hận mấy năm trường dưới bàn tay sắt của quân thù, bỗng được cởi mở ra và trở nên hoàn-toàn phóng-dãng.

Tiếng chuông nhà thờ rền vang đêm ngày, reo mừng cuộc Đại Hội Sinh của Toàn-quốc, dội vào lòng người đê-mê xáo-động, khiến cho một chàng thanh-niên vẫn là Thi-sĩ, bị xúc-cảm quá mạnh không còn biết dùng chữ gì nữa để diễn-tả được nỗi lòng xao xuyến hoan-mê, nên lấy bút ghi trên giấy tiếng chuông Nhà-thờ mà chàng nghe vang-dội như sau đây :

*Ferg, fier, foug, fobergue,
Jar, jointe, joug, jobergue,
Gagoal, gagine, gogal,
Piginne, Ringine, inguinne,
Roigall,*

*Calméliodall,
Calméliodall...
Cathedral, dagallall,
Fal, galatine, Linne,
Siatéline,
Fal, coatégoal,
Touff — toxine !
Touff — toxine !
Glatiguall, montygal,
Plamigall, plamigall !...
Gong, Galigolon, galtigolon,
Tdjong, coloholon, holocolon,
Bloum, toubicouloum !
Coum !...*

Chàng thanh-niên đã chép ra bài « thơ » trên đề là « TIẾNG CHUÔNG NHÀ-THỜ MỚI » như tôi đã nói, là một « nhà thơ » trẻ tuổi, hơi loạn-óc. Tên chàng là ISIDORE ISOU, người đầu-tiên đã xướng ra lối thơ « Lettrisme » Năm 1948, ISIDORE ISOU có xuất-bản một tập thơ đầu của y, với một bài phi-lộ, đề là :

« Introduction à une nouvelle poésie et à une nouvelle musique »

Trong bài phi-lộ mở đầu ấy ISIDORE ISOU có giảng giải chữ « lettrisme », là lấy « chữ » (lettres : A, b, c) để làm thành thanh-âm của thơ, chứ không cần lấy danh-từ (mot) để ghép thành câu thơ : « Isidore Isou commença la destruction des mots par les lettres. Il s'agit de faire comprendre que les lettres ont une autre destination que les

mots. Isou défera les mots en leurs lettres, Chaque poète intégra tout en tout. Il faut révéler le tout par les lettres... »

(Isidore Isou khởi sự lấy chữ để tiêu-diệt danh-từ. Cốt để cho người ta hiểu rằng chữ có tác-dụng lợi-ích hơn là danh-từ. Isou tách chữ ra khỏi danh-từ. Mỗi nhà-thơ sẽ lược những chữ ấy kết lại thành mọi sự-vật. Phải dùng chữ để diễn-đạt mọi sự vật). Đó là bản tuyên-ngôn của Isidore Isou, thủ-lãnh môn-phái « lettriste ». Isidore Isou đã kết luận bản phi-lộ bằng một câu :

« Que ceux qui ne peuvent quitter les mots, en restent là ! » (Ai không từ bỏ được danh-từ, thì đừng tiến tới nữa !) Đọc lại bài thơ trên các bạn chắc đã phải mỉm cười mà ngạc-nhiên về lối « thơ » lạ-lùng ấy, mà không ai hiểu hết, mà ai cũng hiểu được !

Phương-pháp dùng chữ (Lettrisme) để làm thơ, ISIDORE ISOU đã đặt ra một cái tên để gọi nó, tức là *Lettrie*, do đó mà gọi là *Lettrisme*.

Nhưng ISIDORE ISOU cố tìm cho lối « thơ » của y một căn-bản nghệ-thuật, căn-bản ấy đã được y thuyết minh như sau đây : « Thơ phải diễn bằng âm-thanh, hơn là bằng danh-từ. Âm-thanh của chữ, không cần phải ngữ-vựng, vì mỗi sự vật có một âm-thanh riêng, không thể dùng một ngữ-vựng ước-định (un vocabulaire conventionnel) để mà gọi ra một nhạc thơ. »

Đi sâu vào tư-tưởng của ISIDORE ISOU, chúng ta có thể nhận-xét rằng nếu Thơ thuần-túy (*Poésie Pure*) có hai trạng-thái đối-chiếu nhau, hay là hai thái-cực, một là trạng-thái khoáng-đại (*l'implique*), hai là trạng-thái sắc-bén (*le ciselant*), cái trên là trữ-tình ngoại-cực, (*le lyrisme extérieur*) trữ-tình hùng-biến như thơ của Victor Hugo chẳng hạn, cái dưới là trữ-tình nội-tâm, nghĩa là trữ-tình suy-tưởng trầm-mặc, thí dụ như thơ của MALLARMÉ, thì ở đây, ISIDORE ISOU nghịch hẳn với hai thái-cực mà tạo ra lối « thơ » trữ-tình của âm-thanh (*le lyrisme du son*).

Đó là nguyên-thủy lý-thuyết của phái thơ Lettrisme. Nó vừa là thơ mà không phải thơ, vừa là nhạc mà không phải nhạc, cho nên ISIDORE ISOU gọi nó là một nhạc mới và một thơ mới.

Xét sâu vào nữa, thì ISIDORE ISOU có phần chịu ảnh-hưởng của Đại Nhạc-sĩ CLAUDE DEBUSSY (1862-1918), mà chắc các bạn đã biết là một Nhạc-sĩ thiên-tài lừng danh thế-giới vì chủ-trương lối nhạc Thiên-nhiên-chống lại nhạc ước-định (*musique conventionnelle*) mà chúng ta vẫn nghe hằng ngày, cho đến đã nhàm tai.

Những nhạc-khúc của DEBUSSY, như là bản *Le Prélude à l'après-midi d'un faune* viết ra tặng Thi-sĩ Mallarmé, trong chúng ta ai đã được nghe một lần thì đều nhận thấy rằng đó là

lời xuất phát do ngay ở Thiên-nhiên mà ra. Nghĩa là vừa ngẫu phát (spontané) vừa gần như vô-tình, không phải do người sáng-tác mà do Thiên-nhiên sáng-tạo trong người.

Cùng một ảnh hưởng ấy, bên phái hội-họa đã nảy ra một kỳ tài : Pablo Picasso. Nhưng khác một điều nhỏ-nhỏ mà thành ra khác xa, là Nhạc-sĩ CLAUDE DEBUSSY đã thành công trên lĩnh vực âm-nhạc — thành-công rực-rỡ, say-mê, và PABLO PICASSO vì quá thiên về những khía-cạnh tâm-lý nên đã thành ra thô-kịch, nhiều khi lại còn mất hẳn tinh-chất Thiên-nhiên của sự vật nữa. Còn ISIDORE ISOU, không phải là một Thiên-tài Thi-văn, mà muốn lột bỏ hết cả hồn thơ, cả ý thơ, cả xúc-cảm lý-trí (émotivité rationnelle de la poésie) để dồn hết âm-thơ vào lỗ tai mà thôi.

Chỉ có xúc-cảm rất ít, nhưng xúc-cảm ấy cũng là phi-lý-trí (irrationnelle) !

Tuy nhiên, lối « thơ » của ISOU vẫn có một số người làm theo và được tôn lên làm một môn phái ấn tượng (Ecole impressionniste) như DEBUSSY bên Âm-nhạc, và PICASSO bên Hội họa vậy !

Cho nên, tôi đồng-ý với bạn Hoàng-Trúc-Lý mà cho rằng đó là một nguy-biến của Thơ. Hay là nói chơi chữ cho vui, thì gọi là một nguy-biến của Thơ cũng được vậy ! Nhưng chúng ta không đến nỗi phải lo ngại nhiều cho Thi-ca Việt-nam, bởi vì ngay ở bên Pháp mặc dầu thơ « Lettrisme » của ISIDORE ISOU đến nay vẫn còn có đôi kẻ ham mộ, cũng đã phá-sản rồi. Và đó cũng là nhận xét chung của các nhà phê-bình chân chính của Văn-học Pháp hiện đại. **DIỆU-HUYỀN**

★ CON TRAI PICASSO

Họa-sĩ Y-pha-nho Pablo Picasso sống ở Pháp, đã lừng danh khắp Thế-giới vì những bức tranh vẽ rất khó hiểu của ông. Người không ưa nhất những tranh ấy lại chính là cậu con trai 9 tuổi của ông. Một hôm, một nhà báo đến viếng Họa-sĩ, lại gặp ngay cậu con trai đang nguệch - ngoạc những nét vẽ kỳ-cục không có ý nghĩa gì hết, trên một tấm carton. Nhà báo hỏi : « Cậu vẽ cái gì kỳ cục vậy, cậu ? » Con trai Picasso nháy mắt cười hóm hỉnh nói thầm với nhà báo : « Tôi vẽ bố-láo như thế đấy để chốc nữa tôi đổ lại Ba tôi xem là cái gì ! » Một lúc Picasso ra. Cậu bé hỏi : « Nếu Ba nói đúng là con vẽ cái gì đấy thì Ba mới thật là nhà Họa-sĩ có tài ! » Picasso dùng ngó bực vẽ một lúc không trả lời được. Cậu bé liền nhún vai cười : « Thế thì con đây mới thật là Họa-sĩ có tài hơn Ba ! »

BA - TÈO

NƯỚC MẮT

Bà THU-VÂN



NƯỚC mắt là một thứ nước chảy ra do hai lỗ nhỏ ở hai bên khóe mắt, mỗi khi thần kinh hệ bị kích thích, thường thì bởi một cảm giác buồn.

Đó là một thứ nước vừa hết sức thông thương, vừa hết sức khan hiếm trên cõi thế gian này: Khan hiếm vì lẽ không có ai tích trữ nước mắt để dành từng lu, từng hũ, nên lâm khi cần đến, muốn tìm độ một chung để thí nghiệm, cũng khó tìm; thông thương bởi lẽ trong tất cả chúng ta, dầu già, trẻ, bé lớn, ai ai cũng đều có dịp trông thấy nước mắt, hoặc của mình, hoặc của người, ít nhất là một vài bận.

Đức Phật THÍCH CA xưa kia có nói:

« Nước mắt của chúng sanh trong ba ngàn thế giới còn nhiều hơn bốn bề đại dương ». Mà loài

người là đứng đầu trong chúng sanh. Ngài nói thế thì hẳn là chúng ta phải khóc nhiều lắm! Người ta còn nhận thấy có nhiều loại nước mắt. Có thứ « nước mắt buồn » mà cũng có thứ « nước mắt vui tức là nước mắt mừng ».

Ví dụ bạn khóc vì thương nhớ một người thân yêu đi biệt tin đã nhiều năm, nay thốt nhiên người ấy trở về trong lúc bất ngờ, thì nỗi mừng ấy cũng có thể làm chobạn sa lệ đặng. Đó tức là nước mắt mừng, chảy ra do một mối cảm xúc mạnh.

Ngoài ra, người ta còn phân biệt nhiều loại nước mắt khác nữa. Ví dụ: Nước mắt sầu tủi, nước mắt thương tiếc, nước mắt hối hận, nước mắt cá-sấu, nước mắt gừng, và gần đây người ta vừa phát minh ra được một thứ nước mắt mới, tức là « nước mắt hạm ».

Đem phân chất ra, có lẽ các thứ nước mắt kể trên phẩm chất cũng có phần khác nhau, chẳng thể mà người ta đang cố tìm một ít mẫu nước mắt buồn của người lớn để thí nghiệm mà tìm cũng chưa ra, các mẫu nước mắt người ta hiện có đều là nước mắt trẻ con cả.

Hiện nay, người ta được biết nước mắt có chứa nhiều chất Lysozyme, một chất hóa hợp có tánh cách sát trùng rất mạnh, mạnh cho đến nỗi đem pha ra sáu triệu lần nước, nó vẫn còn đủ sức giết một vài loại vi trùng ở trong không khí. Chất này cũng do Sir Alexander Flemming, của đề của penicilline phát minh ra. Nhờ tính chất sát trùng ấy nên khi ta bị bụi hay một vật dơ làm cay xốn mắt, đang khi ấy nếu ta có thể nào làm cho chảy ra đặng một chút nước mắt, là thấy hết xót ngay. Bởi vậy nước mắt là một thứ thuốc khử độc thiên nhiên cho cặp mắt của chúng ta.

Nhưng.. ngàn ấy đều nhận xét vẫn chưa giải nổi dilemma thắc mắc của chúng ta: Tại sao đàn bà hay khóc hơn đàn ông?

AI cũng phải công nhận điều ấy là có thật.

Người ta có chủ ý nhận xét thì thấy đàn ông đứng trước những sự đau khổ tột bực, hoặc những sự hiềm nghèo nguy cấp, thường có nhiều triệu chứng khác nhau, ví dụ như nghiến răng đặm chun, đấm ngực, mím môi,

xanh mặt, run rẩy, nắm tay đập phá, có khi họ xiu nữa, nhưng phần đông thì không khóc.

Còn đàn bà, lâm vào trường hợp trên thì mười người khóc đủ cả mười. Nhất là các cô thiếu nữ hay mơ-mộng, nhiều khi một nỗi nhớ nhung man mác, cũng đủ làm cho họ khóc rồi.

Tại sao vậy?

Nếu ta khảo xét về phương diện « anatomic humaine » (khoa giải phẫu), và thử đem đo lại hai bộ xương sọ của người đàn ông và người đàn bà, thì ta sẽ thấy kẻ bên sọ mũi có hai lỗ nhỏ, do đó ống dẫn nước mắt thông ra ngoài, và quái lạ thay lỗ ấy bên phía đàn bà lại lớn hơn bên sọ đàn ông. Không hiểu tạo hóa đã sanh ra như thế để cho đàn bà có phương tiện khóc nhiều hơn đàn ông, hay tại vì trong suốt đời người đàn bà ấy, vì khóc nhiều quá, làm cho nước chảy đá mòn, cho nên lỗ nước mắt mới rộng thêm ra!

Một điều chắc chắn là khi nước mắt chảy ra đặng tức là cơn khủng hoảng đã vượt qua, nỗi đau khổ đã vơi đi một phần nào. Khi ta buồn cảm giác buồn làm cho máu chảy chậm lại. Trái lại khi ta khóc, sức mạch-áp-động tăng gia, tức là khi cơ thể ta đã bắt đầu vượng dậy, để thắng cái nỗi buồn đang đè nén nó, và đem lại cho ta một cảm giác khoan khoái, gần như giải thoát.

Người ta kể truyện hai người

mắt vợ, cùng trong một tai nạn xe hơi.

Anh thứ nhất khóc kể thoi như suối chảy trong mấy ngày liền, rồi sau khi chôn vợ xong, anh có thể trở lại cuộc sống bình thường của anh, và có thể nhắc đến vợ một cách bình tĩnh, tuy cũng buồn song không đến nỗi nào.

Anh thứ nhì không khóc được hột nào, mắt ráo hoảnh, lơ đãng như người mất hồn. Ba hôm sau khi chôn vợ rồi, anh ta thành linh lẩn đùng ra rồi phát đau luôn cả tháng. Người ta nghiệm thấy sự đau khổ của anh trước tuy phò trương nhưng nặng hơn nỗi đau khổ của anh sau bị đẻ nên kèm hãm nên trở thành tai hại hơn.



Nhưng... Tại sao đàn bà lại hay khóc hơn đàn ông ?

Người ta sẽ bảo: « Tại vì đàn bà giàu tình cảm hơn đàn ông » ; Cũng có lẽ, song nếu ta thử đem lại số thi-sĩ trên thế giới và ngay trong xứ Việt-Nam, thì ta lại lấy làm lạ mà thấy phải mạnh chiếm đa số.

Gó người bảo rằng tại nền giáo dục cận kim tập cho đàn ông có thói quen đề nén tình cảm của họ. Ông bà ta khi xưa

khóc một cách tự nhiên hơn chúng ta bây giờ nhiều, và cả vị anh hùng, danh tướng ngày xưa càng khóc nhiều hơn ai mà không hề bị người ta cười là « đàn bà ». Chính ông Lưu-Bị đời Tam-Quốc là người hay khóc nhất, khóc còn đề tiếng đến đời nay, hề ai khóc nhiều thì người ta nói « khóc như Lưu-Bị » ; ông ta có vị thế mà kém về anh hùng đâu ? Trái lại ông ta làm nên sự nghiệp xưng bá đồ vương có lẽ cũng một phần là nhờ ở như cái tật hay khóc của ông ta đó.

Còn ở trong thời đại chúng ta, một thiếu niên hay khóc sẽ được coi như là một cái quái vật. Trong đám tang một người bạn thân mến, các bạn gái cứ việc tự do để cho suối lệ tha hồ chảy trước mặt mọi người, còn các bạn trai, nếu có anh nào mũi lòng, đã vội quay đi quệt lên nước mắt. Thường thì đàn ông không thích để cho người ta thấy họ khóc. Họ muốn tỏ cho phải yếu biết rằng họ là người có tâm hồn cứng cõi, giàu tự chủ chứ không phải hạng người mít ướt như ai, không kèm chế nỗi lòng mình.

Cái tâm lý chung ấy của giới nam nhi, người ta đổ thừa cho phương pháp giáo dục của các ông cha bà mẹ. Ví dụ :

Chú Hùng là con trai. Năm nay chú lên sáu, chạy chơi lỡ té trầy đầu gối, chú khóc. Mẹ chú sẽ đỡ

chú dậy và nói: « Nin đi con kẻo con Hoa nó cười bây giờ ! Nó nói con trai gi mà dờ tề, mít ướt như con gái ! » Ấy thế rồi chú Hùng cứ tưởng làm thân con trai mà khóc là dở, rồi chú tập nín để cho con Hoa nó khỏi cười, và đề vừa lòng mẹ chú, rồi chú nín thét thành quen đi, đến chừng chú khôn lớn, lỡ chú có vấp ngã trong đường đời, chú cũng sẽ vì thói quen mà nín luôn chứ không khóc, mặc dầu nhiều khi chú cũng muốn khóc hết sức !

Trải qua nhiều thế hệ, trí não người đàn ông đã in sâu thành kiến : nước mắt là đồ phụ tùng của đàn bà, ví dụ như son phấn chẳng hạn, đàn ông không nên dùng đến kẻo bị chúng bạn chê cười.

Còn em Hoa là con gái ; em cũng lên sáu, nếu em rui ro có vấp té, má em sẽ đỡ em dậy, xoa chỗ đau cho em, và dỗ dành em. Em muốn khóc bao nhiêu má em cũng cứ để em được tự do chứ không bao giờ chế nhạo em hay chê cười em. Thế rồi, em Hoa in trí rằng làm thân con gái thì em được quyền khóc, và em nhận thấy khóc như thế sẽ làm cho mẹ em dỗ dành âu yếm em, bởi vậy em cứ khóc tràn đi. Đến khi lớn lên, mỗi khi em lỡ vấp té trong trường tình hay trên đường đời, thì vì thói quen, vì trực giác, em sẽ cũng lại khóc nữa, để được vỗ về và được âu yếm.

Có lẽ đều nhận xét trên đây là

đúng đấy phải không thừa các bạn ?

Một điều chắc chắn là các nhà tâm lý học đều công nhận rằng : Đàn ông ngày nay sẽ được khỏe mạnh và ít mắc các chứng bệnh thần kinh hơn, nếu họ chịu khó thỉnh thoảng ráng khóc một đôi khi. Nước mắt khi chảy ra đáng có công hiệu làm êm giãn cân não. Bởi thế nên sau khi khóc được nhiều, người ta thường hay ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Đến khi tỉnh dậy, vấn đề đã giải quyết được phần nào, và ta sẽ lấy làm lạ mà thấy trong người nhẹ nhõm đi.

Vì vậy, chúng tôi xin mạn phép khuyên các anh cũng nên vì sức khỏe, vì luật thiên nhiên, tập khóc lại đi là vừa. Mỗi khi có điều gì buồn, khuyên các anh cứ việc khóc đại đi, khỏi cần giữ gìn, khỏi cần e-thẹn gì cả, rồi các anh sẽ thấy sự thần hiệu của nước mắt.

Musset há đã chẳng bảo :

... « Pour mûrir, les épis ont besoin de rosée »

« Pour vivre et pour mourir l'homme a besoin de pleurs »

Xin thoát dịch :

« Bông lúa chín hỡi còn nhờ sương sáng.

« Muốn cảm thông người há quản lệ sa... »

(Blaio 58)



THỂ-DỤC

PHỤ-NỮ

Cô TUYÊN-ANH

Hôm nay tôi được hạnh nói chuyện với các bạn đọc-giả của báo Phò-Thông về thể-dục của phụ-nữ.

Từ ghế nhà trường đến ngoài xã-hội, qua các bài học và báo-chí, chúng ta hẳn cũng đã biết qua sự ích-lợi của thể-dục đối với sắc đẹp phụ-nữ là thế nào rồi. Giờ đây nếu tôi nêu ra nữa cũng là thừa.

Bài hôm nay, là bài đầu, tôi muốn nói với các bạn về cách THỞ.

Tại sao chúng ta nên tập thở? — Ngày xưa phụ-nữ chúng ta phải làm việc vất-vả, nặng nhọc, đi đờng gõ-ghè, vì thế nên cơ-thể được hoạt-động nhiều, làm cho nhịp thở phải tăng thêm. Ngày nay, do đà tiến triển của văn minh, chúng ta hầu như không còn hoạt-động nữa. Các công-việc nội-trợ và giao-thiệp

hằng ngày không làm cho cơ-thể ta vận-động đầy đủ. Vì vậy, một phiên tập thở đối với chúng ta bây giờ rất quan-trọng, nó giúp ta tra hoạt-động, tránh được bệnh hoạn, các cơ tiêu-hóa được đều-hòa và sau hết là các tế-bào sẽ được tươi trẻ hơn.

Nói tóm lại, nếu ai là người



Hình I-A

biết lo săn sóc sắc đẹp và muốn được tươi trẻ mãi đều phải nghĩ đến tập thở. Nhưng các bạn chớ lầm tưởng rằng tập thở sẽ có một thần hình cân đối đầu nhé.

Bài tập thở này chia ra làm 2 phần:

- Tập thở đầy phổi.
- Những động-tác về thở.

TẬP THỞ ĐẦY PHỔI

Cử động I.

Nằm ngửa, tay để xuôi theo mình, các bắp thịt vẫn giữ tự-nhiên. Thở vô từ từ bằng mũi vừa phình bụng lên, hai vai không cử động (xem hình I A);



Hình I-B

khí bụng đã nở to, ta tiếp tục thở phồng ngực lên (hình I B), bụng vẫn giữ yên. Tiếp tục hít vô đến khi nào không được nữa mới bắt đầu thở ra từ từ cũng bằng mũi. Thời-gian hít vô và thở ra đều bằng nhau. (lối từ 6 đến 12 giây). Để kiểm soát thời-gian thở, ta nên đếm thầm :1, 2, 3, 4...

Cử động II.

Đứng thật thẳng, mặt ngó lên. Hít vô như cử-động I vừa rởng ngực lên, rút 2 vai ra sau (hình ở đầu bài). Xong lại thở ra từ từ vừa xếp 2 vai tới trước và 2 bàn tay úp lên đùi (hình II-C).



Hình II-C

Cử động III.

Hít vô vừa vô nhẹ lên ngực (dưới vú).

Thở ra trong lúc 2 bàn tay ép ngực lại (hình III-A).

Cử động IV.

Nằm sấp, lòng bàn tay úp lên mặt phẳng.

Hít vô vừa ngược mặt lên (hình IV-A).



Hình III-A

Thở ra : hạ đầu xuống, mặt gần đụng mặt phẳng (hình IV B)



Hình IV-A

Đến đây đã hết phần tập thở thứ nhất. Kỳ sau tôi sẽ nói cùng



Hình IV-B

các bạn phần tập thở thứ hai với nhiều cử-động mới nữa.



BIN có đôi lời thanh minh cùng chư quý nữ độc-giả của tạp-chí. **PHỞ-THÔNG**.

Tôi hết sức ái ngại việc đảm nhận phụ trách mục gia chánh này; vì lẽ tài rất sơ, e những điều hiểu biết của tôi không có chi là mới lạ.

Lãnh công-tác thì phải làm cho hết lòng, nên tôi dẫn đo ngại ngưng mãi; nhưng tôi lại có ý nghĩ, nếu muốn góp sức cho xã hội phần nào mình phải mạnh bạo vượt qua mọi trở lực khó khăn. Hướng chỉ đây tôi chỉ có ý nguyện giúp một phần nhỏ mọn cho một số các bạn gái ưa thích nghệ-thuật nấu bếp, và muốn dọn những bữa cơm ngon lành trong gia đình.

Tôi cố gắng đem những điều hiểu biết biên ra cẩn thận cho chị em nào chưa làm qua món ấy, sẽ thực hành và coi kỹ, sử dụng đúng nguyên tắc, thì được thành công ngay.

Mỗi kỳ, tôi sẽ lần lượt thảo ra một món đồ ăn Việt-Nam, hoặc

MÓN ĂN PHỞ-THÔNG

Bà THƯỜNG-LẠC

Tây, hoặc Tàu rồi kỳ sau 1. món bánh, hay là mì, tùy theo khả năng và kinh-nghiệm của tôi. Không phải là những cao lương mỹ vị, mà chỉ là những món ăn thông thường của các gia đình Việt-Nam.

Nếu có chi sơ sót, dám mong quý bà quý cô chỉ-bảo thêm cho. Vạn tạ.

Măng tây nấu cua :

Hai con cua cho chặt, vừa chờ đừng nhỏ quá.

Một hộp măng tây cỡ nhỏ, (không phải hộp lớn).

200 gr. xương heo để nấu nước lèo.

2 hột gà, 3 muỗng bột năng (muỗng cháo).

1 củ hành tây, chừng 4, 5 tép tỏi. Hành ngò.

Cách nấu,

xin theo đúng sau đây :

Cua luộc chín, rửa cho kỹ đừng cho sót vỏ, vắt bớt nước trong cua ra; xương heo rửa sạch bắt son nước thả xương vô, chừng sôi hớt bọt cho kỹ,

đừng để lộn bọt nước đục đi. (Đổ chừng 6 tô nước) sắc xuống còn 5 tô là được; vớt xương ra lọc nước cho trong.

Đập tỏi xắt củ hành, bắt chảo lên cho nóng để vào chừng 3 muỗng mỡ, để hành tỏi vào rán cho sần, rồi sẽ để cua vô xào đều để nước mắm tiêu vô cho vừa ăn, xúc đồ vô nước lèo, măng tây

đoạn khúc chừng nửa lòng tay bỏ nước để vào son nước lèo nổi trên bắt lên bếp cho sôi lại, đánh 2 cái hột gà cho đều; bột pha nước vào cho loãn từ từ để vào măng đang sôi sơ nhẹ cho đều tay kéo óc trâu rồi hột gà cũng làm thế, nhắt xuống nêm, nêm cho vừa, để chừng 1 muỗng nhỏ đường cát, để hành ngò, sẽ dọn lên.

*** NỐC-AO (KNOCK OUT)**

Tại A-vận-Hội Đông-Kinh, khi vô sĩ Rô-be-Bốp vô địch quyền Anh lên lãnh Cúp — Các phóng viên báo chí xúm đến phỏng vấn. Một câu hỏi được đặt ra :

« Xin Bạn cho biết trong đời bạn, cuộc đấu vô nào kinh hồn nhất? và cuộc đó bạn thắng hay bại? »

Rô-be-Bốp trả lời liền: — « Trận đấu độ kinh khủng nhất trong đời tôi là hôm... vợ tôi liệng cả mớ xu hào, cà rốt, mắm muối tiêu hành vô đầu và mặt tôi. Bữa đó tôi bị . thua to! »

*** TRIẾT-LÝ CỦA BÀ VỢ**

Vợ một giáo-sư Triết học căn dặn chồng :

— Minh đã có vợ rồi nên ăn mặc cần thận một chút cho đẹp mặt em! Minh có nhớ câu một nhà Triết học Đức nói rằng: « Người chồng nào đi ra đường mặc áo đứt nút là một sự sỉ nhục cho vợ mình ».

Giáo.sư vặn lại vợ :

— Nếu vậy áo anh cái nào cũng đứt nút cả thì em cấm anh ra đường ư?

Bà vợ cau mặt gắt :

— Thì anh chịu khó khâu nó lại chứ? Sao lười thế?

*** MỘT LỜI CỦA EM**

— Em ơi! em hãy ban cho anh một lời, chỉ một lời thôi, đời anh sẽ tươi thắm, sẽ đầy hạnh phúc. Anh yêu em lắm! Chỉ xin em ban cho một lời...

Cô em bực mình quay lại chửi :

— Con khi!

Q. B.

LƯƠNG-KHẢI-SIÊU

Đại Văn-hào và Đại cách-mạng gia

Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI

TÔI muốn giới thiệu với chư quý độc-giả một vị đại-văn-học gia và đại-cách-mạng gia của nước Trung-hoa gần đây, mà hầu hết những nhà tân học và cựu học nước ta và các học giả Thế-giới đều biết tiếng. Ấy là Lương-Khải-Siêu.

Lương tiên sinh, tên húy là **Khải Siêu**, tự là **Trác-Như**, biệt tự là **Âm-Băng-Thất** và biệt hiệu là **Nhâm-Công**. Quê ông ở làng Hùng-tử, thuộc về Tân-hội (Quảng đông), vị trí trên một trái đảo cuối nguồn Tây-giang chảy ra ngoài biển. Ông sinh giữa năm Đồng trị đời Thanh, dương lịch là năm 1873 và là ngày 26 tháng giêng năm Quý dậu. Đương lúc đó, nước Trung-hoa, trong thì bị họ Mãn chiếm cứ giang san, thì hành những chính sách thối nát đề đề nên mấy trăm triệu nòi giống Thần-Nông; ngoài thì các môn khoa học, văn nghệ cùng các tôn-giáo của các nước Âu-phương tràn lan dồn dập đưa tới Trung-quốc; khiến cho tình thế Trung quốc trầm phần nguy hiểm gay go, không bút nào mà tả cho xiết.

Khải-Siêu vốn được thiên tính thông minh, năm lên 4 tuổi đã theo

đời việc học và đến năm 6 tuổi đã đọc các sử Trung-quốc và đã giảng tới **Ngũ Kinh** (5 pho kinh-cổ truyền rất có giá trị của Trung quốc). Lên 8 tuổi đã bắt đầu biết làm văn và tới năm 9 tuổi đã viết được những bài văn dài hàng ngàn chữ. Năm 12 tuổi, thi vào học viện, hàng ngày luyện tập các môn văn học từ chương, không gì là không thông thạo.

Năm 17 tuổi, **Lương** vào dự thí trong Kinh, không may bị trượt. Khi quay về, mua được bộ sách **Doanh-hoàn-chí-lược**, liền bắt đầu kê cứu về các lịch-sử và các học thuyết các nước trên thế giới. Từ đó họ **Lương** ngày càng say sưa về việc nghiên cứu các môn cổ-kim học thuật, và đem dần các lý thuyết phổ bày trên các báo chương, đã được các giới trong nước hết sức hoan nghinh, gây nên ảnh hưởng cho công cuộc cách mạng trong nước Trung-hoa không phải là ít.

Độc giả chư tôn muốn rõ cái chân giá trị của một nhà đại văn hào họ **Lương** hãy xin đọc qua một đoạn bài tựa cuốn **Âm-Băng-Thất** toàn tập mà thuật giả xin lược dịch dưới đây, còn

tiêu truyện của tiên sinh và các gia phàm sẽ xin trích dịch lần lần. Xin nhớ rằng các nhà Cách-mạng tiên bối của Việt-Nam ta hồi đầu thế kỷ này như **Phan hội Châu**, **Cường Đê**, **Phan châu Trinh**, **Huỳnh thúc Kháng** v.v.. đều chịu ảnh hưởng các sách của **Lương Khải Siêu**.

Mấy lời tựa cuốn ÂM-BĂNG-THẤT

(của Thiên Hành Xuất bản Xá biên soạn năm 1947)

Lương tiên-sinh ở vùng Tân-hội, là một nhà văn nổi tiếng khắp thế-giới. Phàm những người đã hơi biết tới Chính-trị-sử và Văn-học-sử trong khoảng trên dưới 50 năm này, không ai là không ham mộ say sưa và cũng không ai là không cảm động kích thích trong lòng. Điều đó miên-phải nói ra thêm phần tại độc giả.

Văn chương của Lương tiên-sinh, ý sâu mà lời giản, nghĩa xa mà nói gần, phàm những điều gì mọi người muốn nói mà ngời bút không thể đạo đạt ra được, thì Lương tiên sinh đều dùng những ngọn bút lưu loát uyển chuyển mà diễn đạt cả ra. Bởi thế, khi đọc tới văn đó, tự khắc thấy thấm thía vào tận tim gan mà rõ ràng khúc chiết từng tí từng li. Nước Trung-hoa ta, sở dĩ quết trừ được xã-hội phong-kiến, đập đổ được chính thể chuyên chế, tháo toàng được cái xiềng xích tư tưởng bó buộc hơn mấy ngàn năm, đã đành cũng có rất nhiều nguyên lý, song cái công ở sủy văn chương của Lương tiên sinh cũng không thể

nào mà quên nhãng được. **«Cái»** đó không phải là một ý kiến riêng của tác giả bài này, mà thực ra là một cái cộng nghị của hết thầy mọi người trong làng văn học, không ai là không công nhận.

Lương tiên sinh vốn người uyên thâm cựu học và lại hấp thụ đầy rẫy kiến thức mới lạ của các nước văn minh Âu Mỹ, cho nên đối với tư tưởng đã nêu lên riêng một ngọn cờ, mà phát ra văn chương lại bao gồm tân cựu, khác hẳn mọi người. Một mặt tiên sinh hết sức thấu thiệp các ngành tân học cốt đề khơi gợi cho quốc dân biết cải cách về các nguồn tư-tưởng học thuật và đồng thời lại khéo thuật những nguồn đạo đức sẵn có hàng mấy ngàn năm từ trước, đề uốn nắn những kẻ ngông cuồng quên cổ tổ tiên. Không một lời nói nào là không châm thẳng vào bệnh xã hội, không một câu văn nào là không cứu thẳng cho tệ quốc gia. Đã thừa tính cách phá hoại, lại rất giàu về tư tưởng kiến thiết, lời văn viết ra lại không cầu kì khuất khúc, khiến cho ai đọc cũng phải nghe mà không chán...

« Bởi thế trong khoảng mấy chục năm lại đây, phàm những nhà văn nổi danh, mỗi khi thốt ra những bài ngôn luận, chẳng ít thì nhiều, đều có dính dáng hơi hưởng ảnh hưởng họ Lương. Cho nên có thể nói là phàm những văn chương viết trên báo chí ngày nay, hết thầy không ngoài lối văn của đại-văn hào họ Lương đã xướng suất vậy... »

THUYẾT TÂN DÂN của Lương-Khải-Siêu

Lời thuật giả.— (Tình hình Trung-quốc khoảng đời họ Lương, cách đây chừng ngót trăm năm so với tình hình dân tộc Việt nam hiện nay tương đối cũng không khác xa là mấy, bởi vậy những ý kiến của họ Lương phổ bày lúc đó, đối với hiện thời vẫn còn thích hợp rất nhiều.

Trước đây nhóm Tôn-Trung Sơn bên Trung-quốc nổi lên đánh đổ Mãn-thanh lật nền đế chế hàng mấy ngàn năm và xây nền dân chủ tự do; một phần lớn là nhờ ảnh hưởng về học thuyết của Lương tiên sinh. Và chính Phan Sào Nam tiên sinh, một nhà đại cách mạng, đại ái quốc nước ta, trong khi lưu

tại Trung-hoa, thường hay lui tới với Lương tiên sinh, cũng phải thâm phục tài học của họ Lương, mà cùng nhau thảo luận những lời thiết chân thành, đề cũng mong cứu vãn nòi giống giang san.

Bởi vậy thuật giả cổ công sự tâm, lược dịch ra đây, chẳng qua cũng muốn góp một đôi phần tư tưởng trong công cuộc kiến thiết một nền tự do độc lập của dân tộc tương lai. Rất mong độc giả chớ tôn nghiêm ngẫm những lời thốt thiết kêu gào của một bậc đại văn hào lân quốc mà quay

lại tự mình nhận xét lại mình, họa may có được bề ích chút nào, thì cũng là một điều vinh hạnh riêng cho dịch giả vô cùng.]

I. — LỜI NÓI ĐẦU

Từ thế giới bắt đầu có loài người cho tới nay, cứ kể các nước trên hoàn cầu, có tới hàng mấy nghìn mấy vạn. Nhưng hiện còn sót lại cho tới ngày nay và chiếm được một địa vị ở trong Ngũ-đại-Châu, thì thử hỏi có được là bao? Thưa rằng chừng độ ngót trăm. Nhưng trong số ngót một trăm nước ấy, lại có được cái thế lực làm thăng bằng cho thế giới, và có thể thắng được những cuộc gian lạc sau này, thì phỏng được là bao? Thưa rằng phỏng độ 4 hay

5 nước.

Ôi! cũng là ngày mặt trời mặt trăng ấy; cũng là non sông ấy; cũng là đầu tròn ấy cũng là chân vuông ấy; thế mà kẻ này thì còn, kẻ kia thì mất, kẻ nọ thì mạnh; kẻ này thì yếu; đó là tại có làm sao? Có kẻ cho là bởi tại « địa-lợi » khác nhau. Nhưng châu Mỹ hiện nay cũng vẫn là châu Mỹ ngày trước, vậy có sao mà dân tộc Áng-cách-kỳ-sách-tôn (Anglo-Saxon) lại riêng được hưởng sự vinh hoa? Nước La-mã ngày xưa, tức là nước La-mã ngày nay, thế mà dân tộc Lạp-đinh



(Latin) vì sao đến nỗi đồ mất danh dự? Cũng có người cho là vì có « anh hùng » Nhưng trước đây há không có Á-lich-Sơn-Đại (Alexander) thế mà Mã-cơ-đôn (Macédoine) ngày nay sao đã ra tro? Trước đây không phải không có Thành-Cát-Tư-Hãn (Gengis Khan), thế mà sao ngày nay giống nòi Mông-cổ cơ hồ gần đến điêu tàn?

Than ôi! Ta biết cái nguyên do rất rõ: Chỉ vì nước là tích dân lại mà thành. Nước phải có dân cũng như người ta phải có tứ chi, ngũ tạng, cân-mạch và huyết-quản vậy. Xưa nay chưa từng có khi nào tứ-

chi đã chết, ngũ tạng đã liệt, cân-mạch đã đứt và huyết-quản đã khô mà thân người lại còn sống được. Vậy thì cũng chưa bao giờ lại có thể có những nhân dân ngu xuẩn yếu hèn, rời rã như bần, mà cái nước lại còn vững được!

Bởi thế cho nên, muốn cho thân được sống lâu khỏe bền, thì cái thuật « dưỡng sanh » tất phải nghiên cứu; mà muốn cho nước được thịnh vượng phú cường thì cái đạo « Tân dân » cũng không thể nào mà không giảng cứu.

(Kỳ sau tiếp)

* ÔNG ĐÃ ĐỦ CAN ĐÀM CHƯA?

Trong một phòng chữa răng nọ, Vị Nha-y-sĩ sửa soạn nhổ chiếc răng cho một nhà Lược sĩ vô địch quyền Anh. Khi đưa kềm vào miệng Lược sĩ, Nha-y-sĩ nhận thấy Lược sĩ tỏ vẻ run sợ, Ông liền ngừng tay và sai người nữ y tá đem tới 1 chai rượu Vích-Ky để Lược sĩ uống cho có can đảm. Sau khi Lược sĩ uống cạn 1 ly rượu mạnh Nha-y-sĩ hỏi:

— Ông đã đủ can đảm để tôi nhổ chiếc răng đó chưa?

Lược sĩ lắc đầu tỏ vẻ còn run sợ lắm. Nha y sĩ liền rót ly thứ hai. Uống hết ly thứ hai Lược sĩ vẫn lắc đầu run sợ, anh ta được uống ly thứ 3, thứ 4, nhưng vẫn còn run lắm chưa dám cho nhổ răng, sau cùng anh ta nổi can hể chai Vích Ky. Nha y sĩ hỏi:

— Sao? Bây giờ hẳn ông đã đủ can đảm rồi chứ?

Lược sĩ khi đó đã thấm hơi men, trợn mắt trả lời:

— Đủ chớ! Bây giờ thì tôi can đảm lắm, tôi sẽ oánh chết cha đứ nào dám đụng tới cái răng của tôi!

* BÍ MẬT NHÀ NGHỀ

QUAN-TÒA: Tờng thì cao, cửa thì khóa, chó dữ, tiền bạc để trong tủ sắt. Anh làm cách nào mà vào lấy được?

TÊN TRỘM: Xin Quan Tòa tha lỗi. Chúng tôi đã trót thế không bao giờ truyền nghề lại cho ai hết.

Q. B và Ba-Tèo.



của THÂM-THỆ-HÀ

TRIỀU nhà Lê trong lúc thái-bình, có một trang thư-sinh hào-hoa phong nhã tên là Trần Tú-Uyên. Chàng thường đi du-ngoạn những nơi danh lam thắng cảnh. Đến Bích-Cầu, thấy cảnh đẹp, chàng bèn dựng ở đó một lầu thơ để học-hành và ngâm vịnh.

Một hôm, nhân chùa Ngọc-Hồ mở hội, chàng cao-hưng đến xem. Đến chiều, khi sắp về, chàng chợt thấy một lá thơ bay đến trước mặt. Chàng nhặt xem, thấy lời lẽ có ý trêu ghẹo mình. Liền đó chàng thấy từ trong chùa đi ra một mỹ-nhân có mấy ả-hoàn theo hầu. Bóng mỹ-nhân đã lặn ngọc-nhiên con mắt người thơ và chàng ngơ-ngần nhìn theo:

*Rõ ràng nét ngọc mây hoa,
Cá chìm mặt nước, nhận sa lung
trời.
Gần xem vẻ mặt thêm tươi,
Mùi hương thoang-thoảng thêm
rơi ít nhiều...*

Thế rồi mùi hương quyến rũ của người đẹp đã thu hút tâm hồn chàng, khiến cho chàng lần bước theo nàng đến Văn-Đình, đến khi nàng khuất dạng, chàng mới thờ thẩn ra về.

Về nhà, Tú Uyên mãi tưởng nhớ đến nàng mà phát bệnh tương-tư. Một hôm, Tú Uyên nằm mộng, thấy thần dạy sáng mai ra Cầu Đông sẽ gặp người mong ước. Nghe lời thần ứng, Tú Uyên tìm đến Cầu Đông, gặp một ông lão bán một bức tranh

tổ-nữ mà người trong tranh giống hệt người đẹp ở Ngọc-Hồ. Chàng bèn mua tranh đem về treo ở thư phòng. Rồi cứ mỗi bữa cơm, chàng dọn 2 cái bát 2 đôi đũa, mời thiếu-nữ trong tranh xuống cùng ăn. Có hôm chàng than thở với tranh, bày tỏ nỗi niềm tưởng nhớ. Như xúc-động với tấm lòng tri-kỷ, người đẹp trong tranh bỗng mỉm miệng cười:

*Chợt nghe phơ-phời miệng đào,
Mặt hoa hớn-hở mỉm chào
chúa dồng.
Cho hay tình cũng là chung,
Khách tiên chưa dễ qua vòng
ái-án.*

Từ đó ngày ngày đi học về, Tú Uyên đã thấy một mâm cơm dọn sẵn. Chàng sinh nghi. Một hôm, để ý nhìn xem, chàng thấy thiếu nữ trong tranh hiện xuống thành người. Chàng liền chạy lại để tạ tình. Thiếu-nữ bảo mình là Giáng-Kiều ở cung tiên, vì có tiền duyên với chàng nên xuống trần để cùng chàng kết tóc. Rồi nàng làm phép biến lều tranh của Tú Uyên thành một lầu đài tráng lệ, nguy nga. Từ đó hai người sống chung với nhau. Được ba năm, mối tình của Tú Uyên không còn nồng nàn như trước. Chàng rượu chè be bét cả ngày, Giáng Kiều khuyên can không được. Một hôm chàng quá say sưa, Giáng Kiều khuyên can, chàng lại phủ phàng đánh đập. Buồn bực, nàng đành bỏ ra đi. Khi tỉnh dậy, Tú Uyên hối hận và mới bắt đầu tưởng nhớ đến nàng. Đến một hôm, chán đời

chàng toan tự vận thi Giáng Kiều lại hiện về để cùng chàng nối lại duyên xưa.

Sau, hai người sanh được một đứa con trai đặt tên là Chân-Nhi. Thấy cảnh trần lắm than khổ ải, kiếp người như phù du, Giáng Kiều khuyên chồng nên xa lánh cõi trần để tìm về nơi tiên-cảnh thanh-nhàn:

Đi về tuyết-diêm hoa thôn

*Thông bèn nhịp phá ch, suốt
tuần phim đàn*

Một ngày trong thú thanh-nhàn,

*Mấy trăm muôn cảnh nhân-hoàn
độ sao?*

Giáng Kiều trao cho chàng bữa thuốc để tu-luyện. Rồi một hôm, sau khi dặn-dò Chân-Nhi ở lại cõi trần, hai người cỡi hạt về tiên-cảnh.

I. - Giá-trị tâm-lý

Cũng như bao truyện thần-thoại khác « Bích Cầu kỷ-ngộ » là một chuyện hoang-đường có tính-cách tượng-trung, diễn-tả mối tình diễm lệ giữa người tiên và người trần. Do đó, tình-tiết trong truyện hoàn-toàn giả-tạo và động tác tâm-lý cũng chỉ có tính-cách tượng-trung. Đây là tâm-trạng của một chàng thanh-niên dưới thời-đại phong-kiến, thắm nhuần tư-tưởng yếm thế, muốn tìm đường thoát-ly để sống theo tư-tưởng phóng-nhiệm của

minh. Những sự-khien : «mời người đẹp trong tranh xuống dùng cơm với mình, nhờ to làm-sự với một bức tranh», chứng tỏ sự giàu tưởng-tượng của thi nhân và cá-tính lãng-mạn ham-mê thoát-tục.

Sự biến đổi tinh-tinh của Tú Uyên biểu-lộ rõ-ràng tu-tướng yếm-thế kia, do quan-niệm về sự xê-dịch của mọi sự vật ở trần-gian, từ ngoại-cảnh đến tâm hồn, tương phản với cảnh nghìn đời thanh-linh, bất-di-dịch của tiên-giới.

Về phần Giáng-Kiều, dù là tiên, nàng cũng mang rõ tính-chất của một cô thiếu nữ rất lãng-mạn, rất đa tình, nhưng có một đặc-điểm khác biệt là lòng người tiên không bao giờ thay đổi : Tác-giả diễn-tả cái tâm-lý tương-phản ấy để làm tăng

giá-trị của kẻ mang hệ-thống tư-tướng của tác-giả. Sự bỏ về tiên-giới của Giáng-Kiều trước hành động phủ-phàng tàn-nhân của Tú Uyên chỉ là một đòn tâm-lý đánh vào tâm hồn chàng trai mê-muội và đồng thời để thử thách tình yêu của chàng đối với nàng xem có còn nồng-nàn, thắm-thiết như xưa chăng ?

II. - Giá-trị triết lý

Có người cho rằng BÍCH-CAU

KỶ-NGỘ chỉ là một câu truyện diễm-tinh đầy thơ mộng, không hề nhuộm màu triết học hay luân-lý. Nói như thế, có lẽ vì không nhận định nghệ-thuật sáng tác của cổ-nhân. Các văn-nhân, thi-sĩ của ta ngày xưa chưa hề có quan-niệm sáng-tác « *phi luân lý* » hay « *phi đạo-lý* » như một vài nhà văn ngày nay. Cho nên những sáng-tác-phẩm của họ, bất cứ thuộc loại nào - kể cả những truyện thần-thoại, truyền kỳ - đều mang màu sắc luân-lý hoặc triết-lý.

BÍCH-CÁU KỶ-NGỘ là một truyện triết-lý lồng trong một khung-cảnh diễm-tinh kỳ-ảo.

Trong BÍCH-CÁU KỶ-NGỘ tác-giả đưa ra hai nhân vật mang hai nguồn tư-tướng khác nhau : Tú Uyên tượng-trung cho tư-tướng Không-giáo ; Giáng-Kiều tượng-

trung cho tư-tướng Lão-giáo biến thể. Rốt cuộc, Giáng Kiêu giác-ngộ Tú Uyên, kéo Tú Uyên về một đường với mình. Theo đó, Lão-giáo biến thể đã thắng Nho-giáo qua động-tác của hai nhân-vật.

Nhưng cái tư-tướng, mà tác-giả muốn cổ-súy ra thế nào ?

Lão Tử chủ-trương thuyết « *Thanh-tĩnh vô-vi* ». Đến đời Hậu Hán, các nhà đạo-sĩ là Trương-Đạo-Lãng và Cát-Hồng đã biến cái thuyết « *vô-vi* » của



Lão-Tử ra « *Hư-vô chủ nghĩa* ». Họ bày ra những phương thuật dị-đoan, đạo trường-sinh bất tử và những phương-pháp chữa bệnh bằng phù-thủy.

Giáng-Kiều ở đây đã tượng-trung cho học-thuyết đó. Lễ tất nhiên, đối với chúng ta ngày nay, học-thuyết ấy không còn hợp thời nữa. Đó là một trong những tư-tướng phong-kiến lạc-hậu. Ngày nay dân ta đã nhận thức được tinh-thần khoa-học, và những phần-tử tiến bộ đã phủ-nhân những tàn tích tư-tướng phong-kiến còn sót lại.

III. - Giá-trị văn-chương

Riêng về văn-chương, BÍCH CÁU KỶ-NGỘ có một vài diễm-đặc sắc về nghệ thuật tả cảnh, tả tình, tả người và nhất là về thi-pháp

Tả cảnh, tác-giả đã tả theo lối vẽ thủy mạc.

Tả tình, tác-giả đã tả theo nghệ thuật : « *mượn cảnh đàm tình* ».

Tả người, tác giả đã tả theo lối vẽ chân-phương.

Về thi-pháp tác-giả đã ứng-dụng nhiều phương tiện Mỹ-từ-pháp rất được phổ-biến trong văn chương cổ-diên :

Hiệp-ngữ :

*Biết phương nào, biết chước nào,
Có chăng còn lúc chiêm bao họa là.*

Đảo-ngữ :

Phất-phơ gió trúc, dật diu mưa hoa.

Tỷ-dụ :

Chiều thu như gửi lăm thương.

Âm-tỷ :

Vầng kim-ô đã gát đầu non tấy.

Nhân-cách-hóa :

*Gió chiều lay bóng hoa lệ già già
Tiêu-dối :*

*Hoa còn phong nhị, trăng vira
tròn gương.*

Dụng điển :

*Áy ai thả lá doanh châu gheo
người*

Thậm-xưng :

*Cá chìm mặt nước, nhận sa
lưng trời.*

Tóm lại, Bích-Câu Kỳ-Ngộ là một tác-phẩm có vài đặc-điểm về văn-chương và tâm-lý, nhưng nội-dung của nó chứa-đựng những tư-tướng lãng-mạn và phong-kiến, không còn phù hợp với trào lưu tư-tướng tiến bộ của chúng ta ngày nay.

THÂM-THỆ-HA

★ Loài người vì không thể chữa được bệnh chết, đã tìm ra phương-kế để hưởng hạnh phúc là không nghĩ đến cái chết nữa. Đó là tất cả những gì họ có thể phát minh ra để yên ủi mình.

PASCAL

SHAKESPEARE

ĐẠI KỊCH SĨ ANH

TẠ KÝ

NÓI đến Văn học Anh, ta không thể nào không nhắc đến Shakespeare. Shakespeare không những được dân tộc Anh xem như là ông tổ kịch-nghệ xứ họ mà còn được cả thế-giới thân phục tằm ba lỗ lạc của mình. Trong bài tựa vở kịch *Cromwell* (*Préface de Cromwell*) Victor Hugo đã hết lời ca-ngợi: «*Shakespeare, ce Dieu du théâtre.*» (Shakespeare, vị Chúa của kịch-nghệ...) Vô số tác phẩm của Shakespeare còn được lưu truyền cho đến nay và một vài kịch bản của ông đã được quay thành phim như *Romeo and Juliet*. (Câu Romeo và nàng Juliet).

Trong bài này chúng tôi chỉ xin nhắc qua tiểu sử của Shakespeare cùng tình trạng sân khấu Anh quốc trước khi ông xuất-hiện. Sau hết chúng tôi sẽ

xin thuật lại vở kịch *Macbeth* và xin góp vài ý kiến nhỏ mọn.

Tiểu sử. —

* *William Shakespeare* sinh năm 1564 tại Stratford-upon-Avon, con của John Shakespeare. Người ta ít biết gì về thời thơ ấu của



Shakespeare. Cậu bé này đi học trường «*Grammar School*» (như trường trung-học đệ nhứt cấp, chuyên dạy tiếng La-tinh và Hy-lạp) tại thành-phố cậu sinh trưởng và cậu lại dở tiếng La-tinh và Hy-lạp là hai môn học chính.

* Năm 1577, cha cậu gặp vận đen, buôn thua bán lỗ nên cậu phải bỏ học và tự tìm cách nuôi thân.

* Năm 18 tuổi, Shakespeare lấy vợ là Ann Hathaway lớn hơn chàng 8 tuổi, và sau này sinh được ba con. Nhưng ít lâu

sau khi lấy vợ, vì nghèo túng, vì thích phiêu lưu và vì say mê sân-khấu, Shakespeare đến Luân-đôn. Chàng thanh-niên 18 xuân xanh này từ già tỉnh thành Stratford-upon-Avon nhỏ bé của mình, một thân trơ trọi đặt chân lên kinh đô Luân-đôn. Học hành chẳng là bao nhưng Shakespeare sẵn có khiếu về kịch - nghệ và nhờ đọc sách thêm nên về nghệ thuật sân khấu, Shakespeare càng ngày càng tiến bộ. Người ta đồn rằng trong thời-gian nghèo đói ở Luân-đôn, Shakespeare phải làm nghề giữ ngựa ở trước cửa các rạp hát.

* Năm 1587, người ta thấy Shakespeare giúp việc cho một ban kịch và cũng từ đó bắt đầu cái nghiệp của anh chàng soạn-giả kiêm diễn-viên Shakespeare.

* Từ 1587 đến 1592, Shakespeare dọ - dẫm từng bước trên con đường nghệ-thuật. Lúc đầu, ông chỉ thêm - thắt, sửa chữa những vở kịch của soạn - giả đương-thời để kịp đưa lên sân-khấu. Ông chưa sáng tác được gì. Nhưng dần dần, ông mượn những đề tài trong lịch-sử Anh quốc để dựng thành kịch.

* Từ 1592 đến 1600 : Thời kỳ trẻ trung, ít ưu tư, nhiều mơ-mộng. Shakespeare viết nhiều vở kịch chan-chứa tình cách trữ tình lãng-mạn như *The Midsummer Night's Dream* (1595) *As you like it* (1600). Và để chịu theo thị hiếu quần-chúng đương thời, ông đã viết những vở kịch lịch-sử

Richard II (1595) *Henry IV* (1597-1598) và *Henry V* (1599).

* Từ 1601 đến 1605 : Nghề soạn-giả kiêm diễn-viên vẫn đem lại một số lợi đều đều nhưng Shakespeare càng ngày càng trở nên bi quan, yếm thế. Nguyên nhân thuộc về đời sống tình-cảm: năm 1601 cha mất; cái chết của Essex, người bạn thân; và hình như là một mối tình tan vỡ... Tâm sự đau buồn của Shakespeare được bày tỏ trong mấy bài *Sonnets* (1609) và trong 5 vở bi-kịch : *Julius Caesar* (1600) *Hamlet* (1601) *Othello* (1604) *King Lear* (1606) *Macbeth* (1606)

Những vở kịch này cho ta thấy sự thắng lợi rõ rệt của tội ác.

Những năm cuối cùng : 1607-1616.

Đến 1608 — Shakespeare lúc ấy 44 tuổi — nổi bi-quan trên kia dịu dần và tác phẩm của ông trong thời kỳ này được nhuần tình chất lãng-mạn. Tuy không có được nét trong sáng và thanh-thản của tuổi trẻ nhưng tác-phẩm ông cũng còn hé cho ta thấy vài nụ cười ưu-tư của tuổi xế chiều. Thời gian ấy ông viết: *The Tempest* (1609) *The Winter's Tale* (1611). Sau đó, Shakespeare trở về lại Stratford là nơi ông sinh-trưởng, sống một cuộc đời bình lặng và mất năm 1616, hưởng-thọ 52 tuổi.

Tình trạng sân khấu Anh quốc cuối thế kỷ XVI

Nghệ thuật sân khấu được dân chúng bấy giờ hoan-nghênh nhiệt liệt. Khắp Anh quốc, nhất là ở Luân Đôn, nhiều gánh hát thành lập và nhiều bậc quý-tộc đã đứng làm người đỡ đầu. Mỗi lần công-diễn, khán-giả kéo đến xem đông vô-số trong đó có cả các bậc đại quý tộc, những nhà học giả hoặc bọn người trưởng-giả. Họ đến xem để thưởng thức tài-nghệ, để tìm dịp tranh luận với nhau hoặc để cười thích chí mỗi khi thăng hê (the clown) xuất hiện.

Thời đó sân khấu dựng ngoài trời. Có sân khấu dành ngồi xem. Nhưng ngang bên sân khấu cũng có ghế ngồi xem nên nhiều khi khán-giả làm trở ngại cho diễn viên.

Về dàn cảnh thì người ta thường dùng một vật để biểu-trưng toàn thể. Ví-dụ muốn chưng một cửa hiệu người ta chỉ dọn trên sân khấu một cái quầy hàng; hoặc muốn dàn cảnh lâu đài vua chúa, họ chỉ dùng một cái ghế bành v.v... Những kiểu dàn cảnh này không bao giờ thay đổi và cũng chẳng ai nghĩ đến cách thay đổi làm gì.

Muốn hơi buồn tẻ, Shakespeare, một mặt phong-phú-hóa những phong cảnh dàn trên sân khấu và mặt khác cố tận dụng những tinh-tiết éo le, tế nhị của các nhân-vật kịch của mình. Tuy

nhiên sân khấu của Shakespeare vẫn chưa có màu sắc dân-tộc. Cảnh phần nhiều là cảnh rừng trường xa lạ của miền Tô-Cách-Lan. Nhân vật cũng đi lại mấy vị lãnh-chúa thời cổ La - Mã nhưng các vị này lại diện y-phục hiệp sĩ nước Anh! Vì dễ dãi, vì quen xem những loại tuồng ấy nên khán-giả vẫn không lấy làm chướng tai, gai mắt. Nhưng Shakespeare lúc ấy đã biết dùng một vài xảo thuật về ánh-sáng và ông cũng chú trọng đến y-phục diễn viên.

Tóm lại, dù ở vào tình trạng khó khăn về phương-tiện, Shakespeare không vì thế mà nãn. Nhờ tài ta lỗi-lạc, ông đã viết những vở kịch đầy hình ảnh, đầy tinh tiết gay cần và có khi huyền-bí, rùng rợn nên hấp dẫn được khán giả. Những vở kịch ấy dù diễn trên một sân khấu nghèo nàn về màn, phông vẫn thành công như thường.

Macbeth

★ *So-lược cốt truyện.*— 1057, Vua Tô cách Lan là Duncan chiến thắng được vua Na-uy là Sweno nhờ hai viên tướng giỏi của mình là Macbeth và Banco. Trên đường về, hai tướng này gặp 3 mù phù thủy đoán hậu-vận: Macbeth sẽ làm vua Tô-cách-Lan.

Về nhà, Macbeth thuật lại lời tiên-đoán ấy cho vợ nghe. Vợ (Lady Macbeth) xúi giục chồng

giết vua, đoạt ngôi. Lúc đầu, Macbeth không dám nhưng sau vì vợ thúc giục, nói khích và vì lòng tham phú quý nên Macbeth nhúng tay vào máu. Nhân một hôm vua Duncan đến tận lâu đài Macbeth để ban thưởng chiến công, Macbeth bèn giết vua và lấy máu bôi vào hai tên lính đang ngủ say để đánh lạc dư-luận. Con vua Duncan là Malcolm sinh nghi bèn chạy trốn. Macbeth lên ngôi báu.

Nhưng ít lâu sau Macbeth hối-hận và lại sợ mình sẽ bị chung số phận với Duncan nên ra tay trừ-khử các quan, tướng trong triều. Nhiều người bị treo cổ trong số đó có Banco. Con của Banco chạy thoát. Macduff, một vị lãnh chúa, cũng thoát được theo Malcolm trong khi vợ con ông bị Macbeth hạ sát.

Macbeth cho xây một chiến lũy kiên cố để phòng vệ và ông tin lời tiên đoán của mấy mù phù-thủy là « khi nào khu rừng Birnam tiến sát đến lâu đài Macbeth thì lúc ấy ông bị giết ».

★ Sa-kò-xít-pê-a-rô!

1857, trong một cuộc hội-nghị Báo-chí Toàn-quốc tại Hà-nội dưới thời Mặt-Trận Bình-dân Pháp, một chàng « văn-sĩ » của phái tả, lúc học chưa đỗ bằng tiến-học, nhưng ưa mùa mồm mùa mệp, đòi lên diễn đàn để diễn-thuyết về chủ nghĩa Mạc-xít. Không biết anh ta đã học lỏm của ai mà trên diễn đàn anh hùng mang trọn mắt nói rằng nhà kịch-sĩ Shakespeare của Anh, hồi Thế-kỷ 17, cũng đã có tư-tướng Mạc-xít rồi. Điều nhận xét hoàn toàn đốt nát ấy, khán giả không thêm cười làm chi. Nhưng khi nói đến tên nhà kịch-sĩ Anh, vì không biết đọc theo tiếng Anh, chàng ta đọc theo tiếng Pháp ló canh là Sa-kò-sít-pê-a-rô, thì toàn thể Hội nghị vỗ tay cười rồ lên! Chàng ta mắc cỡ đỏ mặt nhũy tọt xuống đất và biến đi đường nào mất tiêu! BA TÈO

Nhưng Malcolm, con trai vua Duncan, đang nhờ vua nước Anh giúp đỡ để về rửa thù. Trong khi ấy vợ Macbeth vì hối hận, vì bị những cảnh rừng-rợn ám-ảnh nên sanh ra mất trí. Bà cứ đi tho-thần suốt đêm trong lâu đài như một bóng ma và luôn luôn xoa tay vào nhau y như một người đang rửa. Bà tưởng mình đang rửa sạch vết máu dính đầy tay. Nhưng bệnh càng ngày càng nặng.

Trong lúc đó, quân của Malcolm kéo về phục hận. Gần đến lâu-đài Macbeth, quân Malcolm nghi-trang bằng cách chặt những cành cây cắm quanh mình và bò lần tới. Macbeth đứng trên lâu-đài nhìn xuống, thấy lá cây tiến dần đến, biết rằng lời tiên đoán của mấy mù phù-thủy đã chứng nghiệm: « Rừng Birnam đang tiến sát đến lâu đài ».

Đang lúc bối rối thì vợ Macbeth chết. Macbeth liền đánh trận cuối cùng nhưng bị Macduff giết chết. Malcolm lên ngôi.

(còn nữa)

**“Trong 5 hay 6 năm nữa, Việt-Nam
sẽ có một Trung-tâm Nguyên-tử-**

lực như các nước lớn ở Á-đông”

Giáo-sư BỬU-HỘI

**Phó Chủ-tịch Hội-ngị Quốc-tế Nguyên-tử-lực
lần thứ 2, tại Genève**



Cố-vấn Khoa-học của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, và một trong các nhà Bác-học có danh-tiếng lừng-lẫy ở Thế-giới ngày nay. Giáo-sư Bửu-Hội hiện cầm đầu phái-đoàn Bác-học Việt-Nam gồm có 5 nhà Thông-thái tham-dự Hội-ngị Quốc-tế Nguyên-tử-đệ-nhiệ kỳ bàn về Công-dụng Nguyên-tử-năng vào các công-cuộc Hòa-bình, họp tại Genève và Vienne. Một vinh-dự lớn-lao hơn nữa cho nước ta, là Giáo-sư Bửu-Hội được bầu làm Phó Chủ-tịch Hội-ngị kỳ này.

Giáo-sư sắp về nước để tổ-chức một Trung-tâm Quốc-gia Nguyên-tử-lực tại Đà-lạt, góp phần nghiên-cứu về công-dụng nguyên-tử-năng để phụng-sự Hòa-bình, với các Cường-quốc Nguyên-tử-lực của Thế-giới.

Theo như Giáo-sư cho biết, Trung-tâm Nguyên-tử Đà-lạt sẽ áp-dụng một chương-trình gồm có 2 đợt: đợt I, dành cho việc nghiên-cứu thuần-túy và việc huấn-luyện các chuyên-viên Khoa-học Việt-Nam, mở một con đường mới cho các sinh-viên có khả-năng về khoa Nguyên-tử-học. Đợt II, sản xuất Nguyên-tử-lực. Muốn thực-hiện đợt II này, cần phải có sự hợp-tác của các nước bạn, nhất là Pháp, Mỹ, Anh, Giann-Đạt, là những nước đã tiến tới một trình-độ cao-siêu về Nguyên-tử-lực, và các nước đã áp-dụng Nguyên-tử-lực vào kỹ-nghệ, như Nhật-bôn, Ấn-độ, Thụy-điền, Úc, Thụy-sĩ và Ý.

Tạp-chí Phổ-Thông sẽ giúp các bạn theo dõi những tiến-triển của nguyên-tử-lực Việt-Nam dưới sự điều-khien thông-thái của nhà Bác-học Bửu-Hội, nhà Bác-học Nguyên-tử-lực đầu tiên của Nước ta. Bạn của Tạp-chí Phổ-Thông từ trước, mặc dầu ông bận-rộn bao nhiêu công-việc quan-trọng hơn, Giáo-sư Bửu-Hội chắc sẽ không từ-nan phổ-biến những kiến-thức về Nguyên-tử-lực cho Đồng-bào học hỏi, để theo kịp với trào-lưu tiến-bộ của Thế-giới nguyên-tử ngày nay.

Dưới đây là những lời của Giáo-sư Bửu-Hội tuyên-bố trong cuộc phỏng-vấn của “Tiếng nói nước Mỹ” về khả-năng của Việt-Nam trong phạm vi Nguyên-tử-lực.

NGUYỄN-VỸ

THEO tôi, chúng tôi có thể tổ-chức cơ-cấu nguyên-tử-lực, theo các cơ-quan nghiên-cứu nguyên-tử của mấy nước khác, mà sử-dụng các nguyên-liệu phóng-xạ (matières radio-actives) để giải-quyết các vấn-đề về y-tế, như trị-bệnh ung-thư, ruồi, muỗi. Chúng tôi cũng sẽ dùng nguyên-tử-lực để sản-xuất điện-khí.

Chúng tôi có thể hy-vọng sẽ có trong năm, sáu năm tới đây một tổ-chức nguyên-tử-lực, xứng-đáng với các tổ-chức nguyên-tử của các nước khác ở Á-đông. Còn muốn sản-xuất ra điện-khí bằng Nguyên-tử-lực, thì ở Việt-nam phải mười năm nữa.

“Chúng tôi có gặp rất nhiều nhà Bác-học và đã trao-đổi với họ những ý-nghĩ về các vấn-đề khoa-học và xã-hội, và những nỗ-lực cần phải xúc-tiến trong lĩnh-vực Nguyên-tử-lực để nâng cao đời-sống các dân chúng Á-châu.

Nguyên-tử là một năng-lực vô-cùng lợi-ích cho nhân-loại, về tương-lai. Nó sẽ có thể thay-thế cho than, dầu-lửa, v. v...

Chính-phủ Việt-nam đã định-lập một Trung-tâm nguyên-tử ở Việt-nam. Như thế, chúng tôi có thể ký những hiệp-định hợp-tác với nước Pháp, hay nước Mỹ, để thiết-lập một Trung-tâm Nguyên-tử ở Việt-nam.

Tại Hội-ngị Vienne, hôm 26-9, giáo-sư Bửu-Hội có yêu-cầu Ủy-



hội Quốc-tế Nguyên-tử-lực giúp cho nước Việt-Nam phát-triển các hoạt-động của Tổ-chức Nguyên-tử-lực do Cộng-Hòa Việt-Nam đang thiết-lập tại Dalat. Giáo-sư tán-thành chương-trình sáu điểm do Phái-đoàn Mỹ nêu ra tại Hội-ngị Quốc-tế để giúp cuộc mở-mang Nguyên-tử-lực tại các nước hậu-tiến về ngành ấy, và Giáo-sư đưa ra đề-nghị các tiền-phí-tồn cho sự viện-trợ ấy sẽ được chia-cân-phần giữa các Hội-viên.

Chúng ta mong rằng nhờ cuộc vận-động ngoại-giao của Giáo-sư Bửu-Hội, Trung-tâm Nguyên-tử-lực Việt-Nam ở Dalat sẽ được thực-hiện một ngày rất gần đây.

PHỔ-THÔNG — 1



Ế Ữ Ạ
 L Ề
 NGỌC
 T R Ụ

Giảng-viên
 trường
 Đại-học
 Văn-khoa



N GÔN-ngữ văn-tự có ảnh hưởng rất lớn và có quan-hệ mật-thiết đến cuộc hưng-vong của giống-nòi, cho nên những dân-tộc tân-tiến, càng văn-minh càng chú-trọng đến ngôn-ngữ văn-tự: dân-tộc nào mà lời nói, câu văn, cách viết có mạch-lạc mọp-mực rõ-ràng là chứng-tỏ đã có một trình-độ văn-hóa cao.

Dân-tộc Việt-Nam, ngót bốn ngàn năm lịch-sử, cùng chung một gốc, được cái may hơn các dân-tộc láng-diềng, là khắp xứ, từ Bắc chí Nam, — trừ một vài vùng thổ-âm nhỏ-nhứt và số ít phát-âm sai biệt, — đều nói có một thứ tiếng, và ngày nay, với lối chữ âm-âm, dễ dàng tiện lợi, đều viết có một lối chánh-tả, để mà trao-đổi tư-tưởng và sự hiểu-biết với nhau. Hai điều-kiện thuận-lợi ấy, ngôn-ngữ thống-nhất và văn-tự nhất-tri, giúp cho việc khảo-cứu tiếng Việt có phần được dễ-dàng.

Người ngoại-quốc khảo về ngôn-ngữ Việt-Nam vì khoa ngữ-học tổng-quát; chúng ta khảo xét tiếng Việt vì tiếng Việt, vì tiền-đồ văn-hóa nước nhà.

Có nhiều vấn-đề cần phải cứu-xét. Việt-ngữ là tiếng đơn-âm hay là phức-âm; các âm, vận, thanh, phát-âm đúng phải như thế nào; giọng nói thay đổi biến-trại làm sao: cách tạo-ngữ, mượn tiếng, sự biến-hóa liên-hệ của Việt-ngữ đã theo lối nào; chánh-tả chỉ theo giọng nói, đọc sao viết vậy, hay là còn phải theo tự-nguyên, bao nhiêu vấn-đề kể trên đều thuộc trong phạm-vi của khoa ngữ-học.

Vậy ngữ-học là gì? Đối-tượng của ngữ-học là chi? Những ngành của ngữ-học là những ngành nào?

Ngữ học là gì?

Người không biết thường hỏi: « Anh là nhà ngữ-học, anh nói được mấy thứ tiếng? » Hỏi như

thế, bởi đã làm tưởng nhà ngữ-học (linguiste) với người « biết nhiều thứ tiếng (polyglotte) là một. Theo ông Julien Vinton, một nhà ngữ-học Pháp (1843-1926), thì « nhà ngữ-học có khi, ngoài tiếng mẹ đẻ, không biết nói sỏi một thứ tiếng nào cả; lại có người biết nhiều thứ tiếng mà không biết ngữ-học là gì », bởi ngữ-học khảo về cách nói (langage) chứ không phải học về các thứ tiếng nói (langues), không chuyên-chú học một thứ tiếng nào thuần về phrông-diện thực-tế để cho biết nói biết dùng trong công việc thường ngày.

Lại có người biết hơn thì lẫn-lộn Ngữ-học (linguistique) với bác-ngữ-học (philologie), tưởng rằng nhà ngữ-học chuyên lo giải-thích cổ-văn và các từ-ngữ. Chánh trong mấy tự-điền phổ-thông, ta thấy tác-giả của mấy tự-điền ấy không phân-biệt hai ngành này. Hán-Việt từ-điền của Đào-Duy-Anh cho « bác-ngôn-học », « bác-ngữ-học », và « ngôn-ngữ-học ». Trong quyển Dictionnaire Annamite — Chinois-Français của G. Hue nơi hai chữ « bác-ngữ-học » và « ngôn-ngữ-học » đều là dịch « linguistique ». Bộ Từ-Hải của Trung-Hoa giải-thích: « bác ngôn tức ngôn-ngữ-học » và nơi chữ « ngôn-ngữ-học » có chua chữ Anh: « philology, or Linguistics, or Science of Language ». Trong quyển Mô-phạm Pháp-Hoa tự-điền (Nouveau dictionnaire Fran-

çais — Chinois), nơi hai chữ « linguistique » và « philologie » đều dịch là « ngữ-ngôn-học ».

Thật ra, bác-ngữ-học và ngữ-học là hai khoa có khác nhau về quy-tắc và phương-pháp, song vẫn bổ-cứu lẫn nhau: chánh do khoa bác-ngữ-học đối-chiếu (philologie comparée) mà nảy ra khoa ngữ-học lịch-sử (linguistique historique).

Bác-ngữ-học là khoa thuộc về lịch-sử, dùng tiếng nói làm phương tiện để khảo-cứu và thấu hiểu những thơ-tích văn-tự của thời xưa truyền lại, nghĩa là khảo tiếng nói đã thành-văn. Bác-ngữ-học đã có từ lâu, bên Tây-phương cũng như bên Đông-phương; đức Khổng-Tử đã san-định các « kinh » tức là nhà bác-ngữ-học đầu tiên của Trung-Hoa vậy.

Ngữ học mới thành-lập bên Tây-phương ngót một trăm rưỡi năm nay, chữ « linguistique » Hàn-lâm-viện Pháp mới thâu-nhận hồi năm 1835, là khoa-học thuộc về thiên-nhiên, không coi tiếng nói là phương-tiện, mà coi là cứu-cánh, là mục-dịch của sự nghiên-cứu. Vì vậy, ngữ học khảo xét về bản-chất của tiếng-nói, sự khởi nguyên và sự biến-thiên của nó. Ngữ-học còn bao-quát rộng-rãi hơn, khảo xét cả dấu hiệu biểu-diễn tư-tưởng, cả cách-nói, điệu-nói của con người, của loài người trong không-gian và thời-gian, từ tiếng mộc-mạc thô-sơ của bộ-lạc man-dã đến tiếng nói văn-hoa tế-nhị của các

nước tân-tiến, nghĩa là chuyên
khả cả ngôn-ngữ, văn-tư.

Đối-tượng của ngữ-học

Vậy đối-tượng của ngữ-học là ngôn-ngữ (langage) tức là các phương-tiện để phát biểu tư-tưởng, trong đó phần quan-trọng và phức-tạp hơn hết là « tiếng » đã uyển-chuyên phát ra lời nói (langage articulé): ấy là tiếng nói.

Tiếng nói thuộc một chế-độ vừa có tánh-cách cá-nhân vừa tánh-cách xã-hội.

Chế-độ có tánh-cách cá-nhân, bởi con người, hơn cả vạn vật là nhờ được Tạo-hóa sanh cho một cơ-quan phát-âm đặc-biệt để phát ra lời nói đặng diễn-đạt tư-tưởng của mình. Trên quả địa-cầu có nhiều dân-tộc khác nhau, nói nhiều thứ tiếng khác nhau, nhưng tựu-trung, hễ là con người, thì đều có một cơ-quan phát-âm giống nhau, gồm có buồng phổi, hầu-đầu (larynx) với âm-ler và hầu-khẩu (glotte), lưỡi, miệng, mũi, của (palais), nướu, răng, môi, tất cả họp lại thành bộ-phận uốn-chuyển luồng-âm trong phổi phát ra thành « tiếng ». Nếu không kể ảnh-hưởng thổ-nghi và hoàn-cảnh xã-hội tạo-thành đặc-tánh ngôn-ngữ mỗi dân-tộc, khi xét về bản-chất của tiếng nói, thì mỗi cá-nhân của dân-tộc nào, với cơ-quan phát-âm lành mạnh, cũng đều nói được những âm (a, ô... p. t. k...) nghĩa là nói được các « âm », khi đặt

lưỡi và môi đúng vào chỗ phát-âm trong cơ-quan. Như thế, có một luật phát-âm chung cho cả loài người.

Con người, riêng cá-nhân, phải nói ra để bày-tỏ « thất-tình », để diễn-đạt tư-tưởng nó tùy trình-độ học-thức, nhưng cũng phải theo những bó-buộc của hoàn-cảnh xã-hội, của cuộc xã-giao lễ-tục. Vì thế tiếng-nói thuộc chế-độ có tánh-cách xã-hội, vì con người phải chung sống với nhau. Nhiều người họp thành đoàn-thể, cùng với điều-kiện huyết-thống, địa-dư, phong-thổ, lịch-sử, tạo thành một quốc-gia, một dân-tộc, nói chung một thứ « quốc-ngữ ». Tiếng-nói ấy trải qua đời này, truyền đời nọ qua đời kia, nên con người phải bị bó-buộc thuận theo những luật phát-âm, những cách-điều nói-năng họp với thói-quen chung của đoàn-thể. Đặc-tánh của dân-tộc.

Huyết-thống, địa-dư, phong-thổ khí-hậu, lịch-sử, mật-thiết hòa lẫn chung-đức nên hần dân-tộc, biểu-lộ ra bằng ngôn-ngữ. Trải qua thời-gian lịch-sử, nhiều chế-độ chánh-trị có kế-tiếp nhau mà thay-đổi. Mỗi chế-độ là hạ-tầng cơ-sở, nó chi-phối cả thượng-tầng kiến-thiết: pháp-luật, văn-hóa, phong-tục, xã-hội sanh-hoạt. Mỗi khi một chế-độ bị thay-đổi tiêu-tàn, thì tất cả thượng-tầng kiến-thiết bị tiêu-tan theo, nhưng tiếng-nói của một nước, tinh-thần của dân-

tộc, không vì sự thay-đổi chế-độ xã-hội mà bị tiêu-diệt theo với chế-độ ấy. Những âm, thanh có biến-trại, những từ-ngữ « mới » có được bày thêm, những từ-ngữ « lỗi thời » có bị biến-nghĩa hoặc « chết », không còn dùng nữa, chứ những luật phát-âm với cách-điều đàn-tiếng đặc-sắc của mỗi dân-tộc có phần thêm chặt - chẽ rõ - ràng, chứ không có bị lỗi-cuốn tiêu-diệt theo với mỗi chế-độ. Như thế, tiếng-nói là kết-tinh của nhiều thế hệ lịch-sử, chứ không phải là sản-phẩm của riêng một chế-độ xã-hội.

Vì vậy, theo hệ-thống đặc-biệt của mỗi tiếng nói, người ta có thể nhận ra được mối quan-hệ về thân-tộc giữa hai hoặc nhiều thứ tiếng, một cách chính-xác. Và nhờ xét qua từ-ngữ, người ta có thể ngược dòng lịch-sử tìm hiểu đặc-tánh của mỗi thời-đại, của mỗi chế-độ xã-hội.

Nhận-thức rõ hai điều-kiện cốt-yếu ấy là: 1o) ngoại-trừ phần âm-vận riêng của mỗi tiếng, còn có phần phát-âm chung của các thứ tiếng; 2o) những luật phát-âm và mẹo mực văn-phạm đặc-sắc của ngôn-ngữ mỗi dân-tộc không mấy khi thay-đổi, chỉ những từ-ngữ có thêm, bớt, tiêu-tàn, hoặc tiếng nọ « truyền sang tiếng kia » do sự « mượn lẫn » nhau, ta thấy rằng khoa ngữ-học áp dụng cho mỗi quốc-gia dân-tộc nào cũng được, bởi đối-tượng của khoa ấy là tiếng-nói, nó là khi-cụ tư-tưởng và

sản-phẩm xã-hội, thường được ghi lại bằng chữ viết.

Các ngành của ngữ-học

Tiếng nói có nhiều đặc-tánh khi xét về ngoại-thể về nội-dung. Xét về ngoại-thể, tiếng-nói không phải đầu-đầu cũng giống nhau; tiếng của nhiều dân-tộc khác nhau đã đành, mà riêng tiếng của một nước cũng không ròng nhứt thể với nhau. Vì bị ảnh-hưởng của thổ-nghi, vì bị điều-kiện thiên-nhiên của núi sông cách-trở, ngoài giọng-nói chánh-thức thông-dụng khắp xứ, thường là giọng-nói tại thủ-đô, còn có nhiều thổ-âm là giọng nói địa-phương đặc-biệt. Như về tiếng Việt, có vài vùng nói giọng 1 thành n (làm thành làm...), d thành r (áo dài thành áo dài...), tr thành t (con trâu thành con trâu...), r thành g (rời thành rời...), hoặc vận uo, uou thành ieu (hữu thành hữu, rươu thành riêu...), hoặc giọng sắc thành nặng, (có thành có...), giọng ngã thành hỏi hay ngược lại... Đó là cách phát-âm; về nghĩa thì lại có thổ-ngữ riêng biệt: nhiều từ-ngữ vùng này dùng mà vùng khác không hiểu. Ngoài ra, có khi một từ-ngữ của hai vùng dùng nghịch nghĩa với nhau, như trong Nam nói buồn-sĩ là « bán gộp, bán cứt » ngoài Bắc hiểu buồn-sĩ là « bán lẻ ».

Có quốc-ngữ, thổ-âm, thổ-ngữ mà lại còn có tiếng chuyên-môn của mỗi nghề (thuật-ngữ), có tiếng lóng, tiếng lái riêng dùng

của một vài giới, có một ngữ trong quân-sự có tiếng thanh tiếng (thô trong các cấp xã-hội).

Xét các thứ tiếng-nói trên thế-giới, đại để có ba loại chính:

— Tiếng đơn vận hay biệt vận (langue isolante) do một hoặc nhiều tiếng có nghĩa riêng biệt hợp lại thành một từ-ngữ mới, chỉ một ý-niệm mới, như tiếng

Việt, tiếng Tàu:

— Tiếng hợp vận (langue agglutinante) do nhiều vận kết liền nhau thành một tiếng chỉ một ý-niệm, như tiếng Nhật, tiếng Mã-Lai;

— Tiếng chuyển vận (langue flexionnelle) hợp với mấy tiếp-ngữ mà biến-hóa như tiếng Phạn, tiếng Pháp (1). (còn tiếp)

(1) A/ Tiếng đơn-vận hay biệt-vận:

- 1.— Tiếng Tàu, Kiêm, Miến, Tây Tạng và vài thứ tiếng trên miền núi Himalaya.
- 2.— Việt, Miên...

B/ Tiếng hợp-vận: Phần nhiều các thứ tiếng Phi, Mỹ, Úc hai phần ba Á-châu và mấy miền ở Âu-châu, chia ra:

- 1.— Chung-tộc Mã-Lai và Nam Đông quần đảo (Malayo-polynésienne).
- 2.— Chung-tộc các tiếng dân Dravidiens ở Nam-bộ Ấn-độ (famille dravidienne) như tamoul, kanarais...
- 3.— Chung-tộc miền núi Oural và Altaï (famille ouralo-altaïque) như tiếng Mông-cổ, Tatar, Samoyède, lapon, finnois, turc...
- 4.— Tiếng Nhật, Cao-ly.
- 5.— Tiếng bantou của giống người Cafres ở Phi-châu (cafres, zoulou).
- 6.— Tiếng thổ-dân Phi-châu (Ouolof, haoussa, ..., hottentot...) và các tiếng miền Nubie thuộc nam-bộ Ai-cập (langue nubienne).
- 7.— Tiếng của giống Négritos.
- 8.— Tiếng thổ-âm ở Úc-châu (langues australiennes).
- 9.— Tiếng của dân Papous (mọi ở Nouvelle Guinée, salomon...)
- 10.— Tiếng dân miền Esquimaux, aléoutes. (miền bắc-băng-dương).
- 11.— Tiếng dân miền núi Caucase (géorgien...)
- 12.— Tiếng thổ dân Mỹ-châu (algonquin, iroquois...)
- 13.— Tiếng dân basques ở miền tây núi Pyrénées.

C/ Tiếng chuyển vận có hai chủng tộc lớn gồm các thứ tiếng nói trong khắp cõi Âu châu, Tiểu Á và Ấn-độ.

- 1.— Chung tộc Do Thái (famille chamito-sémitique) chia ra hai loại:
 - Tiếng cổ Ai-cập, copte, beri-ère và tiếng dân éthiopie;
 - Tiếng assyrien, hébreu, phénicien, chaldéen, syriaque, arabe
- 2.— Chung-tộc Ấn-độ Âu (famille indo-européenne) sanskrit, prâkrit, tiếng indo-aryen, iranien, tokharien, tiếng Hi-lạp cổ và nay, tiếng Ý và roman, celtic, Đức, baltiques lase, tiếng của dân xứ Arménie và Albanie.



NHÀ VĂN

NĂM NGŨ TRÊN

1
Hoàng
KIẾN

VƯƠNG - HỒNG - SÈN

Giám-đốc Bảo-tàng-viện Quốc-gia

CHUYỆN về người, khó viết cho hay. Có viết thì đi đến dung chậm, méch lòng.

Ngắm Bò Tàng Linh xoay qua nói chuyện ma chuyện chồn cũng phải. Thuở Mãn Thanh còn cai trị nước Tàu, dân Mãn có tục cạo tóc xung-quanh đầu, gióc tóc để đuôi sam, — buổi ấy Bò tiên-sinh hạ bút viết: « bầy hồ ly say rượu, hiện nguyên hình, đuôi chồn lộ ra dài thườn thượt ». Viết được câu ấy, sung sướng còn hơn trúng số độc-đắc, vì qua mặt được Mãn-triều; — nghĩ cho nhà văn thời kỳ chuyển chế, gàu dạ không nhỏ, và trả thù được cách nào hay cách nấy, ham sướng miệng quên việc có thể rụng đầu!

Còn bao nhiêu chuyện vợ ma ở chung tình với chồng, người, chuyện hồ có nghĩa, chuyện chồn thủ tiết ở góa nuôi con, biết đâu chừng-tác giả nói giấu mí: người đối với người quá tệ

học, hãy xem súc-vật, hồ mị vậy mà biết điều hơn!

Ngày nào còn đọc văn Pháp, từng xem qua bộ sách nghiên-cứu về sâu bọ của nhà côn trùng học trứ danh J.H. Fabre (1823-1915). Chuyện dế-mèn, ve-ve, con ong, cái kiến, ngấm ra vô cùng thú vị. Bài nhập đề « một dân tộc phi thường » (un peuple extraordinaire) (1) có lắm đoạn ngộ-nghĩnh, duyên-dáng lạ lùng:

« Có kẻ đi xứ xa về, thuật rằng quần đảo Polynésie, thổ dân có phong tục banh môi trót ra thật to, nong vào đó một vỏ ốc hoặc miếng cây hoặc miếng ngà, môi càng nong to, càng thêm đẹp.

Bộ lạc khác xuyên chân lỗ-mũi, đeo xương cá.

(1) — Le monde merveilleux des insectes, par J. H. Fabre, librairie Delagrave, Paris, 1935.

Giống đàn khác nữa xoi trái tại Jao xương, đồng, chì,...; trái tại thông xuống gần chấm vai là cực kỳ quý trọng: tại Phật!

Cũng chớ nên ai cười ai: mỹ nhân da trắng khoe mình cực điềm văn minh, há không rán chịu đau, xỏ tai đeo kim cương là gì? chỉ khác một điều: trên châu, xoàn, mỗi hạt vừa bằng phân nửa đầu ngón út, giá hơn một gia tài; bởi anh chổng chạy không ra tiền đủ, nên không treo nặng cho trái tai vợ chấm vai như phụ nữ các bộ lạc ấu trĩ, có thể thôi!

Lưu manh thời cổ hãnh diện vì khúc xương cá đeo ngang chót mũi. Lưu manh đời nào cũng có.

Nay không chịu đau được, nên đành cam giữ tục chừa râu ngạnh trê, rán cá chốt, hay chút-cút-chó kiểu Charlot.

Xưa dân-ông xăm mặt cho ra dáng ông tướng dữ-dần, « lăm-lăm oai phượng », cho kẻ địch khiếp sợ. (Giống Sénégalais còn gạch mặt đến ngày nay). Ngày nay, phái đẹp không cố làm cho phái mạnh sợ, vì không còn lo nạn bắt cóc, nạn phe thẳng trận chớ đàn bà về nước của họ. Phái đẹp đẹp chuyện bó chân, chuyện banh môi cho xấu xa, chuyện ép ngực...; trái lại, họ muốn được yêu, được đàn ông đơm giỏ, chônên: thoa môi, giãm má hoặc đeo « ngực giả ».

Làm gì thì làm, người vẫn còn thua loài côn-trùng rất xa:

— Con ki-quit có bộ vũ y xanh lam rực-rỡ, áo nylon các cô tân-thời nào dám bì?

— Còn ai trên đời làm nghề dờ dáy hơn con bọ hung? Mà mấy ai được như bọ-hung, hùng-dũng trong bộ giáp vàng lộng-lẫy.

Anh đánh xe thổ-mộ ngủ gà, không cấm nổi con ngựa già vừa chạy cà-rịch cà-tang vừa gieo rắc trên đường trắng nhựa những ổ xanh-xanh nóng-nóng, lọt từ sau cạnh đuôi lọt ra. Cặp bò xe chú chà bán sữa cũng không chịu thua: bò vừa đi chậm chạp òn-өн, miệng vừa nhai mĩa ngon, sau đuôi vừa phun bừa; bãi nào bãi nấy to tướng.

Bọ-hung từ trên cao canh-phòng mấy lần nghiêm mật hơn ty vệ-sinh nào cả; bọ-hung đánh hơi chạy về kéo bà con lớn nhỏ lại làm phạm-sự « tầy ố ». Nếu không như vậy, đó thành thom-tho của chúng ta chẳng bao-lâu đã biến nên một hòn núi phân bò, phân ngựa, mũi nào chịu nổi!

Người Á-Đông ít chịu khó tìm hiểu, mỗi mỗi đều ý-lại nơi sách vở xưa. Thuở nay vẫn tin: Sò huyết hoá ra chim se-se. Chồn đen là con lươn vàng thành hình. Chuột xạ (chuột chũi) lâu năm trở nên con dơi-muồi. — Cứ tin rầm-rầm tích « Minh-linh nghĩa tử », cất nghĩa: vô-vô bắt sâu về nuôi làm con, đúng ngày sâu biến ra vô-vô...

Sự thật đâu phải vậy!

Fabre tiên-sinh chịu khó nuôi vô-vô trong ống thủy-tinh, nhờ

vậy nghiên-cứu kỹ-càng cách thức vô-vô chích sâu bọ làm cho tê-bại, đem về nhét vào ổ làm môi sống; chờ trứng nở ra con sẽ có thực-phẩm sẵn-sàng bên cạnh vừa ăn vừa lớn... Tiên-sinh khám phá: vô-vô, cha truyền con nối, có cách đặc-biệt: mỗi lần ôm con sâu thọc mũi nọc vào kẹt khớp xương cổ, mười lần như một, là chích trúng căn não con sâu, không sai chạy lần nào, — nghề châm-chích của vô-vô tuyệt diệu vô song, dám chắc không bác-sĩ chuyên môn nào bì! Con vô-vô tiêm vào cổ con sâu một chất nọc làm cho con sâu tê-liệt, bán sống bán chết, bỏ gần kẻ thù còn là trứng, sau này là vô-vô con, mà không sức phản-động, không phượng chống trả, đành nằm không cựa quậy, chịu làm môi sống cho vô-vô mèn, mỗi ngày mỗi lớn, có sẵn đồ ăn tươi rgon — còn tươi ngon hơn thịt ướp máy lạnh, — thật là tạo hóa tinh vi vô ngàn!

Chiến-sĩ cổ thời luôn-luôn cắp bầu kiếm bừa-đào tùy thân. Chiến-sĩ đời nay vai vác súng kè-kè, mọi người đều trông thấy. Nhưng grom linh súng nhạy có tùy-thân mãi-mãi được đầu. Giờ đi xả hơi, giờ đi nằm... Thua xa con ong, suốt đời, con ngủ như con ăn, đều đời, tùy nọc độc kim bén có sẵn sau hậu-môn, đổ ai dám mó.

Tuyệt diệu chưa?

Xã-hội côn-trùng có đủ sắc dân sắc thợ: sắc nào sắc nấy, mỗi-mỗi loè-loẹt giũa sắc không một người trăn-thể sánh kịp.

Sâu bọ, con nào hèn nhỏ thế mầy, trời phú cho khi ra trận tranh-đấu phải có bộ giáp qui báu che thân mới bằng lòng.

Con mối ăn cây, con một khoét tre, đục khoét ếm-ru, không nghe tiếng động; xây nhà xây hang tiêm-tất, bắt chấp luật-pháp và kiến-trúc sư.

Thợ mộc giỏi, ngồi mai đồ nghề, cũng đủ hao thời giờ; mà đồ nghề vẫn lụi li-li, thua xa hàm răng, cặp chơn trước của loài sâu bọ: con bà khoan lũng khoan ghe, khoét chần chị gánh nước kêu trời...; con đẽ nhủi cắt đứt rễ tre, tiện ngang gốc hương, nhờ cặp giò trước có răng cưa sắc lẹm.

Có nhiều giống sâu chuyên môn ở trong xó tối cả đời lo đục lỗ, khoét lỗ trong cây gỗ, không cho một ai thấy mặt. Thế mà một khi ra ngoài ánh sáng, coi kỹ lại luôn luôn vẫn mang theo trên đầu hai sợi lông dài không khác tương Phiến, đào hát bội đeo đôi lông trĩ. Kể về xa-hoa trong sự ăn mặc, xa-xỉ đến thế là cùng! Mà kể về khoa học, cũng vô cùng màu nhiệm: muỗi nói cặp lông kia là giây dẫn-điện, là ăng-ten (antenne), hoặc ra-da (radar) đều được!

Giống khác nữa tuy chuyên nghề đê-tiền: đào đất, xoi hang, nhưng vẫn y-giáp đường hoàng. Có giống lại có đeo đèn chứa chất nhạy lửa trên đầu, mời bảnh cho chờ!

Con cùc, con cống, khoét lỗ dưới đất cát như chiến-sĩ lặn

thời đào chiến-hào (tranchée). Chiến-hào nhân-tạo không màu-nhiệm bằng lỗ-cúc, lỗ cống: kiến con, bọ nhỏ, bọ ngang sa chân té kượng, cúc, cống bắt ăn thịt ngon lành. Ăn rồi vứt xác bần xác lên xa, gió thổi bay mất, giấu nhem tang tích: sâu vẫn bò, kiến cứ đến miệng hang nạp thịt: chiến-lược của loài người khéo hơn chăng?

Cúc, cống là loại sâu trong Nam, khoét lỗ ở dưới đất. Hỏi mấy cậu học trò con trong này thì biết. Fabre gọi «Fourmi-lion»

Đào Duy Anh dịch « kiến sư-tử » nghe Tây quá!

Bồ-Tùng-Linh kể chuyện một văn-nhân dạo chơi ngoài đồng, buồn ngủ, nằm dưới gốc cây đánh một giấc ngon lành. Chiều bao thấy mình lạc đến một xứ lạ: lâu-đài dinh-thự cao vun-vút, vua quan dân cung-phi mỹ-nữ dập-diu... Giật mình thức dậy, nhà cửa, vua chúa biến đâu mất. Xem lại, dưới gốc cây có một ổ kiến lớn, mới hay trong giấc ngủ mê, thả via dạo cung-điện còn-trùng.

* ĐIỀU ƯỚC AO CỦA MỘT ANH HÈ.

Trên chuyến xe lửa từ Saigon ra Đồng Hà một ông chính khách nói chuyện với một bà Cách-Mạng. Bên cạnh có một ông hề nổi tiếng (của một gánh hát lớn ở Saigon) ngồi góp chuyện. Chuyện nọ xọ chuyện kia, sau hết bàn đến chuyện « Chết và danh dự ».

Ông chính khách nói: — Khi tôi chết, tôi ước ao được danh dự là người ta đặt tôi nằm cạnh phần mộ vị anh hùng Nguyễn-thái Học.

Bà Cách Mạng tiếp lời: Tôi thì ước ao được danh dự nằm cạnh Vị Nữ anh hùng Nguyễn-thị-Giang.

Anh Hè bàn góp: Còn tôi, tôi ước ao được nằm cạnh « Hoa Hậu Mỹ Kim ».

Ông chính khách và Bà Cách Mạng trở mắt hỏi:

— Nhưng « Hoa Hậu Mỹ Kim » chưa chết mà?

— Dạ đúng rồi! chính nàng chưa chết nên tôi mới ước ao được nằm cạnh nàng!

QUỐC BẢO



SÂN-KHÁU CÁI-LƯƠNG

ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

* Phong trào « Ca Cải Lương » xuất hiện từ đâu?

* 7 gánh hát đầu tiên trong lịch-sử Cải Lương Nam-Phần

ĐẾN hạ-tuần năm Mậu-Tuất này (1958), Sân-khấu Cải-Lương Việt-Nam vừa thọ được 41 cái xuân.

Chưa sống đến nửa thế-kỷ, nhưng Cải-lương đã trải qua lắm cuộc phù trầm, mỗi ngày mỗi tàn-tạ, và biết chừng đâu đến 50 tuổi, cải-lương sẽ « ra lão », sẽ bị tân-nhạc, thoai-kịch, điện-ảnh đẩy lui vào tận xóm nhỏ, làng xa như... cải lương đã có thời kỳ lảo lợt hát bội vậy.

Không riêng gì chúng tôi qua bi quan mà nhận xét như vậy! Chính những kịch sĩ đàn anh của Cải-Lương như Bảy-Nhiều, Năm-Châu, Ba-Vân... cũng đã chua chát mà bảo thế. Một kỷ-giã nhiệt thành cùng giới cải lương nhất, là anh Trần-tấn-Quốc cũng nhiều lần phát lên tiếng gọi S.O.S, mong cứu vãn tình trạng cải lương tránh cơn bế tắc, khủng hoảng, nhưng vì hầu hết người lập gánh, tức các Ông Bà Bầu đều không có quan niệm rõ

ràng về nghệ thuật, họ lập gánh chỉ có mỗi một mục-tiêu: làm tiền, họ hiệp lực với các người cho vay ăn lãi để móc túi quần chúng và bóp chẹt, vơ vét, nạo xương tủy nghệ sĩ và công nhân sân khấu, cho nên nghệ thuật Cải lương khó mà tồn-tại được lâu bền!

Loạt bài này có mục-đích nhắc lại cho bạn đọc biết rõ lịch sử của bộ-môn cải lương, và là một thiên điều tra đặc biệt, giúp bạn đọc hiểu rõ tình trạng cải lương của xứ này hơn.

* Phong trào « Ca Cải Lương » xuất phát từ bao giờ?

Bài của
NGUYỄN-ANG-CA

Phong trào cải lương phát khởi từ miền Đồng Nai, Bến Nghé, sau đó mới lan-tràn ra Trung-đến sông Hương, núi Ngự.

Hiện thời ở thủ đô, cải lương không còn ở trong thời kỳ cực thịnh như 20 năm trước. Trên 2 triệu dân chúng, thủ đô Việt Nam chỉ có 3, 4 rạp cải lương và trên



nghệ sĩ tài danh bậc nhất Việt-Nam từng làm khán giả Pháp, phải nhỏ lệ trong vai tuồng sở trường Dương-quí-Phi. Cô Năm Phỉ chết 4 năm trước, và đảm táng của Cô được xem là một trong những đám táng lớn nhất ở Việt-Nam.

(Ảnh tài liệu của Nguyễn-ang-Ca)

30 rạp chớp bóng. Đó là tất cả một sự đáng buồn cho giới cải lương, nếu ta biết thêm thành phần khán giả, ta càng buồn hơn nữa:

75% Khán giả chớp bóng là trí thức, sinh viên, học sinh và các lớp thanh-niên mới ngày nay, trong khi đó 90% khán giả cải lương (hiện thời) là phụ nữ, bình dân và lao động.

Nếu kể luôn tổng số, cải lương

chỉ chiếm được 20% khán giả còn 80% khán giả của điện ảnh. Cho nên người ta không thể nhìn vào số lương Út Trà Ôn (trên 5.000 đồng một đêm), hay Bích-Hợp, Việt - Hùng, Minh - Chí, Kim-Chường, Thanh-Hương... (trên 1.000 đ) mà bảo rằng cải lương mạnh.

Vì không có lúc nào kịch sĩ cải lương nắm nhà đông đảo như bây giờ. Ta thử tính, phe nữ có:

Quý cô Phùng Há, Thanh Tùng, Bích Thuần, Bảy Nam, Kim Cương, Kim Hoàng...

Phe nam có: Năm Châu, Năm Nở, Tư Chơi, Bảy Nhiêu, Ba Vân.....

Gồm toàn là những kịch sĩ thượng thặng, chưa kể mấy mươi bạn giữ vai tuồng khiêm nhường hơn.

Tuy nhiên, kể chung toan điện, cải lương vẫn còn có khán giả đông đảo, nhờ thành phần dân chúng ở tỉnh, thích cải lương hơn hát bóng.

Thị tổ cải lương là... ai?

Theo các nghệ sĩ kỳ cựu của làng cải lương thì lối hát cải lương bắt đầu có hồi năm 1917.

Về hai tiếng cải lương, anh Huỳnh Thủ-Trung tức kịch sĩ Tư Chơi, đã mượn hai câu thơ của Lương-Khải-Siên để giải thích:

CẢI BIẾN KỶ SỰ
SỬ ÍCH TỰ THIỆN LƯƠNG
Nghĩa là « cải lương » là một

việc làm, một lối hát, sửa đổi, biến chế cái cũ ra cái mới cho hay, xuất sắc hơn. « Cải lương » là cuộc cách mạng và là một cuộc cách mạng lớn của nghề hát xứ này.

Nhờ có « cải lương », sân khấu xứ này mới đổi giai-đoạn, thân sâu hóa bướm.

« Cải lương » được dân chúng mến yêu và dân chúng đã hiệp lực với nghệ sĩ tổ tiên sân khấu cải lương. Sân khấu cải lương được dân chúng thương yêu chiều chuộng và bù lại, sân khấu cải lương đã làm phong phú thêm ngôn ngữ nước ta và đã đem lại cho người dân bao nguồn an ủi

1917 - 1938

Trong vòng 41 năm, làng hát xứ này (giới cải lương), đã có lối 250 ông bà Bàu, gần 300 đoàn hát lớn nhỏ, đào tạo được 5.000 diễn viên nam nữ và trên vạn công nhân đã phụng thờ ông tổ Cải-lương, sanh sống trên 6 thước vuông sân khấu.

Nhìn lại những đoàn hát tiền phong, nội năm 1917, ta có những đoàn hát sau đây:

1.— Thầy Thận (của Thầy Thận) ở Sađec (có mặt Bảy Thông, Tám Cang cùng cô Tư Sạng).

2.— Đồng-bào Nam (của cô Tư Sự) ở Mỹ-tho (có Hai Quán, Hai Cu — thân-sinh kép Hai Giỏi, chồng đầu tiên của cô Năm Phỉ — Mười Mùi, thân sinh của cô Kim-Anh).

3.— Nam đồng Ban (của Ông Hai Cu) ở Mỹ tho (có Mười Mùi, Hai Quán, Hai Giỏi, cô Năm Phỉ và một nhóm anh em thợ bạc).

4.— Thầy Tú (của Thầy Năm Tú) ở Mỹ tho (có cô Tư Sạng, Hai Cúc, Mười Thượn, Bảy Thông, Tám Cang, Năm Châu).

5.— Tân Phước Nam (của Bác sĩ Minh) ở Sóc-trăng (có cô Ba Nhàn, Mười Cao, soạn giả Đặng Đầy, Ông Hai Cu: một trong bảy ông Bàu đầu tiên của xứ này...



Năm qua đã chết một cách âm thầm và nghèo khổ dưới túp lều tranh đổ nát. Ảnh chụp 20 ngày trước ngày thân phụ kép hát cải lương số 1 Việt-Nam; Hai Giỏi và nhạc phụ đầu tiên cô Năm Phỉ. nhắm mắt lìa đời.

(Ảnh tài liệu của Nguyễn-ang-Ca)

Công Danh, tức Mười Giảng —
Thầy của Tư Chơi).

6.— **Sĩ-Đông-Ban** (của Thầy
Bảy Sò) ở Long Xuyên.

7.— **Kỳ-Lân-Ban** (của Bà
Huyền Xây) ở Vũng-Liêm Vĩnh
Long (có Tư Út, cô Ba Hui, Tư
Thạch...)

Đây là 7 gánh hát tiên phong
của cải-lương xứ này mà những
kịch-sĩ của đoàn, có thể nói là
những anh chị Cả của giới sân
khấu miền Nam.

Cô Bảy Phùng Há xuất thân
cũng trong nhóm Nam-dồng-Ban
của ông Hai Cu (Hai năm trước

chết âm thầm trong bóng tối
dưới một túp lều tranh đồ nát
cạnh trường học Pétaus Ký).

Sau 7 gánh có trước nhất,
gánh thứ 8 trong giới cải lương
40 năm trước là gánh **Tái-Đông-
Ban**. Vì sau khi Hai-Giỏi — kép
hạt tãi danh bực nhất hồi ấy —
chết, thân phụ của Hai-Giỏi là
ông Hai Cu mới lập ra đoàn **Tái-
Đông-Ban**, qui tụ những kịch sĩ
hữu hạng như Năm-Châu, Tám-
Mẹo, Năm-Long (thân phụ hai
cô Ngọc Hải, Ngọc-Hà), cô Hai
Phùng (vợ đầu tiên của anh Nam
Châu) và Tư Út.

(Còn nữa)

* BẢO HIỂM NHÂN MẠNG

Tokio là một thành phố có nhiều xe cộ, đông dân cư, và lăm báo
chủ, vào bực nhất thế giới — Bởi thế các « ông nhà báo » thường cạnh
tranh nhau ráo riết về vấn đề « độc giả » — Một tờ báo « lá cải » nọ sau
thời gian tung ra những hình ảnh dúi, ngực và một loạt bài phóng sự,
tiền thuyết khiêu dâm — rầu không thấy số độc giả tăng lên bao nhiêu.
Ông chủ nhiệm bèn nảy ra sáng kiến là tặng không một năm « Bảo Hiểm
Nhân Mạng » cho độc giả nào mua báo năm. Và ông cho in quảng-cáo cái
sáng kiến đó liên tiếp trong nhiều số báo.

Bỗng một hôm người ta đọc thấy ở trang nhất của tờ báo « lá cải »
ấy tin sau này : « Tuần rồi cô Hazumako đã đóng tiền mua báo năm và
được bốn báo chủ nhiệm tặng không một năm « Bảo Hiểm Nhân mạng ».
Hồi 14 giờ chiều hôm qua Cô bị xe hơi cán trọng thương.

Nhờ có giấy « Bảo Hiểm Nhân Mạng » của Bốn Báo, cô liền được
lành ngay số tiền bồi thường là 2000\$. Thật là một dịp may hiếm có !
Vậy quý bạn, ai chưa đóng tiền mua báo năm, hãy quyết định ngay đi !
B'ết đâu, nay mai quý độc giả sẽ vô cùng sung sướng lãnh được số tiền
nào đó kia ? »

Q. B.



CÁC bạn, cũng như tôi,
phần đông đều nuôi một
mộng-tưởng. Mộng-tưởng trở
thành một chinh-khách, mộng-
tưởng trở thành một bác-sĩ, một
họa-sĩ, v...v... Nhưng mộng-
tưởng đều do ảnh-hưởng của xã-
hội chi - phối, thường biến
chuyển theo trào-lưu của nền
văn-minh và trình độ văn-hóa
của nước nhà.

Mộng-tưởng của tôi là làm xi-
nê-ma. Nó bắt đầu nảy-nở khi
lần đầu tiên tôi được xem phim
« Le voleur de Bagdad » do Dou-
glas Fairbank đóng. Nếu ai đã
học tại trường Trung-Học Vĩnh
năm 1928, thì sẽ nhớ đến buổi
trình-diễn bi-đạt ấy. Rạp hát
bóng ở cạnh cửa Nam thành
Nghê-An. Cứ mỗi tuần chủ rạp
chiếu hai lần cho học-sinh xem
với giá vé đặc-biệt (5 xu thì
phải) vào thứ năm và chúa-nhật.

Hôm đó, một chương-trình thật
hấp-dẫn được tung ra : Douglas
Fairbank trong phim Le Voleur
de Bagdad ! Các bạn cứ tưởng-
tượng Douglas Fairbank là James
Dean thời nay thì hiểu ngay sự
quyến rũ của một phim « hốt-
bạc » như thế nào !

Giờ chiều định là 3 giờ chiều.
Từ 1 giờ rưỡi đã có hàng trăm
học-sinh đứng chờ trước cửa
rap, tuy họ đã mua vé do trường
bán từ lâu ! Đứng một cái, chủ
rap, tuy bố : vì phim hay nên
lấy thêm tiền ! Anh em phần
uất cực độ ! Ba anh ghiền xi-nê
bàn : « Thôi, thêm tiền đi anh
em ! ». Nhưng 2 xu thời bấy giờ
to lắm, gần như 200 \$. thời nay
vậy. Mà xin cha mẹ được 1 xu là
cả một vấn đề ! Cho nên, anh
em phần đông muốn đả-đảo cha
chủ rạp, nhưng nhìn cái bộ rầu
quyến-rũ của Douglas nên cố

nhĩa-nhục và nhờ thầy «xu-quái-dan» can thiệp giùm.

Tiếng tây qua lại như pháo rang, giữa một cái không-khí như giông-bão, lại thêm nắng 3 giờ nóng ghê gớm, sơ suất một tí là có thể xảy ra một vụ xung đột «nặng nề»! Tôi còn nhớ, cha chủ lùn tịt cái bụng bự, lên tay múa ngón coi như một Napoléon thứ hai đang cõ võ quân lính, mà quân lính đây là quân lính địch, trong các bộ áo dài đen, hoặc trắng, đầu đội nón li-e, «học-sinh» Trung-Học mà chớ phải chời sao! Giá trị trong đương như các sinh-viên Đại-Học hay xuất đương thời nay vậy (họ tự cho là vậy!). Đã có một hồng gió phá hoại thổi ngang, vì thời bây giờ họ là con cháu của những nhà cách-mạng danh tiếng...

Sau cùng lẽ phải đã thắng, và học-sinh lục tục kéo vào rạp. Tôi còn nhớ Douglas đóng hay hơn Sabu nhiều, và có vẻ hiên ngang hơn. Nhưng dù có hay, có hấp dẫn cũng chẳng làm cho tôi quên cái «nhục» quá to đối với tôi; một người ngoại quốc-dám khinh thường cả một thế-hệ! (sic). Xi-nê, Xi-nê, tại sao người Việt-Nam lại không làm xi-nê được? Câu hỏi ấy cứ lẩn vẩn mãi trong trí non nớt của tôi.

Nhưng, mộng tưởng ấy quá

bồng bột, nên bắt chấp cả sự học đang tiến bộ, tôi tự ý muốn tìm cách học cho biết! Than ôi! nhiều sự thật chua chát kéo tôi vào thực tế và cái thành kiến: «Xương ca vô loại» đã là một cánh cửa bằng gỗ lim khép chặt lãnh vực điện-ảnh, không cho tôi bén mảng vào trong một thời gian khá lâu.

Tuy vậy cái mộng vẫn triển-miền, dai-dẳng, đội lốt thành ra «mê Xi-nê». Thời thì tuồng nào cũng đi, bao nhiêu tên tuổi tài-tử thuật như cháo, còn hơn các «phương-trình» khoa-học nữa! Trong rương, có một chiếc hộp gỗ đựng hình các tài-tử, đo hằng «M» kèm theo các gói thuốc lá. Toàn là hình 4 x 6. Chương trình thì được xếp kỹ lưỡng, còn quý hơn các bài học nữa!

Tôi thấy cái địch «Ái Xi-nê» ấy không mấy đổi thay, dù ở phương trời nào hay vào thời-đại nào! Mãi sau này tôi mới hiểu lý-do chính-yếu khiến cho phần đông các bạn thanh-niên ưa thích xi-nê!

Thấm-thoát gần hai mươi lăm năm! Mộng-tưởng vẫn tồn-tại, mặc dầu xã-hội đã lồi-cổn tôi vào một con đường khác, hay là một bình-diện khác, một hình-thức xi-nê khác: Đệ-n-học!

Có kẻ tốt phước được xuất-dương theo đòi sự học hỏi trong

một trường Điện-Ảnh ngoại-quốc họ có cái cấp bằng của một trường ở Pháp hay Mỹ, - mà thời-đại nào cũng mền chuộng bằng cấp cả, mặc dầu bằng-cấp chưa đủ chứng-minh một tài-nghệ gì. Có kẻ xấu số, cầm cùi nhúng tay vào nước thuốc, mắt mòn-mỏi trên những cuốn sách mua với một giá chợ đen, họ lại chẳng có một tấm giấy chứng chỉ nào, nhưng họ vẫn vui-vẻ hy-sinh hy-sinh nữa.. để tự tìm hiểu những mảnh-khoẻ đặc biệt của nghề mà chỉ có sự thực-hành mới có thể dạy-đỗ đầy-đủ.

Họ bắt đầu từ một tên vác đèn, khiêng máy, họ bắt đầu một kẻ gõ bằng, rồi lên lầu trở thành một người thợ ráp nối phim, một chuyên môn vô tiếng, một chuyên môn rửa và in, một chuyên môn quay, một chuyên môn viết, cắt, kết, tạo ra chuyên, một đạo diễn, một nhà sản-xuất. Sự cố-gắng không ngừng tuy không đem lại cho một mảnh bằng nào cả, nhưng họ suag-sướng được tự mình tìm cách thực-hiện mộng-tưởng của họ: Xi-nê, Điện-Ảnh' chỉ có hai chữ, như cây đèn néon nhấp-nháy, kéo cả đời họ vào cái nghi-p-chương triển-miền...

Khi các bạn ở một rạp chớp

bóng bước ra, sau khi xem xong một cuốn phim, bạn có quyền khen hay chê, nhưng bạn chắc không bao giờ tưởng tượng ra công-phu của những người đã tận-tụy làm ra cuốn Phim để hiển cho bạn, mặc dầu hay, hay dở, thì đây, tôi cùng bạn bước vào thế-giới điện-ảnh. Cuộc hành trình này, sẽ giúp bạn hiểu rõ đời sống các chuyên-viên xi-nê, với cái vinh, cái nhục, cái cực, cái sướng, và bạn sẽ cùng tôi dự vào sự cấu-tạo một cuốn phim-không phải như trong các sách đã chỉ vẽ hoặc như các bậc trí-thức đàn-anh đã dạy bảo trong mấy tạp-chí Điện-Ảnh xứ-ta với lý-thuyết khô-khan căn-bản, hay không phải là bi-quan-hóa thuận-Phong mỹ-tục điện-ảnh như trong một vài thiên thông-sự bí-đát — các bạn cùng tôi sống lại một đời chuyên-viên điện-ảnh và bạn sẽ thương thương những con người «nghệ-sĩ» ấy. Và điều mong-mỏi hơn hết là bạn sẽ ủng-hộ nghệ-thuật thứ-bảy của Việt-Nam, với trí sáng-suốt của bạn. Sau khi thấy rõ giọt mồ-hôi của người thợ phim trộn lẫn với nước thuốc, hay điềm máu của họ nhỏ trên băng nhựa vàng khè.

(Còn nữa)

* TRÊN SÂN BANH

Hai chị ở miền núi lần đầu tiên xuống thành-phố xem đá banh: A — Trời ơi! họ đá khiếp quá! Đánh nhau chi vậy he? B — Ủn nì! ở ngoài phố, mỗi quả banh sáu vài trăm bạc chớ có mắc-mỏ gì, sao họ không mua mỗi người một quả để đem về nhà chơi, tội gì tranh nhau, ngó ớn quá!

Q. B.

Alphing
Cesaire

20

CINEMA

PHÒNG SỰ
THỜI ĐẠI
của
NGUYỄN
THU
M I N H

BAN đầu thì khi nào cũng hay, cũng đẹp, cũng quý cả. Nhất là những con người trên dưới ba mươi gặp nhau trong những buổi « liên hoan » đèn màu, những cuộc tảo thanh vĩa hè đô thị trông đáng nàng thơ qua mái tóc « kiều » gọn gàng, kinh đẹp như những cô đào nguyên tử của kinh đô ánh sáng trời Âu vừa nhập cảng..., những bước đi « kiều cách » của con người dài các, lâu hoa chính cống; mặc đầu xuất thân từ gái « ma-ri-phông-ten » đến « ô hương đèn ». Có lẽ vì thế mà người ta rất dễ dãi với nhau, thân nhau không mấy chốc!

Tôi và Hoàng gặp nhau cũng một trong những trường hợp trên, lại thêm vào sự trung gian của người bạn trai rất thân tôi nên chúng tôi càng dễ dàng trao nhau những tâm-tình nửa mùa, những câu chuyện đời vụn vặt, sau cái bắt tay, câu chào thông thường,

tôi và Hoàng đã sánh vai trên bước lượn phố phường tìm « hoa tri-kỹ » như đôi bạn chí thân trên mười lăm năm ở giữa cuộc đời..

Khởi đầu câu chuyện gặp gỡ bằng một hình ảnh đẹp — cô gái lai chính tông — có bốn giòng máu, lướt qua với tất cả « cơ đồ » ngọc tượng đã được tay thợ lành nghề chỗi chuốt lớp ni-lông, khẽ gật đầu chào Hoàng lẳng cạp mắt thơ mộng, nụ cười mê ly nửa miệng.

Hoàng mạnh dạn cười trả đúng-điệu « tay tổ » trên đường em út, tuy mình vẫn còn là một « thư sinh »:

— Angèle đi chơi ?

Cô nàng chưa kịp đáp trả, Hoàng đã tiếp bằng một giọng « nịnh đầm » nửa đùa nửa thật:

— Hôm nay trông Angèle đẹp quá!

Nàng « chơi » e-thẹn, nguyệt Hoàng:

— Anh chỉ « khéo tán » thì không ai bằng.

Được thế Hoàng càng « làm già » nheo mắt đa tình:

— Angèle hôm nay sao mà « ngoan » đến thế, biết khen anh một câu rất phải.

Nghe vậy, nàng liền cười xi xòa, có lẽ vì sợ Hoàng giận rồi mất vài châu o-bê bên ngọn đèn xanh chằng; nên nàng phải khẽ trề đôi môi đỏ mọng nói:

— Người gì mà khéo chịu thế không hiểu.

Trong lúc đó Hoàng say sưa nhìn bộ ngực nở nang, lẳng eo mát rượi của nàng xuyên qua khung vải gương năm tám đặc-biệt gọi tình ba mươi lăm, chẳng đáp câu hỏi của nàng, khiến nàng hơi « ngớ-ngàng » buộc lòng tôi tấn công thêm câu nữa:

— Bây giờ anh đi đâu ?

Như người vừa tỉnh mộng, nhưng Hoàng cũng khéo trả lời câu rất « hay » chứng tỏ tay lão-luyện trên đường chim gái hoa đèn và vĩa hè:

— Đi tìm Angèle chứ đi đâu.

Bây giờ gặp, Angèle đi đâu cho tôi theo với...

Cắt cấn, Hoàng nhún vai quay sang tôi nháy mắt cười ra hiệu muốn bảo thầm cho tôi biết rằng nàng là của Hoàng, người tình của Hoàng rất đẹp, rất xinh thế đấy.

Tôi cười của sự thông cảm sâu xa duyên lứa đôi mười đa tình, gặp nhau trong buổi chiều phố hội.

Vài anh chàng đôi mươi nặng tình « trống mái » dạo ngang, vênh mặt dè ra nhìn chúng tôi bằng cặp mắt như ganh ghét vì tức muốn cà-kê hương lòng mà chưa gặp chỗ.

Tôi lẳng lẽ quay ra quang-lộ ngắm những chiếc xe hơi tối tăm bóng nhoáng nối đuôi nhau bò dài dọc theo đường phố; để cố che đậy nụ cười ranh mãnh thâm kín của cảm nghĩ lòng mình bởi đôi môi nồng cháy nhiệt tình, bộ ngực giàu khả năng sinh tổ, gấn trên tấm thân ngà ngọc mát rượi của Angèle, lần đáng điệu song tàn, cái miệng khéo nói, đôi mắt say sưa gọi cảm của Hoàng.

Bỗng tiếng cười đầy thoải mái nở đậu trên đôi môi mọng Angèle xé tan bầu không khí rời rạc kém trẻ trung giữa chúng tôi.

Tôi giật mình quay lại vừa đúng lúc bàn tay Angèle mím mím chia ra bắt tay Hoàng để từ giã:

— Thôi, cho Angèle đi đàng

này với chị bạn có tí việc. Mai rồi, mời anh ghé nhà chơi.

Hoàng mỉm cười gật đầu.

Angèle đảo cặp mắt liếc tinh tiếp :

— Nhớ nhé ! Đừng để Angèle chờ, sốt ruột lắm đó !

Bóng nàng tho ngược chiều được mươi bước, Hoàng quay lại vịn vào vai tôi thăm nhủ :

— Được chứ cậu ? Nữ sinh N.V.K và V.L cả đấy cậu ạ.

Tôi vui vẻ hỏi :

— Vẫn còn nữ sinh à ? Đệ mấy ? Mà đúng « hiệu » hay khoác võ để cho mây đứng trên võ chuổi.

Hoàng trở mặt, cải-chính một cách tự đắc :

— Bậy nào ! Con nhà tử-tế, đang hoàng mà. Điều bọn lai nó « tự nhiên » thế đấy ! Hơn nữa, nó lại là tình cũ nghĩa xưa !

Tôi gật đầu nhận lỗi sự xét đoán vừa qua.

Hoàng tiếp :

— Trông vậy, chứ hiểu rõ nàng và gia đình nàng thật đáng thương lắm cậu ạ. Mặc dầu, đôi khi vì tánh tự kiêu của nàng làm mình khó chịu !...

Tôi biện bác hộ cho Angèle để Hoàng vui lòng thêm :

— Con gái ai không thế, đừng nên trách Angèle mà tội.

Hoàng cười, tôi cũng cười.

Những nét độc-đáo của người

đàn ông trên dưới ba mươi đang còn độc thân bắt đầu xuất hiện trên gương mặt, nụ cười của chúng tôi.

Bốn gót giày vẫn thi nhau nhện đều dọc theo các vỉa hè đại lộ đông người điếm kiêu.

Năng đẹp rãi đều trên thân hình mọi người càng làm tăng thêm vẻ tươi trẻ chuổi ngày vui.

Hoàng và tôi lại tiếp tục những câu chuyện tình nồng cháy lửa đôi đã qua trên lớp tuổi thời gian.

Đầu tiên là chuyện tình giữa Hoàng và Angèle cách đây ba năm sống đầy hoa gắm, hứa hẹn nhiều giấy xích cao-su... Rồi cứ thế mà kéo dài sang những chuyện tình ái lẽ khác « mê tơi » đặc sắc hơn và cũng lắm làm ly, đau khổ chẳng kém gì Thúy Kiều-Kim Trọng.

Trên hai tiếng đồng hồ vòng quanh vỉa-lộ đô thành, Hoàng không nói câu chuyện gì khác hơn là năng và chàng đẹp duyên đẹp lửa, áo quần bánh bao, lịch sự. Những là cô này có mái tóc đẹp quá, tớ chịu thật, cô kia đã xấu lại còn đáng đi trông thật kinh khủng, cô nọ mặc chiếc áo ngắn thật, giá đánh trường đi phố còn hơn, nàng này... hai « trái đào » quá xá, dám so sánh với một Marilyn Monroe, một Brigitte Bardot của kinh đô ánh sáng trời âu lắm, nàng nọ cũng Vamp chẳng khác gì nữ tử-huyết K.N. nhà mình, mợ này gái chứ còn

« hăng » chán; tờ nghĩ giá mình lấy một cô vợ goá chồng mà hay cậu ạ, « đầy đủ » số sách, nên nhớ là « toàn-diện » nghe. Trông mợ này cũng tạm được, « bọn » mình đi theo « phá » cho vui, vân vân và vân vân...

Những lúc này nếu tôi có lời nào phản đối Hoàng sẽ nhìn vào mặt tôi mà bảo : « Cậu mà « hiền » vậy sao ? Đừng đạo đức giả nữa, cứ ốm ở ! Cái « nước » cậu chỉ tỏ làm đàn-bà con gái khinh thời, nó sẽ cho cậu là không « biết gì... » Cậu đừng tưởng « làm bộ » vậy đàn bà, con gái yêu đâu, cậu thấy trên đời này những anh chàng nào càng... « đều » lẻo bịp bao nhiêu thì đàn bà, con gái càng ưa, lăn xả vào bấy nhiêu. Đàn bà chỉ là những con thiêu thân, ham muốn vô bờ. Nếu cậu giữ được những điểm trên tất cậu sẽ rõ... về đàn bà ngay...

Do đó, tôi chỉ biết lẳng lẳng nghe, thỉnh thoảng chỉ xen vào đôi câu gọi là đưa muối cho đậm đà duyên nợ buổi đầu, chẳng khác gì cái « điệu » của nàng dâu từ giã bà con, họ hàng đáp xe hoa về nhà đức ông chồng tìm vui !

Đang nghĩ liên miên về những cậu bạn mà tôi đã được cái vinh hạnh gặp trên bước đường vô tận của lớp tuổi, có thể nói chưa một ai bằng Hoàng mà đã « sôi đời », ngạo đời như vậy, trong khi Hoàng vẫn vui vẻ cười tiếp :

— Đi suốt mấy dãy phố chả trông được một cô nào ra hồn, sáng này thật là xúi quẩy.

Tôi đùa :

— Chắc cậu ra đường gặp « gái » chứ gì !

Trầm ngâm một chốc Hoàng vẫn dáng điệu muốn thuở của thằng trai chỉ sống biết có vật chất :

— Này, cậu nhảy khá không ? Chiều này đi « trà vỉ » cho vui. Tớ có mấy « con bõ » tha hồ nhảy.

Tôi nhìn Hoàng đáp :

— Tạm thôi, hơn nữa... để xu đi ciné chứ cậu.

Hoàng đánh vào vai tôi, chắc lưỡi :

— Tốn quai gì, bao lắm mà ngại.

Xong chỉ tay vào ngực :

— Cậu yên trí, tớ chịu tất cả, khỏi ngại. Ở Tabarin có con Mich-Hương xinh lắm cậu ạ, tớ dám nói với cậu rằng nó đi ra đường chẳng ai biết nó là gái nhảy, cứ tưởng là học sinh — « ngây thơ » một trăm phần trăm — không khéo cậu gặp nó, cậu sẽ chết một cũng nên.

Rồi như chợt nhớ việc gì, Hoàng dừng lại :

— À, mà chúng mình về chứ, cậu nhí ? Phố đã vắng rồi mà các em cũng chả còn ma nào lượng thiện đâu, toàn dân « đánh đập » cả...

Lúc này tôi cũng đã cảm thấy uể oải vì nắng trưa gay gắt lẫn không khí sinh hoạt gần như ứ đọng nên tỏ ý tán thành :

—Ừ, chúng mình nên về là vừa, chiều gặp !

(Còn nữa)



Hà
Liên
Tử

của
LÂM VỊ THÚY



Giới thiệu

MƯỜI ba năm qua đã biến-đổi hẳn tâm-hồn của Dân-tộc Việt-Nam. Một thế-hệ thanh-niên mới cũng vừa trời đậy, rất trẻ nhưng rất già, chưa kinh-nghiệm về đời nhưng đã thử-thách đời, chưa yếu đã biết khổ, hoặc chưa biết yếu đã yếu.

Những nhà xã-hội tâm lý học đã lưu tâm đến những trạng thái biến chuyển sau một lộn nhào của Lịch-sử, như bên Pháp sau hai Đại-chiến 14-18 và 39-45, như ở Việt-Nam hiện nay, đều nhận thấy một tình-trạng tâm-lý náo-náo, không tránh khỏi, một nét đậm của Luật biến-cải trong tâm-hồn con người, rõ-rệt nhất trong tâm-hồn của bạn trẻ.

Chính ở trong những biến-chuyển ấy đã nảy-nở trên lĩnh-vực văn-hóa một lớp văn-ngệ-sĩ thanh-niên mới, nam và nữ, từ 16 đến 30 tuổi. Một số các bạn chưa kịp hấp-tụ ảnh-hưởng sâu-xa của văn-học Âu-lây và Á-Đông như thế-hệ Thi-văn tiền-chiến, các bạn ấy, sau khi đã lăn-lộn nhiều hay ít trong 10 năm khó khăn vì lên ngưỡng ái-quốc hoặc vì ham mộ phiêu-lưu, ngày nay đã trở về trong một cảnh thái-bình còn hỗn-dộn. Như một thành-trì vừa cháy

rụi mà lể, các đống tro tàn vòn ngọn ngang những pho-trong đồ-bè, những đồ xưa tan-vỡ và cả một dĩ-vãng tan-tành mà chính các bạn trẻ ngày nay vẫn chưa quen biết mấy! Ở giữa một quá-khứ hazy còn gần gũi quá nhưng đã chết hẳn rồi, các bạn đã bỏ-ngỡ, bồi-hồi, như chưa tìm ra được một định-khương rõ rệt trong hiện-tại còn đầy mâu-thuẫn.

Nếu các bạn ấy không hẳn khinh-miệt nếp dĩ-vãng xưa bị sụp-đổ, thì các bạn cũng không sao thông cảm được mau-lẹ với nó, vì mỗi liên-tục lịch-sử hầu như đã đứt rời. Than ôi!

Chúng ta chưa nhận được những dấu hiệu của một Hồi-xuân gần-gũi từng bình.

Vì thế, trên bình diện tâm-lý xã-hội, chúng tôi thấy rằng thế-hệ văn-ngệ-sĩ hiện đang bông-bọt từ 1954, không tránh khỏi chứng bệnh của thời-đại, và sẽ biến-hóa dần-dần trong 10 hay 15 năm tới đây, trước khi gặp thời cơ thích-hợp để vươn lên thật-sự, mãnh-liệt, nảy-nở hoàn-toàn theo hóa-âm mới của nhân-loại.

Để ghi lại những diêm thâm-dâm nhất, tiêu-biểu văn-ngệ thanh-niên hậu chiến, chúng tôi xin giới-thiệu lần-hồi trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG** những tài hoa mới trời đậy của Việt Nam mà chúng tôi nhận thấy được thâm-nhuần nhiều nhất hương-vị của thời-thế mới hiện-tại.

Chúng tôi muốn người giới-thiệu các bạn là một thi-sĩ thanh-niên của thế-hệ, đang sống với các bạn, và thông cảm với các bạn rất nhiều, là anh **Lâm-vị-Thúy**.

NGUYỄN-VỸ ★

HÀ Liên Tử tên thật Nguyễn Ngọc B.ên; Sinh năm 1928 tại Vĩnh Công — Tân An, trong một gia đình trung lưu về nông nghiệp. Cảnh gia đình sa sút từ khi anh lên ban trung học. Anh hằng rơi nước mắt nhận tiền mẹ vay mượn từng tháng để đóng học phí.

Hà Liên Tử dần lướt theo học các trường Lê Bá Cang, Saigon, và Nam Hưng, Cần Thơ, khoảng 1942 — 1945. Rồi vì thời cuộc anh bị gián đoạn sự học luôn từ đó.

1948 — 1949, anh làm thơ gửi đăng rải rác trên các báo.

Giữa năm 1954 anh được lên

gọi nhập ngũ, với chức vụ một biên tập viên của tuần báo Quân Đội.

Cuối năm 1956, anh trở về nếp sống trước. Hiện anh là công chức ngạch hành chánh, tổng sự tại Nha Dinh Thứ Bộ Kiến Thiết.

Hoa niên đã vượt quá tầm tay, Hà Liên Tử bây giờ 30 tuổi. Cái tuổi mà Trần Quang Dũng độ nào đã định nghĩa bằng mấy câu thơ:

Vui như trẻ lên mười
Yêu như tuổi mười bảy

Tuy Hà Liên Tử cũng có viết phóng sự, tùy bút, chuyện ngắn... nhưng người ta chỉ biết đến anh nhiều hơn trên bộ môn thơ.

Thi phẩm **TIẾNG BÊN TRỜI** gồm 28 bài, là tâm sự có đời mười năm của Hà Liên Tử.

Mười năm trên đất nước này, có lẽ còn dài hơn mười thế kỷ, vì biết bao biến chuyển đã diễn ra.

Mười năm với những kỷ niệm se lòng, đã tạo Hà Liên Tử thành một con người trầm lặng. Con người chưa bao giờ thấy vui trọn nụ cười.

Tinh tình ấy đã ảnh hưởng sâu đậm đến thơ anh. Hà Liên Tử luôn nhìn đời bằng khía cạnh đau buồn:

Ai hát đâu đây
Nghẹn ngào qua ngõ tối;
Ánh điện mờ...
Mưa dầm lụy lợi.

...
bằng sự tiếc nuối quãng thời gian cũ. Quãng thời gian mà, thế nào chẳng nữa, phần đông ai cũng vẫn cho rằng êm đẹp:

Ngày xưa .. ở nhi, ngày xưa ..
Đòng đời thanh lặng, hồn chưa
bao bùng;

Khăng khít niềm vui trang sách,
Mái trường hoa mộng lên hương...
Tương lai hẹn nở ngàn xuân thắm
Mắt sáng chưa cay lếp bụi đường.

(Tiếng hát trong mưa)

Ấu thời thiếu thốn, cực khổ, khiến Hà Liên Tử dễ cảm thông với những kiếp người bị xã hội bỏ quên:

Em cơ hàn, thân xác ốm xanh xao;
Không mấy tuổi sớm nhọc: nhân
cuộc sống.

Em cô độc giữa kinh thành bích
mộng,

Bên chợ đời không có một tình
thân;

Em đứng đưng nhưng hẳn biết bao
lần

Em cảm thấy thiếu tình thương ấp
ủ...

Một tình thương bao la như vũ trụ
Cũng ít nhiều hong ấm được lòng
em

Đang triển miên tâm tối như trời
đêm

Không có lấy một ánh đèn nho nhỏ;

...

...

Tôi đau xót nghe lòng em rỉ máu!

Và lòng dâng ngào nghẹn một niềm
thương...

Trong La hoa tấp nập khách qua
đường..

(Em bé mồ côi)

Nhưng anh không khinh ghét,
oán thù giai cấp. Dù giai cấp ấy
đáng mỉa mai:

Đêm về huyền ảo mê ly mộng hồn

...

...

Nhạc dang chậm chậm, xôn xao,

Lơi lơi, khăng khít kếp đào từng
đôi,

Nhịp nhàng chân bước chơi vui

Tích say, nghiêng ngửa mộng đời
đào diên.

Mê ly sóng nhạc triển miên

Hồn quay trong phút mơ tiên tuyệt
vời...

Nhạc dang, tiếng nhạc dồn lơi

Về khuya càng đắm say người truy
hoan.

(Kiếp phủ phàng)

Về tâm tình, Hà Liên Tử chưa
từng được nếm qua hương
vị của chữ yêu. Dù rằng anh
yêu rất nhiều, nhưng *những
người ấy* không hề biết đến. Có
lẽ bởi vì anh thành thực quá!
Và *mắt* mắt, ạn hận là dĩ nhiên:

Từng phen ngư say thơ rượu,
Chập chồn nhọc giấc cô miên!

Mắt xanh chừ cay bụi gió,
Mây râu chừ thẹn trung kiên!

Lừng lơ đề bạt hướng thuyền

Ngàn khơi vui mộng hoa niên mất
rời!

Chuyện đời, ừ, gió mây trôi
Ai đau mà xót, ai mới mà thương!

(Tiếng hát đêm thu)

Đôi khi, Hà Liên Tử ước ao,
hy vọng:

Tôi sẽ trở về sống giữa quê hương
Trong một ngày xuân gió hiền
nắng đẹp.

Tôi mở rộng tâm hồn ra đón tiếp
Một trời tươi vừa mở cửa thanh
bình,

Một vườn đời hoa sắc ngát hương
trình

Một nguồn mới vừa vươn cao
mạch sống...

Tôi say đắm giữa cánh đồng xa
rộng

Nhìn trời mây lồng lộng, bao la...

(Ngày về)

Niềm hy vọng, tôi cho rằng đã
bắt nguồn từ sự chán nản tột
cùng vậy.

*

Về sự nghiệp nghệ thuật của
Hà Liên Tử, nhận xét riêng tôi
sau khi đọc trọn thi phẩm
TIẾNG BÊN TRỜI của anh, Hà
Liên Tử có một hồn thơ phong
phú. Nguồn rung cảm rất thành
thực, vì thế thơ anh tế nhị,
không có tình cách gượng ép, giả
tạo, không chạy theo thị hiếu
thời đại.

Điều đáng tiếc là Hà Liên Tử
sáng tác không đều tay; tham
lam diễn đạt cảm hứng, nên
dù trong thơ anh có nhiều đoạn
hay, đọc nghe cảm động:

Mười năm xưa, mười năm sau,
Một hình bóng cũ xóa màu thời gian...
Cảm như đã lỗi nhịp đàn,
Cổ nhân ơi, mấy ngỡ ngang...
Cổ nhân!

(Bóng chiều xuân)

Đôi mắt xanh thơ
Của người em xa lạ
Lâu rồi ám ảnh hồn tôi;
Đêm nao tỉnh chờ gặp lại.
Thoáng qua...
Và đã mất rồi!

(Mắt)

Vắng đêm
Lọt nửa tiếng cười
Nhẹ tan trong gió
Ai người chợt nghe?!
(Bài thơ lệch cả nhan đề
Khách thơ chưa nghĩ quay về xóm

đêm).

(Đẹp Thơ)

Những chữ dùng khéo, làm
nổi bật được ý muốn diễn tả:

Đêm nao
Lá gió
Đường sương,
Vàng trắng huyền ảo
Tơ vương xóm nghèo.
Vỏ gầy
Từng cánh vàng gieo,
Bâng khuâng lòng khách chuỗi
theo lá vàng...

(Tiếng hát đêm thu)

Đã thoáng nghe buồn với tiếng
Nắng ngày oi bức ngả sang hè.
Bâng khuâng mây trắng lười xê
động,
Đợi gió, muôn cảnh đứng ủ ê.

(Sang hè)

Giữa một chiều sương
Ngang qua xóm nhỏ,
Ba-lô xuôi nghiêng áo mốc bụi
đường,
Tình ai khép nép,
Mắt nhìn lưu luyến chút tơ vương...

(Hẹn)

Thì cũng có những đoạn không
lấy gì làm đặc sắc lắm:

Chiều hôm nào
Trên đường về ngoại ô,
Mỗi bước, dừng chân quán lạ,
Bỗng dừng mà hồn thơ xao xuyến..
Một dáng kiêu? Từ nơi nao xuất
hiện?
Không, không, không! - Một thoáng
động qua hồn ...

Tôi chưa say mà ngây ngất,
Chưa kịp thấy mà si mê!
Gió trắng lệch thếch tư bề,
Hồn thơ khắp khển đi về xa xưa...

(Nhớ xưa)

Những điệp ngữ làm người đọc
khó chịu:
Tôi viết bài thơ trên bến TRẮNG,
Ngày xưa áo TRẮNG đẹp tinh hoa;
Mùa trắng về ngợp trên sông
TRẮNG,
Màu TRẮNG ngày xưa vẫn thiết tha.

(Bên trắng)

Trong các thể lục bát, bốn
chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ

và phá thể, Hà Liên Tử thành
công hơn ở lối thơ sau cùng:
Bỗng đứng...

Em khóc!

Tôi cười!

Chuyện mười năm cũ với người
hôm nay...

(Bóng chiều xuân)

Áo hoa thời lượn phố phường,
Lòng không hện nhớ mà vương
vấn nhiều...

Áo hoa thiên hạ dập dùi,
Trong tôi, thiếu một dáng kiêu
quen xưa...

Bài thơ viết giữa chiều mưa

Mãi không trọn vẹn, buồn chưa...
hỡi người!

(Trọn vẹn)

Hơn bao giờ hết, phong trào
làm thơ, in thơ rất nhiều,
nhất là các thơ « Tự-đo », phá-
thể. Ở đây, tôi không phải là lý-
thuyết-gia của Thi-văn, tôi không
binh-vực nó, cũng không công-
kích nó, vì đó là việc làm của
nh) văn-học-sử sau này. Tôi chỉ
giới-thiệu Thơ của Hà-Liên-Tử,
một trong số các Thi-sĩ tài-hoa
của Thế-hệ Thanh-niên Hậu-
chiến, như tôi sẽ lần lượt giới-
thiệu, công bằng, và khách quan,
một số các nhà Thơ khác vậy.

★ TIÊN - THẦN

Một ông Nhà-văn có danh tiếng vừa xuất-bản một tập-san sau một
thời gian ẩn-dật trên núi. Ông muốn cho tập-san bán chạy, đó là lẽ
thường, nhưng ông lại có tính quá kiêu-căng tự-phụ, trong số báo nào
ông cũng cứ tự xưng là Tiên Ông, vợ ông là Tiên Bà, con ông là Tiên-
con, v. v. .

Một hôm có một cậu sinh-viên muốn thử coi Nhà-văn Tiên Ông còn
trí óc thăng bằng không, liền viết thư đến khen ông, đại-khái có câu
« Ngày nay chúng tôi mới thấy xuất-hiện một vị Tiên-T! àn... » Tuần-
lễ sau cậu sinh-viên thấy trong số tập san mới ra, có đăng bức thư của
cậu trong mục « Bạn đọc khen Nhà-văn Tiên Ông ». Cậu sinh-viên ôm
bụng cười rử-rời bảo với các bạn của cậu: « Mình có ý nói xô: « Tiên
Thần », nói lái là « Thần tiên » mà ông Nhà-Văn không biết chớ!
Ông tưởng mình khen ông, há-há-há-há! » Giống chuyện hồi xưa có người
đi mừng một ông quan lên trước làm BỒI cho TÂY, bằng bức hoành-phí
có câu « Muốn đấm BẦY TÔI »! nói lái là « BỒI TÂY » .

Thế mới biết tiếng Việt Nam thật là tế-nhị không có tiếng nước
nào bằng!

DINH-BA



*** THUYỀN THƠ**, của **Đông-Xuyên**.
(*Nguyễn-Hiển-Lê xuất bản*)

Một tập thơ gồm trên 50 bài sáng-tác, toàn theo thể Đường-luật hoặc lục-bát, song thất lục-bát, và 13 bài thơ dịch, phần nhiều là dịch cổ-thi Tàu. Phần thơ Đường-luật có nhiều bài hay, nhiều câu tả cảnh, tả tình, xác-đáng và thâm-trầm. Nghệ-thuật Đường-thi của tác-giả, có thể nói là tinh-xảo lão-luyện, bố-cục chặt-chẽ và từ-thơ dồi-dào, tế-nhị. Nhiều bài có phong-độ duyên-dáng của Yên-Đô và Nguyễn-công-Trứ:

*Mảnh áo vải nâu, nổi bắp lược,
Ngọn đèn dầu lạc, cuốn thơ nôm.*

*Nước lãng hồ sáu, trắng rọi xuống
Bụi vào nhà trống, gió bay đi*

Thơ cũ, nhưng nhiều ý mới, ít có sáo-ngữ, không khô-khau. Ngay ấy ưu-điểm có thể che-lấp vài ba khuyết-điểm nhỏ, và **Thuyền-Thơ** có thể hơi trên giòng sông Xích-Bích, haysông Đà, không thẹn với người xưa

*** BẢNG TÌNH THƯƠNG**, của **Phan-Minh-Hồng**
(*Nhà xuất bản: Nguyễn-dinh-Quất*)

Đây là thơ «tự-do» không theo kỹ-luật Thi-văn nào cả, vần lộn-xộn, câu không niêm, lời không điệu:

*Sóng trùng-dương
Mênh-mang bài ca chi-khu
Anh trải lòng thương
Gửi gió mang vào bến lạ.
Vân những sáng mai mùng vui chồi đay*

*Nhà anh nghèo
Không ánh sáng
Em đem về đôi mắt sao
Gắn vào đêm tối*

Đó là về thể-tài không khác văn xuôi mấy. Còn về chất Thơ, có những bài chứa-đựng một đôi ý hay. Tuy nguồn thi-cảm không mới lạ, nhưng từ Thơ rào rạt đó đây, gọi được vài cảm-xúc đẹp. Chỉ sợ những bài thơ như thế không sống lâu được trong ký-ức của thời-gian. Nhưng nhà Thơ Phan-minh-Hồng còn nhiều hứa-hẹn...

*** TÀI MAHAI**, của **Đoàn-Thêm**
(*Khô 1g từ nhà xuất-bản*)

Nói cho đúng thì đây là một bài thơ, chứ không phải một tập Thơ. Một bài thơ theo thể song-thất lục-bát gồm tất cả 152 câu, kể lại mối tình của một ông Vua già ở Ấn-độ hồi thế-kỷ XVII. Đây không phải mối tình cảm động bi-đạt như Roméo — Juliette, Paul et Virginie, hay Orphée Eurydice, mà chỉ là một mối tình phong-kiến và ngu-xuẩn, của một vị Vua Mông-Cổ mê sắc đẹp của một mỹ-nữ, rồi bỏ bê nàng, khi nàng chết lại hối hận lập một ngôi đền thờ-sộ suốt mấy chục năm với mồ-hôi nước mắt của dân... để thờ Nàng. Một hạng vua Kiệt bên Tàu và vua Chéops bên Ai-Cập, chứ không hơn. Sau dân nổi loạn, con trai của Vua phải bắt giam Vua cha để cứu dân cứu Nước. Chuyện có vậy mà tác giả thêu dệt thành chuyện ái-tình lâm li... cao thượng!

Trong 152 câu thơ của tác-giả, thỉnh-thoảng có năm mươi câu êm đẹp, một vài đoạn cảm động; nhưng rất tiếc, nếu với thi tài ấy, ông Đoàn-Thêm ca ngợi các đền-đài Lịch-sử Việt-nam hay các Tháp Chàm, có phải là hay hơn nhiều không?

HỒ-THỊ-LÝ



NHỜ CÁC BẠN TRẢ LỜI GIÙM



1.— Làng gì có cái tên dài như trên thế-giới, mà không ai đọc được, (58 chữ) ? ở đâu ?

BA - TÈO.

- 2.— Thánh Gandhi bị ám-sát năm nào ?
 3.— Bom Nguyên-tử đầu tiên nổ năm nào ? Trên thành phố nào ?
 4.— Hitler lên nắm chánh quyền ở Đức năm nào ?
 5.— Hôn-lễ Hoàng-hậu Elisabeth cử-hành năm nào ?
 6.— Staline (Xít-ta-lin) đuổi Trotsky (Trốt-ki) là cựu đồng-chí của y ra khỏi Nga, năm nào ?
 7.— Nhà Bác-học Einstein được giải-thưởng quốc-tế Nobel năm nào ?

XUÂN - GIANG

8.— *Một Bà nọ khóc ôi nước nỡ
 Bên bờ hoang cây cỏ chưa xanh
 Có người đến hỏi sự tình :
 Làm sao mà phải một mình khóc ai ?*

**Rằng : « Người ở dưới đây còn trẻ
 Cha nó đi làm rề cha tôi,
 Cha tôi, nội nó là sul,
 Cứ chỉ ông hỏi làm tuỵ thêm sâu ?
 Trời ơi khó quá, ai đâu giải đùm ?**

THANH-VÂN (Tuy-Hòa)

9.— Ai ra câu đối nói lái này : « Kia mấy cây mía » ?
 Và ai đối lại như thế nào ?

BA - TÈO

10.— Người ngoại-quốc nào đã viết mấy câu này :

« Người dân-bà Sài-gòn có cái đẹp đơn - trôn, với vóc mình mảnh mai óng-ẻo, cái đẹp phong lưu với bộ đi dệu-dàng tha-thướt, cái đẹp kín đáo với nụ cười tươi tắn, đầy tình-tử và thú-vị ; cái đẹp truyền thần với cặp mắt mơ - màng, kêu gọi với nét mặt xinh tươi như hoa mới nở một buổi sáng đầu xuân... »

CHÂU BÁ (Sài-gòn — Dakao)

11.— Có một ông danh-tiếng lừng-lẫy, một hôm vô buồng, gặp vợ đang ở trần trong đó. Ông ấy tức giận, chạy ra thưa với Mẹ : « Vợ của con thật là vô lễ, con vào mà nó ở trần ! » Ông ấy liền bị Mẹ mắng : « Chính mày mới vô-lễ. Sắp vào ngõ thì phải hỏi có ai không ? Sắp lên thềm thì phải lên tiếng. Sắp vào cửa thì mắt phải nhìn xuống, như thế mới là có lễ, vì không thừa lúc người ta không phòng bị kịp.» Ông vô-lễ ấy tên là gì ?

12.— Ông Khổng-Tử con của ai ? Cha mấy tuổi, Mẹ mấy tuổi lúc sinh ông ? Mẹ làm nghề gì ?

13.— Trên Thế-giới, hiện nay có bao nhiêu người còn ăn bốc (bằng tay) ?

BÁ-LINH-VŨ

(Xem anh Ba Tèo trả lời ở trang 116)

★ Đây là nổi băn khoăn của nhiều người : Buổi chiều họ không biết tại sao sáng đã thức dậy ? và tại sao ngày mai họ lại sẽ thức dậy ?

P. BONCOUR

★ Giới Lao động sẽ giải quyết rất dễ dàng nếu họ đoàn kết lại thành hàng ngũ và nhận những lời chỉ giáo khôn ngoan, rồi nhịp bước theo đường lối cha ông đã đi và tìm được thắng lợi cho mình và cho các dân-tộc.

RERUM NOVARUM



NHỮNG ai đã từng xuôi ngược ghe thương hồ làn nước biếc rợp những bóng dừa xanh ở vùng Hậu - Giang thanh bình thời tiền chiến, khi lừng lờ mái dầm trên dòng sông Cái đổ từ tỉnh Cần-thơ qua Rạch giá tất sao cũng chú ý đến vòm Cái đước bé thuộc làng Ngọc Chúc, quận Giồng Riềng là một nơi nhà cửa san sát nối nhau với những mái ngói đỏ au nổi bật trên nền ruộng xanh mượt màu mạ non của giải đất cát phi nhiều nọ.

Đấy là quê hương bé nhỏ và thân mến của tôi, của dòng họ Trương đã hai đời nhập tịch hẳn vào dân Việt.

Thuở xưa, phần đông những gia đình khai thác đầu tiên ở Cái đước bé đều là người khách trú, gốc Tiền châu, đã lấy vợ Việt và nhất tâm ký gởi mảnh xương khô trong lòng đất Tổ- quốc thứ hai của mình. Họ đã nối tiếp nhau nkiều đời, từng dày dặn gan lý công khó trước sự hăm dọa của hùm thiêng rắn độc để biến đồi vùng rừng rậm, bung lát, xình lầy kia thành ra những khoảng ruộng màu mỡ đỏ ối những gié lúa vàng trong mùa gặt hái. Gia đình tôi cũng thuộc trong số người được hãnh diện về những công trình tiền nhân ấy.

Theo tôi được biết, ông cố tôi khi cấm sào dừng ghe lưu lạc tại nơi ấy thì nói rất toàn tiếng khách và bập bẹ vài câu tiếng

Miền vì phải giao thiệp với những người Thổ ở rải rác trong vùng; đến như ông nội tôi thì thua nói tiếng khách mà sành sỏi tiếng Việt và tiếng Miền hơn; tới đến ba tôi thì ngôn ngữ dùng trong nhà toàn là tiếng Việt cả. Nếu hồi còn bé tôi không có được nghe ông tôi và ba tôi thỉnh thoảng lại cãi nhau bằng tiếng khách thì có lẽ tôi sẽ không bao giờ ngờ mình đã lai mấy đời.

Tôi còn nhớ đạo mới mười bốn, mười lăm tuổi, tôi hằng theo di út tôi đi giúp các đám cưới trong vòng thân thuộc, tôi đã nghe lỏm được những lời phê bình của các bà bên họ hàng trai :

— Cái con nhỏ sao mà phải thể con gái quá. Tụi con minh-hương đưa nào cũng ngộ, cả gái lẫn trai, mặt thì như bột nắn mà mỗi lúc nào cũng đỏ như thoa son, mình thấy mà bắt thềm. Con nhỏ này khi tấn lên là chắc ăn đứt cả quận Giồng Riềng này đó, bà con nào còn con trai liệu bỏ cọc trước là vừa...

Trước những lời nói bôn ấy, tôi thẹn đỏ mặt, gằm đầu cúi trốn xuống bếp để ròi về sau thỉnh thoảng lại núp vào kẹt vách rút mảnh kiến tròn trong túi ra soi lấy mình. Người con gái nào lại không muốn rằng mình đẹp, rằng vẻ tốt tươi của mình ăn đứt các bạn gái khác? Nhưng tôi không vì thế mà kiêu hãnh, khinh đời. Có lẽ thuở ấy tôi còn

nhỏ tuổi, đầu óc hãy còn đang trong trắng quá trong khuôn cảnh một mạc chung quanh mình và cũng có lẽ nhờ vào sự khe khắc của một gia đình tuy khá giả nhưng vẫn cần cù với đồng què sống biệt lập hẳn mùi quyến rũ vật chất khiến cho tôi tự nhiên nặng óc tự ti mặc cảm và lúc nào cũng thẹn thùng, luống cuống khi gặp thấy mình là « cây đĩnh » trong đám đồng.

Ba má tôi có tất cả tám người con. Anh hai tôi chết hồi còn nhỏ không kể đến, còn thì anh ba tôi tên là Khanh, tôi đứng hàng thứ tư rồi mới tới một dọc năm em trai tôi, sau nữa mới là đứa em gái thứ mười và một thằng em trai út năm ấy vừa được ba tuổi. Ba tôi cưng tôi lắm, đi đâu người cũng cho ngồi một bên và khi mua sắm gì thì cũng nhớ đến phần của tôi cả.

Người thường cần nhắc má tôi :

— Con Vân nó cũng sắp lớn rồi, sao má nó ra chợ Giồng Rềng bạn nào cũng không thấy mua phần son gì cho nó hết vậy.

Nhưng má tôi cương quyết phản đối :

— Ông tập cho con hư không hề. Con gái mới mười sáu tuổi mà phần son nổi gì, ở ruộng thì phải tập cho nó biết lo đến mâm cơm trả mướm để sau này nó về nhà chồng, người ta khờ bởi sỏi đến cha mẹ ông bà còn hay hơn là bày cho nó xe xua với bọn gái thị thành.

— Nhưng nó thua sút chị em chúng bạn, mà phải nhà mình nghèo khổ gì cho cam...

— Vậy chứ quần áo của nó bộ tôi không có sắm cho sao ? Ông nghĩ thế nào lại tưởng tôi hà tiện với con ?

Ba tôi cười hề hề :

— Tôi có nói má nó hà tiện đâu. Nhưng áo dài của nó may theo kiểu bạn sông đuột như hình thân cây chuối.

— Vậy chứ phải may làm sao ?

— Máy tiệm may ngoài tỉnh Rạch giá may khéo lắm, vai bông, cổ cứng lại có eo ở lưng nữa.

— Con gái ruộng năm ba tháng mới có dịp bận áo dài một lần, ông muốn cho nó tân thời quá, hàng xóm láng giềng chê cười không tốt.

— Ấy, thì cũng may một hai cái kiểu mới đi, tốn hao gì lắm sao mà sợ.

Má tôi nguây đi :

— Tùy ông, ông cưng nó quá, nó hư thời ông chịu lấy.

Má tôi tuy nói thế nhưng lúc nào cũng chiu ý ba tôi. Người thương tôi một cách khác : không bao giờ nói ra hay tỏ một cử chỉ gì dịu ngọt với tôi. Trái lại, người kèm thúc tôi vào công việc nội trợ rất nhiều, hề hở nghĩ tay một tý từ ngoài giờ ăn giấc ngủ là bị mắng ngay.

Người thường bảo tôi.

— không phải tao rầy mầy hoài mà tao vui đâu. Mầy phải biết rằng cái vốn liếng giá trị nhất của người con gái đem về nhà chồng là sự đảm đang. Nữa rồi mầy sẽ hiểu những điều tao khổ công dạy mầy là để mầy với chồng mầy nhờ mà thôi.

Má tôi lúc nào cũng xem tôi là một đứa trẻ con. Cả anh ba Khanh của tôi nữa, anh thường sai tôi những công việc thuộc về tính cá nhân của anh : trao những phong thư nặc nùng mùi nước hoa thơm phứt cho những cô bạn hàng xóm :

— Trưa nay mầy qua nhà con Bê đưa cái thơ này cho nó, nói tao chờ nó ở chỗ hẹn nhen.

— Gần tựu trường rồi, anh không đi lo học, còn hẹn gì hẹn hoài vậy ?

— Chật, con nít biết gì mà hỏi nà !

— Khỏi cần coi, tôi cũng hiểu anh viết gì ở trong nữa.

Anh Khanh trợn mắt nạt nhỏ :

— Nói bậy nè, bạn bè viết thơ thăm nhau không hề. Mầy nói um sùm « ông » hay, « ông » chữ tắt bép.

— Tôi quẹt tay vào má lêu lêu anh tôi :

— Tôi biết rồi, thư này là thư mèo ?

Tôi nói vậy vì tôi đã có một bạn bị người ta đưa cho một cái thơ tương tựa như thế. Đó là



lúc tôi vừa mười sáu tuổi, tuy lòng chưa vương bạn một gì nhưng cũng biết nhận thức được những nỗi băng khuáng man mác trước cảnh trời chiều sắp rơi vào lòng hoang hôn u tịch hay thờ hảng giây phút ngồi bên bến nước rồi mắt trông theo những dề lục bình linh đình không biết trôi rạt mãi về đâu... Một hôm nọ trời vừa chạng vạng và trong nhà vừa mới đổ đèn, tôi còn đang ngồi thờ thần dưới đầu cầu bông thấy có người rón rén bước lại gần. Đây là một anh bạn hàng xóm thường chơi thân với anh tôi, lúc nào đến nhà cũng hỏi thăm vồn vã đến tôi nên tôi vẫn thân mật như là với anh tôi vậy :

— Ủa anh Tê, sao đến chơi tôi vậy, anh ba tôi ở trong nhà ế..

Nhưng Tê tiến lại tôi và rung động nói lấy bắp như một câu học trò chẳng thuộc bài:

— Cô.. cô.. Vân... Tôi có một chuyện nói... riêng với cô..

Linh cảm ngay một sự lạ và bất chánh, tôi bỗng dung bối rối:

— Không... anh vào trong nhà.. Đừng đứng đây, người ta cười...

Tê cố nài nỉ:

— Cô Vân... đã lâu rồi... tôi thương.. cô...

Tôi dớn dác nhìn vào nhà, lòng muốn bỏ chạy đi mà chân bước không nổi, mặt cứ đỏ bừng lên như nếm phải men nồng, tai cứ nghe tiếng trống ngực đánh thùm thụp liên hồi. Tôi không nghe gì nữa cả, chỉ biết Tê nói lịch nhích qua cổ họng một tràng những tiếng còn tiếng mắt và rồi nhét vào tay tôi một phong thơ thơm phứt. Tôi kinh hoàng phủ tay lia lia:

— Không... anh đừng làm thế... Tôi mét với ba tôi...

Tê luống cuống bỏ đi để khỏi nghe những lời từ chối:

— Cô cứ đọc kỹ thơ của tôi đi, trong ấy... tôi đã nói với tất cả lòng... mà miệng tôi không thể thốt ra được...

Phong thư nằm trên sàn ván cầu, phập phều chực bay theo gió như một cánh hoa tím. Tôi qua rồi phút cảm động của người

con gái vừa dậy thì phải bối rối trước một sự tấn công đường đột và lộ bích, lòng bình thản lại như mặt nước ao tù vừa qua cơn gió gợn. Giờ đây phải làm gì với cái thư? Mở ra coi ư? Tôi không đến nỗi ngu ngốc đến bực không biết rằng hành động ần lẩn như thế là xấu lắm, Vứt bỏ theo dòng nước chảy âm thầm dưới cầu ư? Trong thơ hẳn phải có nói đến tên tôi, lẽ kể khác nhắc được thì sao? Hay đem vào cho ba tôi? Cũng không được nữa, người sẽ làm ra lớn chuyện với gia đình của Tê.

Đang trong lúc phân vân, anh Ba tôi đã bước đến cầu mát:

— Vân, mày làm gì ngồi ở đó lâu vậy? Vừa thấy bóng thằng Tê đây mà nó đâu rồi kia...

— Anh đi về rồi!

— Ủa, sao lạ vậy, mới tới chơi rồi lại về hè...

— Anh đó kỳ cục quá mà anh thân với anh nổi gì.

Anh ba Khanh bước tới hỏi nhỏ:

— Nó làm gì mày mà kỳ cục?

— Khi không ảnh lại nhét cái thư kia trong tay tôi vậy ế...

Anh Khanh nhặt lấy cái thơ, tức tối bảo:

— Tao biết rồi! Thằng khốn kiếp! Dám gửi thơ mèo cho em gái tao chớ! Nà, Vân à, tao dặn mày phải nhớ nha, có đũa nào gửi thơ cho mày, mày cứ đưa

tao coi. Con gái mà coi lên thư trai xấu lắm nghen.

— Tôi biết lắm chớ, tôi muốn vứt bỏ đi đó chớ...

— Đừng bỏ, cứ đưa tao... rồi tao lại gửi thơ cho em gái nó để trả thù.

— Vậy còn xấu hơn nữa...

— Thấy kệ nó. Làm thân con gái không biết giữ phận thì đáng đời. Tụi nó chạy theo bộ mặt bảnh trai của tao, tao không hưởng thì thằng khác cũng hưởng.

Tuy không tán thành lý luận ích kỷ mà phần đông những thanh niên thời bấy giờ đều có, nhưng tôi không cãi lại anh tôi và thỉnh thoảng lại buộc lòng phải giúp anh trong những cuộc



ước hẹn thầm lén. Chúng tôi thương nhau lắm, có gì cũng bày tỏ cùng nhau và anh tôi đã bao phen dùng tình cảm lung lạc sự dùng thẳng của tôi.

Tôi cười xòa, chỉ tay vào mặt anh tôi:

— Mà đầu đuôi cũng tại anh hết...

— Tại tao làm sao?

— Đi đâu anh cũng bẻm miệng rêu rao với những người bạn có em gái là: kẻ có chuối, người có lúa, cùng đổi nhau...

— Ủ hự, nói thì vậy, chừ còn đổi nhau lại là một chuyện khác chừ. Lúa của tụi nó là thứ lúa lép, muốn đổi với chuối tốt của tao sao được!

Tôi đã bao nhiêu lần cảm động vì sự tin yêu ấy và ngày thơ hỏi lại:

— Còn anh tự phụ quá không chừng có ngày làm thử lúa lép ấ.

Khanh quả quyết nói:

— Mốc xi, tao sẽ lựa cho mày một người chị dâu tốt. Mày có thương nó không?

— Biết mặt mũi làm sao mà ước trước, nhưng hể anh thương là tôi cũng thương...

— Ủ, vậy tốt ấ. Chừng tao lựa được, tao sẽ cho mày coi hình...

Ba hôm sau, Tê lại đến nhà tôi. Anh Ba không ra tiếp mà

còn bảo mấy đứa em tôi vỗ tay hát lý om sòm:

«Thương em không dám vào nhà.

Đi qua, đi lại hỏi có gà bán hông».

Tê cút luôn và mất mặt không đến nhà tôi nữa. Anh tôi hóm hỉnh bảo:

— Hôm tối qua này, thằng đó mất lúa mà không được chuối. Nhưng con em nó cũng không xài được, để tao còn chọn kỹ...

Nhưng anh tôi chưa kịp lựa thì tháng sáu năm ấy có một người bà con ở Châu đốc xuống chơi và đề nghị với ba tôi hỏi cưới cho anh Khanh một người con gái một của bà góa phụ nọ, điền chủ ở làng Ba Chúc, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu đốc. Ba tôi bằng lòng, gọi anh tôi bỏ học trở về đề sắm sửa đi coi mặt cô dâu.

Má tôi ban đầu không muốn cưới dâu ở xa bất tiện, nhưng ba tôi bàn mãi người nghe cũng phải:

— Không dễ gì kiếm một chỗ suôi gia môn đẳng hộ đối, những gia đình khá giả ở gần đây thì một là con gái họ không được, hai nữa là họ cũng nghe danh thằng Khanh quá nhiều, chắc còn lâu mới tìm nơi xứng chỗ. Thằng Khanh năm nay cũng tổng ngừng cái đầu rồi, để nó lóng bông không buột nhợ vào chân cũng khó lắm. Tôi muốn đi về

miền núi mà chơi và nếu phải nhằm vào duyên phận của con thì cũng thành toàn cho nó cho rồi.

Chuyến đi ấy có tôi đi theo. Nhà bà điền chủ nọ là một nhà gia thế lớn lao trong vùng đây những cô gái thanh lịch của đồng quê Nam Việt đã lai mấy đời trong ba dòng máu Việt-Tàu-Miên mà người ta thường gọi là bọn đầu gà đít vịt.

Cô Ba con bà nghiệp chủ vào trạc tuổi tôi, nhưng tươi dòn hơn vì nhờ khí hậu mát mẻ của miền núi. Công việc trong nhà do một tay cô quán xuyến và sự tiếp đãi nồng hậu trong gia đình khiến má tôi ưng ý ngay.

Anh Ba tôi vui như Tết, tươi cười cả ngày và đã kết thân ngay với người anh của cô Ba cũng trạc tuổi anh. Anh bắt đầu thì thầm đến chuyện đổi chác chuối, và lúa làm cho tôi đâm ngượng lên trước cặp mắt xét nét của cậu trai con nhà ấy lúc nào cũng như dán vào người tôi. Sau một tuần lễ ở chơi, ba má tôi từ già ra về và ước hẹn sẽ đem lễ dạm qua khi xong mùa lúa.

Nhưng năm ấy ông nội tôi qua đời vì tuổi già yếu và cũng vì quá thua buồn trong một vụ mất trộm vàng mà suốt một đời cần cù của ông đã ky cóp được. Tôi không hiểu vì sao phần nhiều những gia đình khá giả ở vùng tôi hay có cái tục chia cha mẹ

ra đề phụng thờ. Như ông nội và bà nội tôi thì ông một nơi, bà một ngã, người ở với cha tôi, người lại về nương đậu bên nhà bác Ba tôi ở núi Chợ Mòi cách đến những năm cây số mà đáng lẽ rai hai ông bà phải được sống chung nhau trong những lúc gần đất xa trời. Ông nội tôi về sau sanh tật nhậu rượu, có bận say be bét đến phải ngã xề cả gối. Ông tuy thương yêu tôi lắm, nhưng mỗi khi mua rượu hay làm món nhắm trẻ là ông chưởi tàn mạt. Ông lại xấu rượu, khi đã say thì việc kín gì cũng nói tương lên:

— Mồ cha con Vân, nó nói tao say mà tao có say đâu. Tao tỉnh lắm chứ. Nè, tao còn nhớ hết: tao nằm ngủ trên chông nè, con dao dâu tao gát kể bên, hủ vàng tao chôn ngay đầu năm, thằng nào lớn gan đến ăn cắp vàng của tao, tao chẻ bẻ sọ nó ra...

Những khi ấy, tôi phải năn nỉ ông tôi mãi:

— Trời ơi «côn» nói nhỏ nhỏ vậy, ba má con ngủ giữ lúa ngoài trại ruộng, nhà vắng vẻ quá, lỡ ăn trộm lên vào thì sao?

«Côn» tôi, nghĩa tiếng tiều là ông nội, như nhựa bảo:

— Bộ tao có nói gì bậy sao. Thôi tao không thêm nói nữa. Mày cứ đi ngủ đi, Vân.

Kết quả cũng những trận say ấy là một buổi sáng nọ, khi nhìn thấy một lỗ đào tổng bọng dưới đầu giường, «côn» tôi ngã ngựa

ra bất tỉnh ngay. Ông tôi bắt đầu đau lệt giường từ đấy đến mấy tháng sau thì mất luôn.

Ba má tôi vì cái tang mà trẻ hện, đến tháng sáu năm sau mới thu xếp việc nhà đề qua núi Trượng, thì éo le thay, lại nhằm ngày bà nghiệp chủ nọ nhận lễ hỏi nơi một nhà khác. Bà dậm chân than trời trách đất, khóc lóc kể lể lại thời gian đợi chờ và hồi tiếc mãi cậu rể hột đẹp trai đã làm bà ưng ý hết sức. Cả những người bên tôi cũng mũi lòng rơi lệ, nhất là khi nghe cô Ba quần chí đến nỗi muốn cạo đầu đi tu. Đang tấp tễnh là nhà đàn trai, chúng tôi lại biếng thành những người ngoài có phận sự dàn xếp cho cô dâu yên phận về nhà mới của người ta!

Chuyến trở về buồn tênh, tế nhạt làm sao! Việc hoạn nạn thường dồn dập không ngớt, khi về đến chợ Châu đốc ba tôi đã thấy nhuộm bệnh nhưng vẫn gấn giường đi tàu về Rạch giá và về thẳng luôn tới nhà. Bệnh ba tôi không ngờ trở thành trầm trọng và một tháng sau, trong một chiều mưa gió nọ, người bảo má tôi gọi chúng tôi đến để trời trăng những lời từ biệt:

— Tôi tiếc vì mạng số vắng vôi, chưa kịp dựng vợ gả chồng cho mấy đứa con thì đã về cùng ông bà. Má nó... ở lại răn nuôi con... Vân... Khanh...!

(Còn nữa)

Ba Tèo xin trả lời

những câu hỏi ở

trang 106



1 — Thưa các Quý Ngài, cái làng có tên dài nhất trên Thế-giới mà cô Diệu Huyền hỏi đó, là làng này nè :

Llanfairpwllgwyngyllgogerychwyrndrobwllllantysiliogogoch (58 chữ). Làng này ở Hâu-quốc de Galles, ở nước Anh, hầu quốc này là một Hoàng-triều cương thổ của Nữ-Hoàng Elisabeth ban cho Hoàng-tử Charles, vừa được phong chức Prince of Galles. Thổ-ngữ ở đây không giống tiếng Anh chút nào hết. Thí dụ một câu mà dân chúng ở đây thường nói nhất, là câu : « Xứ Galles là một biển đầy những bài ca ». Tiếng Anh nói : Galles is an ocean of songs, thì tiếng của xứ Galles nói :

Mor O Gan ywcyf ru i gyd !

2 — Thánh Gandhi bị ám-sát năm 1939

3 — Bom nguyên-tử thả đầu tiên năm 1945 trên thành phố Hiroshima Nhật.

4 — Hitler lên nắm chánh quyền ở Đức năm 1933

5 — Hôn lễ Hoàng-Hậu Elisabeth cử hành năm 1947

6 — Staline trục-xuất Trotsky ra khỏi Nga năm 1928

7 — Nhà Bác-học Einstein được giải thưởng Nobel năm 1929

8 — Thiếu-phụ khóc ai ? Đáp :

Khó gì mà giải không ra :

Thiếu-phụ ngồi khóc con bà chớ ai ?

9.— Vua Thành-Thái ra câu đố *Kia mấy cây mía ?* và chính nhà vua đối lại : *Có vài cái vỏ.*

13.— Người ngoại-quốc đã tán-dương chị em phụ nữ ta ở Saigon và... Má thằng cụ Tèo, bằng những câu rất nên thơ kia, là Bác-sĩ Dereniez, một nhà viết báo trú danh của Pháp đến viếng Saigon năm 1940.

11.— Người ấy tên là Mạnh-Tử, nhà Đại-Triết-học Tàu.

12 Cụ Khổng-Thúc-Lương — (Thúc-Lương-Ngột), 70 tuổi lấy đũa đầy tớ 15 tuổi làm vợ thứ ba, tên là Nhân-Thị, sinh ra Đức Khổng-Tử.

13.— Trên Thế-giới hiện nay có 740 triệu người còn ăn bốc (bằng tay) — chưa biết dùng đũa, hay nĩa. Tài liệu của U. N. E. S. C. O (Liên Hiệp Văn-Hóa Quốc-tế của Liên-Hiệp-Quốc)

★ LÃO TỬ LÀ CON RỒNG

Khổng Tử tên là *Khâu*, tự *Trọng Ni* người nước *Lỗ* — *Lão Tử* tên là *Nhĩ* họ *Lý*, tự *Bá Dương* người nước *Sở*. Một bữa *Khổng Tử* đến thăm *Lão Tử* ở kinh đô nhà *Chu* (*Lạc Ấp*) hai ông nói chuyện với nhau về « *Lẽ* ». Khi về, *Khổng Tử* nói với học trò, cảm tưởng của Ngài về cuộc hội kiến với *Lão Tử* như sau : — « Con chim bay lưng trời, con cá bơi dưới nước, con thú chạy trên đất, ba giống ấy ta đều biết cách lui tới của chúng. Chừ đến như con *Rồng* vận chuyển phi thường trong vũ trụ mệnh mông thì ta không biết đâu mà lường chớ được. Hôm nay, Gặp *Lão Tử*, Ta thấy Ngài như con *Rồng* vậy ». (Sử ký — Tư mã thiên).

FRANÇOISE SAGAN



BONJOUR TRISTESSE



Buồn ơi ! Trần Cao Mĩ

Cô DIỆU HUYỀN dịch ra Việt văn

Françoise Sagan, tác-giả quyền truyện rất có danh tiếng này, là một cô Nữ-sinh Pháp, 18 tuổi. Thật không ai ngờ. Thi Tú-tài xong, cô cho xuất bản nó, rồi một sớm một chiều cô đã trở nên một nhà văn có tiếng-tầm lẫy-lừng ở nước Pháp và khắp Âu-Châu.

Ngày nay cả Thế-giới đều khen ngợi văn-tài của cô, và cô đã viết hai quyển tiểu-thuyết khác nữa. Truyện của cô đã được quay phim và các sách của cô đã được dịch ra các thứ tiếng : Anh, Mỹ Đức, Nhật, Ý, v.v...

Nhà Nữ-sĩ nay đã trở thành triệu phú tên thật là Françoise Quoirez, vừa mới kết duyên hồi tháng Ba năm nay với nhà xuất bản Guy Schoeller ở Paris lớn tuổi hơn cô khá nhiều.

Nhưng cô rất sung sướng được chồng cưng, và làm một người vợ rất chăm lo việc gia-đình, vừa viết văn với một máy đánh chữ, vừa lo việc bếp núc không thua một bà nội trợ đảm đương nào khác.

Bonjour Tristesse, là quyển truyện đầu tay của cô đã làm cô nổi tiếng khắp Thế-giới và cũng là quyển truyện hay nhất của cô. Hiện nay cô là nhà Nữ-sĩ Pháp được các lớp Thanh-niên và Tri-thức các nước ca-ngợi nhiều hơn hết. Bạn đọc quyền truyện, sẽ nhận thấy Françoise Sagan quả thật là một nữ-sĩ có tài. Văn của cô, cũng như tư tưởng của cô đều có vẻ nhẹ-nhàng, di-dôm, và thâm trầm, kỳ-lạ.

Các bạn sẽ ngạc nhiên gặp nhiều ý nghĩ táo bạo ở đầu óc một thiếu nữ 18 tuổi của Thời-dại Nguyên-tử. Cô dám viết ra những điều mà chưa có nhà văn nào dám viết và cô xử dụng lời văn khéo-léo.

Trong bản dịch Việt-văn này, tôi sẽ cố gắng dịch thế nào diễn đạt được hết lời và ý của tác giả.

PHẦN THỨ NHẤT

Chương một

NIỀM cảm-xúc vô-danh đang ám-ảnh tôi lúc này, chán-nản, dịu-dàng, tối-ngần-ngại gán cho nó một cái tên, cái tên xinh đẹp trầm-nặng, là con buồn. Vì cảm-xúc quá hoàn-toàn, quá vi-kỷ, khiến tôi hầu như thẹn-thù, chớ con buồn thì lúc nào tôi cũng cảm thấy như là đáng kính-trọng.

Tôi chưa hề cảm xúc như thế này bao giờ, tôi chỉ biết có chán-nản, hối-tiểu, thoảng-hoặc có đôi khi ân-hận. Hôm nay, có cái gì rơi xuống tâm-hồn tôi, như một thớ lụa, xào-xạc, êm dịu, cách-biệt tôi với những kẻ khác.

Mùa hè năm ấy, tôi mới có mười bảy tuổi, và tôi hoàn-toàn sung-sướng, Những «kẻ khác» tức là Ba tôi và Yến-Hoa (Elsa) là tình-nhơn của ông. Tôi phải gì ng-giải ngay tình-trạng hơi trái cựa này. Ba tôi bốn mươi tuổi, ông góa vợ đã mười lăm năm. Ông là người đàn - ông còn trai trẻ, dồi dào sinh-lực và khả-năng, và khi tôi ở nhà trọ ra, trước đây hai năm, tôi không lạ gì tình ông mà không hiểu tại sao ông cần phải sống với một người đàn-bà. Tuy vậy tôi khó chịu thấy ông cứ sáu tháng là thay vợ một lần. Nhưng rồi tôi cũng sẵn sàng quên đi vì nhận thấy ông có số đào-hoa, và ông thích cuộc đời mới-mẻ và dễ-dàng. Ông là người nhẹ dạ, thạo việc, lúc nào cũng hiếu kỳ và

chóng chán, và được đàn-bà ái-mộ. Tôi cũng âu-yếm Ba tôi lắm, cũng quyến luyến thiết tha vì ông tử-tế, rộng-lượng, vui-vẻ, và rất quý-mến tôi. Tôi tưởng tôi không có người bạn nào thân hơn ông, và vui tính hơn ông.

Đầu mùa hè ấy, ông nhã nhặn đến nỗi ông hỏi tôi trong kỳ nghỉ hè tôi có thích làm bạn với Yến-Hoa (Elsa) là tình-nhơn hiện-tại của ông không? Tôi trả lời sẵn-sàng chịu ý ông vì tôi biết ông cần có đàn-bà, vả lại Yến - Hoa, cũng sẽ không làm phiền nhọc gì cho chúng tôi lắm.

Nàng là một cô gái lớn tướng, tóc hoe-ho. đỏ, vừa là gái ti-tiện, vừa là ả giang-hồ, trước có đóng các vai phụ trong các phim-trường và các quán rượu ở Đại-lộ Champs-Élysées. Nàng tử-tế, hơi giản-dị, không lòe-loẹt phách lối mấy.

Vả lại, được đi nghỉ mát với Ba tôi thì tôi khoái-trả lắm, nên tôi cũng chẳng muốn trái ý Ba tôi làm chi. Ông có thuê trên bờ hồ Địa-Trung-Hải một biệt-thự lớn, tường quét vôi trắng toát, xinh đẹp, và tĩnh mịch mà chúng tôi vẫn mơ-ước từ hồi nắng hè bắt đầu oi-ả. Biệt thự xây dựng trên một mồm núi nhìn xuống biển, nấp sau một rừng thông xa đường lộ. Có một con đường mòn từ biệt thự đi xuống một vùng nhỏ có bãi cát ánh vàng, chung quanh có đá lỏm chỏm màu đỏ-hoe, mà sóng biển dội ra dội vào

Mấy ngày đầu thật là trung-bình. Chúng tôi ở hàng giờ

ngoài bãi biển, dầm dưới nắng, thịt da dần dần rực-rỡ ánh vàng troi đẹp lên, duy có nàng Yến-Hoa thì mặc váy đỏ bưng-lông-tóc và rụng-rời đầu-đón coi ghê lạ! Ba tôi tập hai ống chân làm những cử-động kỳ-cục, để xẹp bớt cái bụng bự không thích-hợp với khả-năng tán gái của ông.

Mỗi buổi sáng, cứ trời vừa hừng đông là tôi nhảy xuống biển, nước biển lúc bấy giờ mát rượi và trong veo, tôi chui xuống dưới, tôi lặn tôi hợp, tôi vùng-vẫy lung-tung để rửa sạch tất cả những bóng đen, tất cả những bụi-bặm của Paris. Tôi nằm sấp trên mặt cát, tôi hốt một nắm cát trong tay tôi, tôi thả nó rơi xuống qua mấy khe ngón tay thành những sợi cát vàng, êm-dịu; tôi nghĩ rằng cát trôi như thời gian, rằng đó là một ý-nghĩ dễ-dàng, và có những ý-nghĩ dễ-dàng như thế cũng thích-thú vì là mùa nghỉ hè.

Đến ngày thứ sáu, tôi trông thấy Tuấn-Sinh (Cyril) lần đầu tiên. Chàng ngồi trong một chiếc thuyền buồm nho-nhỏ trôi dọc theo bờ biển, đến nơi vụng của chúng tôi thì thuyền bị đắm. Tôi giúp chàng thu lượm các đồ-đạc và giữa lúc chúng tôi nô cưỡi thì chàng cho tôi biết tên chàng là Tuấn-Sinh (Cyril), chàng là sinh-viên trường Luật và chàng đi nghỉ-mát với mẹ chàng ở một biệt-thự gần đây.

Chàng có khuôn mặt như người La-Mã, màu nâu đậm, rất thông-minh, nét mặt của một người

cốt-cách thẳng-băng, hào-hiệp, khiến tôi ưa thích.

Thế mà từ trước đến giờ tôi vẫn tránh xa bọn sinh-viên Đại-học ấy, vì tội họ tàn-nhẫn, chỉ lo nghĩ đến thân họ, nhứt là đến tuổi trẻ của họ, tự tìm lấy cho họ một đề-tài của bi-kịch, hay một bằng-cớ để buồn-rầu. Tôi không ưa tuổi trẻ. Tôi thích những hạn-hè của Ba tôi hơn là bọn trẻ, những ông đã bốn-mươi tuổi, họ nói với tôi một cách lễ-phép hơn, và âu-yếm hơn, họ tỏ với tôi một tình-yêu dịu-dàng vừa như Cha, vừa như tình-nhân.

Nhưng hôm nay tôi lại thích chàng Tuấn-Sinh. Chàng cao lớn thỉnh-thoảng tôi thấy chàng đẹp, một sắc đẹp làm cho tôi tin-tưởng. Tôi không đồng-ý với Ba tôi về sự ông có ác - cảm với người nào xấu - xí, vì vậy mà chúng ta cứ giao-thiệp với những người đẹp mà ngu-ngốc, nhưng đứng trước những kẻ không có một chút duyên - dáng nào tôi vẫn thấy ngượng - nghịu không dễ-ý đến họ. Sự họ cam đành không gọi chút cảm-tình nào với chúng ta, tôi cho là một tàn-tật khiêm-nhã.

Vì lẽ, ai mà không tìm sự ưa-thích? Hôm nay tôi cũng chưa biết có phải ý ham-thích chiếm tình-yêu của ai là do một sinh-lực quá dồi-dào bùng-bọt hay không? Có phải đó là một ham muốn áp-lấn, hay chỉ là một nhu-cầu thoảng qua, thăm-kín, được tự-minh tin chắc nơi mình, tự an-ủi mình?

Khi Tuấn-Sinh từ-giả tôi, Chàng có hứa sẽ tập tôi bơi thuyền buồm. Tôi về nhà ăn cơm tối, đầu óc cứ lẩn vẩn vì chàng, và không thích chuyện-trò với ai cả. Có chăng tôi chỉ hơi để ý đến tính nóng nảy của Ba tôi, một chút thôi.

Xong bữa, chúng tôi ngã lưng nằm dài trên ghế pho-tôi, ngoài hè, như mọi buổi tối. Trời lung-tóe những ngôi sao. Tôi nhìn sao, mơ - mẩn được thấy chúng nó rụng sớm, rơi xoẹt khắp vòm trời. Nhưng bấy giờ mới là đầu tháng Bảy, các ngôi sao không nhúc-nhích. Trước hè, tiếng ve kêu inh-ỏi. Chúng nó có mấy ngàn con là ít, say nắng và say trăng, nên mới kêu kỳ cục như thế suốt những đêm trường. Người ta giảng cho tôi nghe rằng ve kêu là vì nó cọ sát hai cái cánh với nhau, nhưng chúng tôi lại thích tưởng-tượng là chúng nó hát với giọng khò-khè trong cổ, như mèo kêu trong mùa đực cái của nó vậy.

Chúng tôi thấy dễ chịu. Vì có những hạt cát nhỏ chui vào giữa da thịt của tôi với tấm áo sơ-mi của tôi nên tôi chưa ngủ được, mặc dầu cơn buồn-ngủ đã lấn-công tôi dề-mê êm-dịu. Ba tôi lại ho lên một tiếng rồi ngồi nhòm dậy trên ghế dài của ông. Ông bảo :

— Tôi báo tin cho các người biết sẽ có khách đến ở đây.

Tôi thất vọng, nhắm mắt lại. Chúng tôi được yên-tĩnh một thời-gian, bây giờ đây là hết !

Yến Hoa ham giao-thiệp L...
hè, vội-vàng hỏi :

— Ai đấy, anh ? Nói mau lên em nghe !

Ba tôi bảo :

— Anh-Lệ (Anne Larsen)

Rồi ông quay sang nói tôi. Tôi kinh-ngạc, ngó ông. Ông bảo :

— Ba có bảo nàng nếu nàng không được khỏe lắm thì đến đây nghỉ mát, và nàng... đến.

Thật tôi không thể ngờ được chuyện ấy. Anh-Lệ là một người bạn cũ của Má tôi, và nàng ít có giao-thiệp với Ba tôi lắm, tuy là trước đây hai năm, khi tôi ở nhà trọ ra, Ba tôi có gọi tôi nhờ nàng chăm nuôi hộ, để khỏi bận-rộn ông. Trong một tuần-lễ đầu, nàng đã dạy tôi cách phục-sức cho đúng-điệu, và dạy tôi cách xã-giao. Tôi rất yêu-quý nàng, nhưng nàng lại khéo léo xoay hướng tình yêu ấy đến một chàng trẻ tuổi quen với nàng.

Nhờ vậy mà lần đầu tiên tôi đã biết trang-sức duyên-dáng, và lần đầu tiên tôi đã biết yêu. Nay tôi vẫn còn mang ơn nàng về sự diu-dắt ấy. Nàng đã bốn mươi hai tuổi, nhưng vẫn còn mặ-mà lắm, rất quyến-rũ, được nhiều người mê, với khuôn mặt xinh-đẹp, kiều-hãnh, lãnh-đạm như chân-nắp cuộc đời. Người ta chỉ trách nàng về bộ mặt lạnh-lùng đó thôi. Nàng khả-ái nhưng làm cao. Tất cả trong người nàng đều phản-chiếu một ý-chí cương-

quyết bền-bĩ, một tấm lòng yên-tĩnh, khiến cho ai cũng kính-nể. Tuy nàng đã ly-dị và sống đơn-phương độc mã, nhưng ai cũng biết rằng nàng không có người tình-nhân nào. Và lại nàng giao-thiệp với một giới khác hơn chúng tôi : bạn hữu của nàng là những người thông-minh, tế-nhị, nhã-nhân, còn bạn bè của chúng tôi là những kẻ ồn-ào, khao-khát, mà Ba tôi chỉ thích họ đẹp và lố-lăng là được rồi. Tôi tưởng thế nào Anh-Lệ cũng khinh thường Ba tôi và tôi vì chúng tôi chỉ thích vui chơi, phù-phiếm, còn nàng thì ghét những cái gì thái-quá. Thỉnh thoảng chúng tôi chỉ gặp nhau trong một bữa ăn bàn về công-việc, nàng thì chăm lo nghề may còn Ba tôi thì chuyên về quảng-cáo —, hoặc đôi khi tưởng nhớ đến Má tôi, hay là nói đến việc học hành của tôi, tôi vừa nề-nặng mà cũng vừa quý mến nàng lắm.

Nhưng bây giờ sự Lệ-Anh sẽ đến, đột-ngột ở đây tôi thấy không hợp thời, vì có Yến-Hoa, và không biết Lệ-Anh sẽ nghĩ thế nào về sự giáo-dục của tôi trong hoàn-cảnh này.

Yến-Hoa hỏi Ba tôi vô số những câu hỏi về địa vị của Lệ-Anh trong xã hội, rồi nàng lên lầu ngủ. Còn một mình tôi với Ba tôi. Tôi đến ngồi trên bực thềm, bên chân ông. Ông cúi xuống, đặt hai tay trên vai tôi :

— Con gái dịu hiền, sao đẹp

này con gái đẹp thế ? Coi bộ cô, giống như mèo hoang nhỏ-thỏ. Ba thích có đứa con gái đẹp, tóc vàng hoe, lực-lưỡng một chút, với đôi mắt bằng sành, và...

Tôi bảo :

— Đấy không phải là vấn đề. Tại sao Ba lại mời Anh-Lệ đến ở đây ? Tại sao nàng lại nhận lời ?

— Nàng đến, có lẽ để thăm ông cha già của con. Biết đâu đấy !

— Ba đâu phải là hạng người mà Anh-Lệ thích ? Nàng quá thông-minh, nàng biết tự-trọng chứ ! Còn Yến-Hoa thì sao ? Ba có nghĩ đến Yến-Hoa không ? Ba tưởng Yến-Hoa với Anh-Lệ ra nói chuyện với nhau lắm hả ? Con thì không nghĩ thế nhé !

Ba tôi thú thật :

— Ba không nghĩ đến việc ấy. Ờ, nhỉ, hai người ấy mà gặp nhau thì đáng sợ thật ! Mộng-Linh dịu-hiền của Ba, hay là chúng ta trở về Ba-Lê đi !

Ông khẽ cười, vừa lấy tay xoa ót tối. Tôi quay lại ngó ông. Đôi mắt mờ tối của ông sáng-rực lên, hai bên vành mắt nổi lên mấy đường nhăn kỳ-cục, miệng ông hơi nhếch một chút. Coi diện-mạo của ông không đẹp tý nào. Tôi phì cười với ông, cũng như mỗi khi ông có chuyện gì rắc rối thì hai bố con nhìn nhau cười. Ông bảo :

— Chú mày ời, không có chú mày đồng lõa với ta thì ta biết tình sao đây ?

Nghe giọng nói của ông rất chân-thật, rất âu-yếm, tôi hiểu ngay là nếu không có tôi thì chắc ông khổ lắm. Chúng tôi thức thật khuya, bàn về ái-tình và những phức-tạp của nó. Theo Ba tôi nhận xét thì những phức-tạp của ái-tình chỉ có trong tưởng-tượng. Ông quả-quyết phủ-nhận sự trung thành, sự đứng-dấn, hoặc những lời thề non hẹn biển. Ông giảng cho tôi nghe rằng những thứ ấy không cần-cứ vào đầu cả, và không đi đến kết quả nào cả. Nếu người khác nói thế thì tôi cho là churong tai. Nhưng tôi biết

trường-hợp của Ba tôi, tuy nghi vậy nhưng ông vẫn quyến-luyến với tình-yêu, say-mê với nó, và ông càng biết nó là tạm bợ nhất-thời, ông lại càng thiết-tha với nó. Quan niệm ấy, tôi cũng chịu lắm: chỉ cần những tình yêu mau-lẹ, bông bột và thoáng qua. Tuổi tôi còn nhỏ, không phải tuổi chung tình. Tôi chưa biết gì về tình-yêu cho lắm: chỉ biết hẹn nhau gặp gỡ, hôn nhau cho đã, rồi chán nhau ngay!

HẾT CHƯƠNG I

(Còn nữa)

* NGƯỜI CHỒNG CÓ PHƯỚC

Ba Tèo mới cưới vợ, đi chơi gặp Thiên-lý-Nhơn. Lý-Nhơn khen Ba Tèo:
— Anh Ba Tèo à, tui thấy anh dạo này ăn mặc tử-tế, nút khuy kết dang-hoàng quá! Anh có phước mới lấy được cô vợ giỏi, đó anh!
— Đúng, mới có một tuần mà nó chỉ cho tui may vá được, có tài hông anh!

* BẮT MẠCH TIỀN

Bác-Sĩ: — Ông có đủ tiền trả không nếu tôi bảo là bệnh ông cần phải chữa gấp?
Bệnh-nhân: — Ông thấy có cần phải chữa gấp không nếu tôi không đủ tiền?

* ĐÀN ÔNG LÀ PHÁI YẾU

— Cha-oi! tại sao đàn ông không được lấy nhiều vợ?
— Con à, lúc nào con trưởng-thành, con sẽ hiểu rằng luật-lệ làm ra cốt để bênh-vực cho những kẻ nào không thể tự-vệ được.

* PHÉP LỊCH-SỰ

Cu Tèo lên tám, vừa ngón xong bánh mì thì vào lớp học, quên lau miệng.
Cô giáo nheo lông mày rồi hỏi:
— Đi học mà quên rửa mặt, xấu lắm. Nếu cô cũng làm như em thì em sẽ nói sao?
— Thưa Cô, em chẳng nói gì cả. Em cần phải giữ phép lịch-sự à!

* CÁI CÓ LÝ

Quan-Tòa: — Nè, sao anh quả quyết rằng anh vô tội? Có tám người trông thấy anh phóc lên chiếc xe máy toan đẹp chạy trốn.

Thủ-phạm: — Ô, thưa quan-tòa, cái đó có quan-hệ gì. Tôi có thể tìm ra tám nghìn người không thấy tôi lấy chiếc xe máy à!

Xuân-Giang và Ba Tèo

VIỆT-NAM, QUÁ 4.000 NĂM CA-DAO



* * * BA TÈO * * *

THƯA Bà con cô-bác,
Bộ-môn Ca-dao này, tui-tui nhưt-định xin đòi về phần tui-tui, là bọn Bình Dân Quê Mùa của Đổng-Ruộng Việt-Nam.

Về địa-hạt Văn-Thơ, nào Thơ cũ, Thơ mới, nào Đường-luật, Tự-do, thì hẳn là về phần của các nhà Tri-thức rồi. Tui tui hồng dám xen vô. Đời nay, thơ in trên mặt báo, hoặc xuất-bản thành sách, xưa các cụ cũng chép trong bản-thảo, để lại hàng nghìn Thi-tập, với những tên thi-sĩ rạng danh muôn thuở muôn đời.

Còn tui-tui là lũ Dân Quê tay lấm, chun bùn, sống bằngmồ-hôi nước mắt, kể đi cày, đi cấy, người làm thợ mộc, thợ nề, cả ngày chỉ tối năm ngón tay cằn-

cổ có bao giờ được hân-hạnh cầm cây bút lông hay cây bút sắt đầu!

Vả lại, tui-tui hầu hết là hồng có học-thức như quí cụ, quí cô. Tui-tui văn dốt chữ dốt, ngày xưa chỉ nghe lỏm chút ít *chi hồ giả dĩ*, ngày nay học mót mấy vận i-tờ. Cho nên tui tui chẳng hiểu Văn-thơ là chi chi ráo!

Nói vậy, chẳng phải là đầu óc quê-mùa của tui-tui hồng biết suy nghĩ đâu. Nhưng nghĩ ra câu gì, nói ra câu nấy. Muốn nói cho vui thì đặt ra thành vè, hát lên thành câu, đơn-sơ giản-dị, hồng có văn-hoa bông-bẩy như các Ngài có học. Hát lên trong lúc ru em, hát lên trong khi đã gạo, hát lên trong đêm thanh gió mát, hát lên trong lúc quay tơ. Trên bờ

ruộng, trên mặt sông, bên bụi tre, ngoài vườn chuối... Sáng sớm, gà vừa gáy, tui-tui đã mở mắt dậy, lật-đật tay cầm chiếc rựa nhíp-nhàng gõ lên đòn xóc, miệng đã hát vang lên để gọi anh chị em trong xóm mau mau tựu hội nơi chòi cạnh đê cùng nhau vô rừng đốn củi. Trưa trời nắng cháy thệt cháy da, tui-tui kẻ đắp bờ người cấy mạ, miệng cũng vẫn cứ hát lên ngân-ngã đội cả cánh đồng.

“ Rồi trưa cũng hát, chiều cũng hát, tối cũng hát... Hát hoài hát hũy, khắp cả giảng-son đất Việt quanh năm suốt tháng chỉ vang động tiếng hát của Dân Quê. Cứ như thế, người này truyền khẩu qua người kia, đời con nhớ lại từ đời cha, suốt từ Nam tới Bắc, vượt ải qua trường, câu Ca-Dao của người nông dân Việt lư-truyền mãi mãi cho đến chừ.

Tui được nghe lỏm có người đọc một câu bằng tiếng La-tinh (hay La-Mã gì đó) như vậy, nếu nhờ Trời tui nhờ hồng sai :

Verba volant, Scripta manant.

Họ giảng nghĩa cho tui nghe là « lời nói bay đi, chữ viết còn lại ». Vậy mà lạ thiệt, kể đã 4000 năm chớ ít-ỏi gì sao, có tới hàng ức hàng muôn câu Ca-Dao của người Dân ta, hồng để lại một dấu vết nào trên giấy tờ mà nay vẫn còn đầy-đủ, hồng thiếu một câu nào ! Lại cứ thêm hoài thêm mãi ! Nếu được như Iú-a mà hốt đồ vô vựa thì ngày nay Ca-dao của Dân ta chưa đầy-ęc biết bao

nhiều kho-làng vô-tận, há Bà-con ?

✱

Ca-dao Việt-Nam ta nhiều quá xá ! Nhiều quá xá !

Hồng phải khoe-khoan, chớ thiệt hãnh-diện cho người Dân-Quê ta đã đóng-góp biết bao nhiều mồ-hôi nước mắt bởi-bỏ giảng-son, lại còn để lại cho nòi giống qua muôn đời muôn thuở một gia-tài Văn-hóa quý báu quá chừng !

Thưa Bà con cô bác của thời-đại nguyên-tử, ngày nay Dân nước ta đã tiến-bộ tới đâu chẳng nữa, nhưng cái di-sản của 4000 năm còn lại cho ta đó, nó trường-tồn bất-tận, nó còn mới hoài, mới mãi, nó mỗi ngày mỗi mới, *nhứt-tân nhứt-nhưt tân, hựu nhứt-tân..*, hồng bao giờ lỗi thời lạc-hậu cả ! Các ngài đọc lại bất cứ một câu Ca-dao nào, hồng thấy nó cũ chứt nào hết, hêo hồng ?

Vậy đó, cho nên tui mới dám xin phép các ngài cho tui được góp-nhóp lại, trong một xó tòa nhà Văn-hóa *Phở-Thông* này, những câu Ca-dao từ xưa từ xưa, từ Nam tới Bắc, để rồi tui sẽ cố-gắng viết một cuốn sách bự về « Việt-Nam, qua 4.000 Năm Ca-Dao. »

Dạ thưa quới Ngài, tui hồng phải là Nhà Văn, Nhà Thơ gì ráo. Tui cũng hồng phải là Nhà Học-giả học-thiệt chỉ tron. Nhưng từ trước đến giờ tui được hân-hạnh đọc mấy cuốn sách của các

Ngài Học-giả đã viết về *Ca dao Việt-Nam*, thiệt tui hồng bằng lòng chứt nào hết. Xin lỗi quới Ngài, tánh tui nghĩ sao nói vậy.

Vì lẽ thứ nhứt là mấy ông chỉ lượm-lặt được vài trăm câu, tui-tui thấy hồng đủ vào đâu hết. Lẽ thứ hai là các ông lại ra dùng các thứ triết-lý mới của Âu-Tây, khó hiểu bỏ xừ, đề « nhận-xét » « phân-tách », « nghiên-cứu », về tâm-hồn của người Dân ta, mà hồng ăn nhập gì tới thực-tế của Dân ta hết trọn ! Ông thì áp-dụng biện-chứng-pháp của Mạc-xít Mạc-xéo gì đó, ông thì thuyết-minh theo triết-học Freud (Phờ-Rốt) Phờ-rít gì đó, tui-tui là Bình-dân Việt-Nam thấy hồng đúng chỉ tron ! Trật-lất hết !

Hồng ! Hồng được ! Tui tui, là Dân-quê Việt-Nam, sống từ 4000 năm nay trên đất của con Rồng cháu Tiên, hồng có biết mạc-xít, phờ-rốt-đít hay rớt-khu gì ráo !

Tui tui sẽ trình bày mọi lẽ thực tế Việt Nam hơn.

✱

Vạn-sự khởi đầu nan, tui xin bắt đầu góp-nhóp cho thiệt đầy-đủ các câu Ca-dao ta, rồi sẽ nói chuyện sau. Hiện giờ trong ngăn tủ bị một ản của tui, đã có trên hai ngàn câu, ky-cóp trong nhà tù một mờ, ở ngoài đời một mờ. Nhưng tui biết là chưa đủ. Vậy tui dám xin bà con cô bác, ai biết câu nào, làm ơn gởi về cho tui xin, tôi cảm ơn hồng xiết kể. Trong quyển sách của tui sẽ hồng dám quên tên các bạn góp phần cho tui ; bởi lẽ đó

là phần trọng đại hơn cả. Chừng nào tui có đủ năm sáu ngàn câu : Ca dao, hát-hò, hò nhặt, hò khoan, hát lía, hát mạc, sa mạc, trống quân, hát đố, vè, v... tui mới có thể phân ra từng loại, ghép từng đề-tài, nhiên hậu tui mới dám chép ra thành sách, để trình-bày thấu-triệt tinh thần đời dào, phong-phú lạ lùng, của người Dân ta, thuần-túy Dân ta.

Tui hồng chịu làm như mấy ông Văn-sĩ lấy lệ, cứ đem một vài triết lý ngoại-lai vô « phân tách » Ca dao và Văn Thơ Việt nam, rút cuộc rồi hồng còn gì là Việt nam hết ráo ! Theo ý hèn-mọn của tui, thì một là phải Việt nam chính hiệu con-nai, hai là hồng phải Việt-Nam chi tron, (nhứt là về văn-hóa cổ-cựu của ta)... Nói cũng như ông Thi-sĩ Shakespeare nào đó của nước Anh hồi xưa :

To be, or not to be :
that' s the question !

(Phải hay là không phải, vấn-đề chỉ có thể thôi !)

(Xin lỗi bà con, lỗi tui viết trật chữ Ang-lê xin Bà con sửa giùm, vì tui chỉ nghe lỏm tiếng được tiếng mất, hồng chắc gì trúng hết đâu ạ.)

Trong cuốn sách của tui, (Tui hồng dám so sánh với bộ Kinh-Thi vĩ-dại của Cụ Không bên Tàu đâu nghen!), dĩ-nhiên là tui sẽ ghi rõ một bản danh sách các Bạn ở Trung-Nam-Bắc, đã và sẽ có thịnh-tinh tiếp-

tục giúp tui sưu tầm như mấy năm trước rồi, thành cuốn « VIỆT-NAM, QUA 4000 NĂM CA-DAO ».

Tuixin nhớ ơn các bạn 4000 lần! Thơ bất tận ngôn.

Nguyễn-Ba-Tui,
tên tục là BA-TÈO.

★ Đây là của cô **Bằng - Tâm**, ở Huế (xin cô bạn cho biết địa chỉ rõ ràng) đã gửi cho tui :
(Xin chú ý : con số dưới đây là tiếp theo con số tui đã có từ trước rồi)
của **Bằng-Tâm** — (Huế)

2118. — Ru em cho thết cho muôi,
Đề mẹ đi chợ Truôi (1) mua bánh em ăn.

(1) Truôi : 1 làng ở xứ Huế,

2119. — Trái-bòn hòn trong tròn ngoài méo
Trái thầu dâu, trong héo ngoài tươi

Em thương anh ít nói ít cười,
Ôm duyên ngồi đợi chín mười con trăng !

2120. — Muối mặn ba năm muối
hãy còn mặn
Gừng cay, chín tháng gừng hãy còn cay

Điều nghĩa can-thường chó đời
dừng thay.

Dâu có làm nên danh-vọng rũi
có ăn mày cũng theo nhau.
Theo nhau cho trọn đạo Trời
Dâu mà không chiều trái toi mà nằm.

2121. — Lên rừng hóa hổ về
đồng nội hóa long
Trời xui đất khiến 2 đứa con
giòng gặp nhau.

2122. — Chim chiến bụi sậy ; Con
cá quậy bụi từng.

Anh thương em thâm-thiết vô cùng

Đĩa nghiêng mài mực tạt cũng
bức thơ.

2123. — Thư dưới gửi lên

Thư trên gửi xuống.

Em đang ần đang uống, em bỏ
đũa xuống xem thơ

Xem rồi nước mắt ướt hết nửa tờ

Ai phân chồng rẽ vợ kiếm
đường su-sơ dễ tìm.

(su-sơ sắt-sỏi : lang thang)

2124. — Tai em nghe anh đau
đau chưa khá

Em băng đồng chỉ sá đi bề
nằm (1) lá nọ về xông

(1) Nằm

Ở làm ri (2) dây cho trọn nghĩa
vợ chồng

(2) vậy

Đồ mờ hôi ra em chặm, ngọn
gió lồng em che.

2125. — Tay em cầm gáo nước
tươi cả 3 cây

Tươi cây lựu bỏ cây đào

Tươi cây đào bỏ cây lê

Có ai trong nhà cho em mượn
1 đôi gióng để bưng về cả
ba cây !

2126. — Bởi vì chàng nên chi
thiếp phải chịu đòn oan.

Thần phụ già đánh mắng, thế-
gian ta chê cười.

2127. — Thương nhau cau sáu
bữa ba

Ghét nhau cau sáu bữa ra thành
mười.

Xin nhớ : những câu nào đã có rồi,
thì không đăng lại.

(còn nữa)

XIN LƯU Ý : Vì nhiều vấn - đề kỹ - thuật, trong ba bốn số đầu

tạp - chí có thể ra trễ 4 hay 5 hôm, nhưng vẫn ra đều
mỗi tháng 2 kỳ. Xin bạn đọc thông cảm cho.

ĐA TẠ

PHỔ - THÔNG tạp chí

XUẤT BẢN MỖI THÁNG 2 KỲ

GIÁ BẢO :

Mỗi số	10 \$
Ba tháng (6 số)	60 \$
Sáu tháng (12 số)	110 \$
Chín tháng (18 số)	170 \$
Một năm (24 số)	220 \$

Lệ mua báo, trả tiền trước. Xin để Quý danh
và Địa-chỉ thật rõ ràng.

Tất cả thư-từ đều gửi :

Ô NGUYỄN-VỸ

Giám-đốc Chủ-Bút tạp-chí PHỔ-THÔNG

227, Phạm ngũ-Lão — SAIGON

★ Về Tiền-bạc, xin giao-dịch với Nhà-Sách Nam-
Cường, 185, Nguyễn-thái-Học — Saigon

AI MUỐN ĐỔI PHỔ-THÔNG CŨ, LẤY PHỔ-THÔNG MỚI ?

Bạn nào còn giữ các số PHỔ-THÔNG cũ. Bộ I và Bộ II,
từ số 1 đến số 15, hoặc LÊ-TÊ KHÔNG ĐỦ BỘ, xin gửi về
tôi, tôi xin đổi lại PHỔ-THÔNG MỚI. (Cần phải nguyên vẹn,
đừng mất bìa hoặc mất các trang ruột). Một quyển Phổ-Thông
cũ, đổi lấy một quyển Phổ-Thông mới. Thành-thực cảm ơn
các bạn.

NGUYỄN - VỸ

Kiểm-duyet số 33 ngày 18-10-53

CÙNG BẠN ĐỌC TUẦN-BÁO

BÔNG LÚA

TUẦN-báo BÔNG-LÚA phải đình-bản một cách đột-
ngột, nên không kịp có lời trần-tình cùng Bạn đọc
thân-mến. Vậy chúng-tôi xin Bạn đọc miễn thứ cho vì một
nguyên-nhân ngoài ý muốn của chúng tôi.

Hôm nay chúng tôi xin có lời chào **TẠM-BIỆT** Bạn
đọc BÔNG-LÚA.

Nhưng từ nay chúng ta vẫn còn gặp nhau trong Tạp-
chí **PHỒ-THÔNG**.

Chủ trương hoàn-toàn văn-hóa, không dính đến chính-
trị, tạp-chí **PHỒ-THÔNG** sẽ không bị gián-đoạn, và sẽ
cùng Bạn đọc gặp mặt thường xuyên mỗi tháng hai lần.

Chúng tôi thành-thật cảm ơn tất cả Bạn-đọc đã sốt-
sắng ủng-hộ Tuần-báo BÔNG-LÚA.

Chào Thân mến

Chủ-Bút tuần-báo BÔNG-LÚA
Giám-đốc tạp-chí PHỒ-THÔNG



Dân-Ta

ĐÃ
PHÁT-HÀNH
NĂM 1957

★ Một địa-chỉ tín-nhiệm mà quý vị muốn sở-những
tấm chân-đụng nghệ-thuật



DÔNG DA

Quán 21-24

NGUYỄN-HUY

SAIGON

- ★ Một nơi đáng tin-cậy của
quý bạn nhiếp ảnh tài-tử
muốn tráng phim, in, rọi
hình đủ loại.
- ★ Một địa điểm triển-lãm
thường trực những tác-
phẩm nhiếp ảnh chọn lọc.
- ★ Một nơi đầy đủ chuyên viên
lành nghề đề quay phim
và chụp hình tại nhà.



*Mao-Ten! chỉ một ly thôi.
Ấm lòng lên cả hương đời về tỉnh.
... là thời khắc tình.*

CÓ MẤY LOẠI THUỐC BỔ?

BỔ TRẺ CON

Cam tích, bụng lớn nội gân xanh đỏ mồ hôi
đầu, ăn uống, chậm tiêu, hãy uống NHI KHOA
BÁ BỔ HOÀN, trẻ em sẽ được mập mạnh
màu lớn.

Giá 30 \$ 00.

BỔ THANH NIÊN

Mệt suy, đau, lưng nhức mỏi, mộng mị
đi lỉnh, sức lực suy nhược, hãy uống TAM
TINH HẢI CẦU BỔ THẬN HOÀN hằng hái
yêu đời.

Giá 32 \$ 50.

BỔ TRUNG-NIÊN

Vì quá lao tâm lao lực, đau lưng, ngực
rang, đầu vầng, bần thần mệt nhọc, ít ngủ,
đái đêm, phòng sự yếu, hãy uống SÂM
NHUNG DƯƠNG TÂM BỔ THẬN HOÀN
sẽ được như ý.

Giá 39 \$ 00.

BỔ LÃO

Các cụ lưng mỏi, gối dòn, khí huyết
suy kém, tỷ vị hư nhược, ít ăn ít ngủ,
uống thuốc DIÊN LINH ÍCH THỌ HOÀN, sẽ
được tỏ tại sáng mắt, sống lâu thêm tuổi.

Giá 39 \$ 00

NHÀ THUỐC VÕ-VĂN-VĂN
201-2 1, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học
SAIGON



ĐỀ BỒ PHỔI, TRỊ HO

DÙNG THUỐC CAO HO:

QUẢNG-AN-TIÊN

Lành ho, mát phổi, thông đàm. Cực kỳ
công hiệu với bệnh: Ho lao. Ho sút huyết.
Ho sản hậu. (Có bán khắp nơi) và tại nhà
thuốc:

QUẢNG-AN-HÒA

169, Lê-văn-Duyệt (Chợ Đũi) — SAIGON

Tại đây, Đông-y-Sĩ LÝ-TRÁC xem mạch mỗi ngày.

Chuyên trị các bệnh của Nam phụ lão ấu.

Đề trị tất cả các chứng lao lực, lao tâm,
thiếu máu, kém ăn, ít ngủ chỉ có:

ĐẠI BỔ NGŨ TẠNG-TINH LA-VẠN-LINH

Dùng vài ngày đủ thấy dứt mệt, hết nhức mỗi
đau lưng, được ăn ngon ngủ yên. Một hiệu thuốc
trị lành bệnh di-tinh của thanh niên, bổ huyết điều
kinh cho phụ nữ, bảo vệ sức khỏe cho trẻ em học
sinh có hiệu quả lạ. Ai dùng qua cũng đều vừa
ý — (có đề bán khắp nơi).

Dùng Dầu LA-VẠN-LINH đề ngứa và trị:
nhức đầu, đau bụng, cảm, sởi mũi, Mùi thơm
dịu — (có bán khắp nơi).